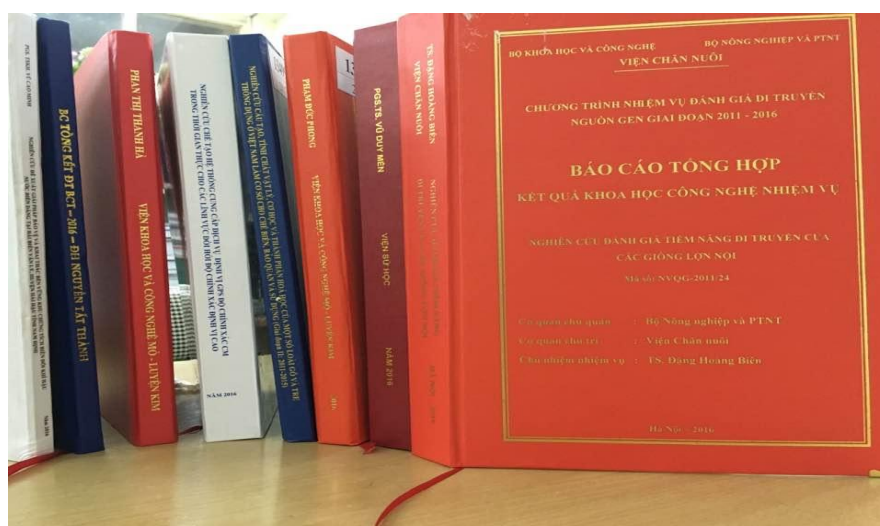


# THÔNG BÁO

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



**SỐ 5**  
**2021**



**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**(Định kỳ 1 số/tháng)**

**BAN BIÊN TẬP**

<i>Trưởng ban:</i>	THS. VŨ ANH TUẤN
<i>Phó Trưởng ban:</i>	ThS. Võ Thị Thu Hà ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh
<i>Ủy viên thư ký:</i>	ThS. Nguyễn Thị Thưa CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu CN. Nguyễn Thu Hà

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	ii
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	9
<u>Phụ lục</u> : Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	87

## LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”***.

Xuất bản phẩm ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

**CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

***Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội***

**ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: [quanly@vista.gov.vn](mailto:quanly@vista.gov.vn)**

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

**GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**CHÚ GIẢI**

① 74479.1-2020. ② Nghiên cứu đề xuất một số khu vực có thể phục hồi và tái tạo hệ sinh thái rạn san hô phục vụ du lịch sinh thái biển Khánh Hòa/ Võ Sĩ Tuấn, TS. Nguyễn Văn Long; CN. Phan Kim Hoàng; ThS. Thái Minh Quang; ThS. Phan Thị Kim Hồng; ThS. Mai Xuân Đạt; ThS. Phạm Sĩ Hoàn; ThS. Phạm Bá Trung; CN. Hứa Thái Tuyên; TS. Hoàng Xuân Bền - Khánh Hòa - Viện Hải dương học Nha Trang, 2018 - 01/2015 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố) ④

⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

⑩—Tổng quan về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, đa dạng sinh học ở vùng biển Khánh Hoà. Đánh giá hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô ở các khu vực có tiềm năng sử dụng cho mục tiêu du lịch sinh thái biển. Điều tra hiện trạng sử dụng và quản lý tài nguyên tại các khu vực tiềm năng. Phân tích các yếu tố tích cực và hạn chế liên quan đến phục hồi rạn san hô và phát triển du lịch sinh thái và đề xuất các khu vực có thể phục hồi và tái tạo rạn san hô nhằm sử dụng cho du lịch sinh thái. Xây dựng mô hình phục hồi, tái tạo rạn san hô với sự tham gia quản lý của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: KHA-2019-002

①	Mã tra cứu
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP  
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

<b>1. Khoa học tự nhiên .....</b>	<b>9</b>
<b>101. Toán học và thống kê.....</b>	<b>9</b>
10101. Toán học cơ bản .....	9
<b>103. Vật lý .....</b>	<b>9</b>
10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học .....	9
10302. Vật lý các chất cô đặc.....	10
10303. Vật lý hạt và trường.....	11
10304. Vật lý hạt nhân .....	12
<b>104. Hóa học .....</b>	<b>12</b>
10403. Hoá lý .....	12
<b>105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan .....</b>	<b>13</b>
10501. Địa chất học.....	13
10509. Các khoa học môi trường .....	13
10512. Hải dương học .....	14
10513. Thủy văn; Tài nguyên nước .....	14
<b>106. Sinh học.....</b>	<b>14</b>
10614. Sinh thái học.....	14
10615. Đa dạng sinh học .....	15
<b>2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....</b>	<b>15</b>
<b>201. Kỹ thuật dân dụng .....</b>	<b>18</b>
20102. Kỹ thuật xây dựng .....	18
20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị .....	19
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải .....	20
20105. Kỹ thuật thủy lợi.....	21

<b>202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin .....</b>	<b>23</b>
20201. Kỹ thuật điện và điện tử .....	24
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),.. ..	25
20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông .....	26
20206. Phần cứng và kiến trúc máy tính.....	27
<b>203. Kỹ thuật cơ khí.....</b>	<b>27</b>
20303. Chế tạo máy công cụ .....	27
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp.....	28
20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và giao thông.....	28
20310. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy xây dựng.....	29
20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thủy .....	30
20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng .....	31
20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân .....	31
<b>204. Kỹ thuật hóa học .....</b>	<b>31</b>
20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm) .....	31
20403. Kỹ thuật hoá dược .....	32
20404. Kỹ thuật hoá vô cơ .....	32
<b>205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim.....</b>	<b>32</b>
20508. Vật liệu điện tử .....	32
20515. Vật liệu tiên tiến .....	33
<b>206. Kỹ thuật y học .....</b>	<b>34</b>
20601. Kỹ thuật và thiết bị y học .....	34
<b>207. Kỹ thuật môi trường.....</b>	<b>35</b>
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật.....	35

20704. Viễn thám .....	37
<b>209. Công nghệ sinh học công nghiệp .....</b>	<b>38</b>
20901. Các công nghệ xử lý sinh học (các quá trình công nghiệp dựa vào các tác nhân sinh học để vận hành quy trình), xúc tác sinh học; lên men .....	38
20999. Công nghệ sinh học công nghiệp khác.....	38
<b>210. Công nghệ nano.....</b>	<b>39</b>
21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất).....	39
21002. Các quy trình nano (các ứng dụng ở cấp nano). (Vật liệu sinh học kích thước không phải nano được xếp vào 209).....	39
<b>211. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống.....</b>	<b>41</b>
21101. Kỹ thuật thực phẩm .....	41
<b>3. Khoa học y, dược .....</b>	<b>42</b>
<b>301. Y học cơ sở.....</b>	<b>45</b>
30103. Miễn dịch học.....	45
<b>302. Y học lâm sàng .....</b>	<b>45</b>
30201. Nam học .....	45
30214. Nha khoa và phẫu thuật miệng.....	46
<b>304. Dược học .....</b>	<b>46</b>
30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc .....	46
<b>4. Khoa học nông nghiệp .....</b>	<b>47</b>
<b>401. Trồng trọt .....</b>	<b>51</b>
Hoàn thiện quy trình nhân giống (cây giống). Hoàn thiện quy trình trồng và chăm sóc. Hoàn thiện quy trình thu hoạch, khử chất và bảo quản chế biến. Sản xuất thử nghiệm. Mô hình thâm canh (trên vườn hồng cũ). Mô hình trồng mới. Đào tạo, tập huấn cho cán bộ kỹ thuật và nông dân tham gia dự án. ....	51
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm.....	51

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả .....	52
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc .....	54
40106. Bảo vệ thực vật.....	54
<b>402. Chăn nuôi.....</b>	<b>56</b>
40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi.....	56
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi.....	56
<b>403. Thú y .....</b>	<b>58</b>
40306. Bệnh học thú y.....	58
<b>404. Lâm nghiệp.....</b>	<b>59</b>
40402. Tài nguyên rừng .....	59
40404. Sinh thái và môi trường rừng .....	59
<b>405. Thủy sản.....</b>	<b>59</b>
40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản.....	59
40503. Bệnh học thủy sản .....	60
40504. Nuôi trồng thủy sản .....	61
40506. Quản lý và khai thác thủy sản .....	62
<b>406. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp .....</b>	<b>63</b>
40604. Các công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp.....	63
<b>5. Khoa học xã hội .....</b>	<b>64</b>
<b>502. Kinh tế và kinh doanh .....</b>	<b>71</b>
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh....	71
50202. Kinh doanh và quản lý .....	72
<b>503. Khoa học giáo dục.....</b>	<b>74</b>
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.. ..	74
<b>504. Xã hội học .....</b>	<b>75</b>



50402. Nhân khẩu học.....	75
50404. Dân tộc học.....	76
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội.....	76
<b>505. Pháp luật.....</b>	<b>77</b>
50501. Luật học.....	77
<b>506. Khoa học chính trị.....</b>	<b>82</b>
50601. Khoa học chính trị.....	82
50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị.....	82
<b>507. Địa lý kinh tế và xã hội.....</b>	<b>83</b>
50702. Địa lý kinh tế và văn hoá.....	83
<b>508. Thông tin đại chúng và truyền thông.....</b>	<b>84</b>
50802. Thông tin học.....	84
50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội.....	84
<b>6. Khoa học nhân văn.....</b>	<b>85</b>
<b>601. Lịch sử và khảo cổ học.....</b>	<b>85</b>
60101. Lịch sử Việt Nam.....	85
<b>603. Triết học, đạo đức học và tôn giáo.....</b>	<b>85</b>
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ.....	85
60303. Đạo đức học.....	86

## THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

### 1. Khoa học tự nhiên

#### 101. Toán học và thống kê

##### 10101. Toán học cơ bản

78018. 05-2021. **Điều kiện cần và đủ cấp 1 và cấp 2 cho nghiệm hữu hiệu của bài toán cân bằng vectơ không trơn/** GS. TS. Đỗ Văn Lưu, TS. Đinh Diệu Hằng; TS. Trần Văn Sự; TS. Trần Thị Mai - Hà Nội - Viện Toán học và Khoa học ứng dụng Thăng Long, 2020 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các điều kiện cần và đủ cấp 1 cho các loại nghiệm hữu hiệu của bài toán cân bằng vectơ không trơn có ràng buộc đẳng thức, ràng buộc nón và ràng buộc tập dưới ngôn ngữ dưới vi phân suy rộng và Jacobians xấp xỉ. Nghiên cứu điều kiện cần và đủ cấp 2 cho nghiệm hữu hiệu của bài toán cân bằng vectơ có ràng buộc đẳng thức và ràng buộc bất đẳng thức qua đạo hàm Pales-Zeidan.

Số hồ sơ lưu: 17822

78029. 05-2021. **Một số định lý giới hạn trong lý thuyết xác suất/** GS. TS. Nguyễn Văn Quảng, TS. Dương Xuân Giáp; TS. Lê Văn Dũng; TS. Nguyễn Văn Huân; TS. Phạm Trí Nguyễn; ThS. Hoàng Thị Duyên; ThS. Đỗ Thế Sơn - Nghệ An - Trường Đại học Vinh, 2020 - 11/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập một số kết quả về xấp xỉ phân phối chuẩn của tổng các biến

ngẫu nhiên martingale theo một số metric thông dụng; Các định lý ergodic đối với các trường hợp hàm tuyến tính, hàm phi tuyến, hàm nửa liên tục trên hoặc hàm nửa liên tục dưới; đối với các loại hội tụ khác nhau và đối với không gian có cấu trúc khác nhau; Định lý Baum - Katz đối với dãy các biến ngẫu nhiên có cấu trúc phụ thuộc; Các định lý về sự hội tụ đầy đủ của dãy và mảng các biến ngẫu nhiên mờ và dãy và mảng các biến ngẫu nhiên nhận giá trị trong không gian metric. Thiết lập một số định lý giới hạn trong xác suất không giao hoán.

Số hồ sơ lưu: 17851

#### 103. Vật lý

##### 10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học

78369. 05-2021. **Nghiên cứu lý thuyết động lực học của quang electron gây ra bởi laser trong phân tử/** TS. Hirobumi Mineo, TS. Phan Thị Ngọc Loan; ThS. La Dũng Kiệt; ThS. Nguyễn Thị Hiền; ThS. Trần Lan Phương - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 2020 - 12/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu ảnh hưởng của hiệu ứng dao động hạt nhân lên các mạch vòng  $\pi$ -electron một chiều trong phân tử đối xứng thấp. Khảo sát cấu sự phân bố moment động lượng góc của pi electron. Xác định ảnh hưởng của hiệu ứng suy giảm trạng thái lên phổ HHG của nguyên

tử và phân tử ở trạng thái chồng chập của trạng thái cơ bản và kích thích.

Số hồ sơ lưu: 17953

### 10302. Vật lý các chất cô đặc

78007. 05-2021. **Nghiên cứu cấu trúc và mối tương quan nhiệt-điện-từ trong hệ vật liệu manganites dạng khối và nano tinh thể/** PGS. TS. Lê Việt Bá, TS. Lê Thị Giang; PGS. TS. Phạm Thanh Phong; PGS. TS. Nguyễn Mạnh An; ThS. Nguyễn Lê Thị; ThS. Đinh Chí Linh; KTV. Nguyễn Hoàng Hà - Thanh Hóa - Trường Đại học Hồng Đức, 2019 - 12/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được mối quan hệ nhiệt - điện - từ của một số vật liệu perovskite nền manganite có pha tạp. Do đó sẽ phát triển các phương pháp thực nghiệm nhằm quan sát các hiệu ứng MR, MC và TEP trên cùng một đối tượng nghiên cứu. Thông qua đó, thiết lập mối quan hệ ảnh hưởng qua lại giữa các hiệu ứng này với các tham số tới hạn của vật liệu và các tác nhân bên ngoài như nhiệt độ và từ trường lên các đại lượng MR,  $|S_{max}|$ ,  $zT$ ,  $\kappa$ ,  $S$ .

Số hồ sơ lưu: 17847

78352. 05-2021. **Nghiên cứu hệ tạp lượng tử theo các khía cạnh: đa kênh dẫn, đa tạp, và tiến triển theo thời gian /** TS. Nghiêm Thị Minh Hoà, TS. Đặng Thế Hùng; TS. Nguyễn Đức Trung Kiên; PGS.TS. Đỗ Văn Nam; ThS. Dương Xuân Núi; ThS. Lương Minh Tuấn - Hà Nội - Viện nghiên cứu tiên tiến

PHENIKAA, 2020 - 08/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ khả năng hiện thực hóa mô hình Kondo hai kênh dẫn cho hệ một tạp đặt trên graphene và sự cạnh tranh giữa hiệu ứng Kondo với trật tự từ trong hệ nhiều tạp đặt trên vật liệu này. Thu nhận hiểu biết về tính chất vật lý của sự hồi phục spin khi độ lớn tương tác giữa các điện tử thay đổi hoặc đổi dấu, từ đó, thiết lập mối liên hệ giữa sự hồi phục điện tích và spin.

Số hồ sơ lưu: 17948

78355. 05-2021. **Những vấn đề cơ bản hạn chế tích năng lượng từ (BH) $_{max}$  của nam châm khối hệ MnBi và các giải pháp công nghệ mới giúp nâng cao (BH) $_{max}$  về gần giá trị lý thuyết./** PGS.TSKH. Nguyễn Văn Vượng, TS. Nguyễn Xuân Trường; TS. Nguyễn Trung Hiếu; TS. Vũ Hồng kỳ - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2020 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu giải pháp công nghệ khắc phục nhược điểm đa pha do bản chất phân ly pha của quá trình đóng rắn hợp kim pha mang lại. Tìm kiếm giải pháp khắc phục ảnh hưởng của sự khác biệt các tham số nhiệt động học giữa Mn và Bi và phản ứng giữa Bi với trống đồng để phát triển công nghệ phun băng nguội nhanh MnBi chất lượng cao. Nghiên cứu khả năng áp dụng công nghệ nghiền bi năng lượng trung bình tại nhiệt độ thấp để chế tạo các tấm mỏng MnBi và dùng chúng để chế tạo nam châm khối có thiên

hướng từ lớn. Xác định cơ chế phân rã Bi ra khỏi pha MnBi LTP dưới tác động cơ học của quá trình nghiền. Khả năng sử dụng tạp Sb pha với Bi để vừa kìm hãm quá trình phân rã, vừa có thể nâng cao Ms. Xem xét bài toán tối thiểu năng lượng của quá trình ép dị hướng và thiêu kết trong khuôn để đạt cân bằng vững chắc giữa hệ số vuông góc, từ độ dư Mr, trường kháng từ bHc và tỷ trọng của nam châm. Tìm lời giải của phương trình khuếch tán-bình lưu để miêu tả lý thuyết và đánh giá hiệu quả của công nghệ ủ trong trường nhiệt có chồng chập gradT lên sự gia tăng tỷ phần LTP của hợp kim và nam châm và khả năng của công nghệ này trong việc tăng độ đồng nhất pha trong nam châm và làm giảm hiệu ứng xuất hiện những vùng kích thước nhỏ vài chục nanomet có thành phần lệch khỏi thành phần hợp thức của pha sắt từ MnBi trong nam châm sau thiêu kết.

Số hồ sơ lưu: 17950

78367. 05-2021. **Các tính chất cơ nhiệt và tính chất truyền dẫn điện của sắt và các hợp kim trên nền sắt dưới áp suất cao/ PGS.TS. Hồ Khắc Hiếu, TS. Phạm Thị Minh Hạnh; TS. Trần Thị Hải; TS. Dương Đại Phương; ThS. Nguyễn Thị Hồng; Vũ Thị Thanh Hà - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2020 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Thiết lập phương trình trạng thái cho sắt và các hợp kim trên nền sắt. Xác định ảnh hưởng của áp suất các đại lượng cơ - nhiệt động bao gồm độ dời nguyên tử, hằng số

mạng, khoảng cách lân cận gần nhất, độ dịch chuyển trung bình bình phương, nhiệt độ nóng chảy. Phát triển lý thuyết dựa trên các định luật Bloch-Gruneisen và Wiedemann-Franz để nghiên cứu hệ số dẫn điện của sắt và các hợp kim trên nền sắt dưới áp suất. Các kết quả giải tích sẽ được tính toán số cho sắt, các hợp kim trên nền sắt và một số vật liệu khác (như tinh thể khí hiếm, kim loại chuyển tiếp) trong một khoảng rộng của áp suất. Kết quả lý thuyết sẽ được so sánh với các giá trị thực nghiệm thu thập được.

Số hồ sơ lưu: 17928

### **10303. Vật lý hạt và trường**

78374. 05-2021. **Hiện tượng luận của một số mô hình chuẩn mở rộng trong sự xem xét các kết quả thực nghiệm/ TS. Trần Minh Hiếu, TS. Triệu Quỳnh Trang; TS. Nguyễn Thu Hương - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2020 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu một số sự mở rộng của mô hình chuẩn. Xác định các ma trận khối lượng, trạng thái riêng khối lượng và phổ khối lượng của các hạt mới trong các mô hình được lựa chọn. Cơ chế sinh ra khối lượng neutrino, ứng viên vật chất tối được tiên đoán bởi các mô hình và tính chất của chúng và hiệu ứng của các hạt mới và tương tác mới trong các mô hình đó. Xác định các đại lượng vật lý liên quan đến những ràng buộc hiện tượng luận và ảnh hưởng của các kết quả thực nghiệm cập nhật lên không gian tham số tự do của các

mô hình lý thuyết. Dự báo các mô hình vật lý mới và khả năng kiểm chứng tại các thí nghiệm trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: 17943

78405. 05-2021. **Khảo sát hạt vô hướng mới trong các mô hình mở rộng mô hình chuẩn/** GS.TS. Đặng Văn Soa, TS. Đào Lệ Thủy; TS. Nguyễn Chính Cường; ThS. Bùi Thị Hà Giang; Nguyễn Trọng Dũng - Hà Nội - Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, 2020 - 06/2016 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định đặc tính của các hạt vô hướng mới trong các mô hình mở rộng mô hình chuẩn, đặc biệt tập trung vào các Higgs boson nặng trong mô hình 3-3-1, các radion trong mô hình Randall-Sundrum, axion trong các mô hình siêu đối xứng và hạt vô hướng mới trong các mô hình vật lý khác. Nghiên cứu sự tạo và vỡ của các hạt vô hướng mới tác các va chạm năng lượng cao nhằm đưa ra khả năng có thể phát hiện chúng tại LHC và các máy gia tốc khác. Mô tả quá trình chuyển hóa của photon thành các hạt vô hướng nhẹ trong trường từ mạnh của mặt trời. Phân tích vai trò của các hạt vô hướng trợ được đề xuất trong các mô hình mở rộng mô hình chuẩn để giải quyết vấn đề vật chất tối và tìm kiếm gián tiếp vật chất tối trong các máy gia tốc LHC.

Số hồ sơ lưu: 17921

#### **10304. Vật lý hạt nhân**

78372. 05-2021. **Nghiên cứu phát triển phương pháp bán thực**

**nghiệm ứng dụng trong kỹ thuật gamma tán xạ/** TS. Hoàng Đức Tâm, PGS.TS. Trần Thiện Thanh; ThS. Huỳnh Đình Chương; ThS. Võ Hoàng Nguyên; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Lệ; CN. Trương Thành Sang - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2020 - 12/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở lý thuyết đề trích xuất thông tin tán xạ một lần sử dụng trong các ứng dụng kỹ thuật gamma tán xạ. Thiết lập thí nghiệm đo nguồn chuẩn và đo phổ tán xạ của chùm photon gamma. Xây dựng quy trình hiệu chỉnh mô hình mô phỏng Monte Carlo đối với đầu dò nhấp nháy NaI(Tl) dựa trên việc khảo sát các đặc trưng phổ. Đưa ra phương pháp hiệu chỉnh thành phần tán xạ nhiều lần trong phổ tán xạ và phương pháp phân tích phổ áp dụng cho việc phân tích phổ tán xạ thực nghiệm và mô phỏng. Xây dựng ma trận các tham số hiệu chỉnh mô hình mô phỏng phù hợp với dữ liệu thực nghiệm. Áp dụng phương pháp bán thực nghiệm để tính toán một số đại lượng như độ dày vật liệu, mật độ chất lỏng và so sánh kết quả thu được với mẫu đối chứng.

Số hồ sơ lưu: 17940

#### **104. Hóa học**

##### **10403. Hoá lý**

78370. 05-2021. **Nghiên cứu và khảo sát tính chất cấu trúc, quang và điện của màng bán dẫn loại p SnO<sub>2</sub> đồng pha tạp X (Ga, Al, In, Zn, hoặc B) và N theo áp suất riêng phần của Ni tơ, nhiệt độ**



**lắng đọng và nhiệt độ ủ.**/ TS. Lê Trần, TS. Đặng Hữu Phúc; TS. Lục Quảng Hồ; GS.TS. Lê Văn Hiếu; ThS. Hoàng Lương Cường - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh, 2020 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo màng SnO<sub>2</sub> đồng pha tạp N và màng SnO<sub>2</sub> đồng pha tạp X và N bằng cách sử dụng kỹ thuật phun xạ magnetron dc. Khảo sát những ảnh hưởng của tỉ số X/N lên chất lượng tinh thể của màng XNTO, lên tính chất điện trở suất  $\rho$ , lên nồng độ hạt tải n và lên độ linh động của màng XNTO. Khảo sát ảnh hưởng của nhiệt độ lắng đọng và nhiệt độ ủ lên chất lượng tinh thể của màng XNTO.

Số hồ sơ lưu: 17931

## **105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan**

### **10501. Địa chất học**

78404. 05-2021. **Nghiên cứu tác động của hoạt động tân kiến tạo đối với sự biến đổi dòng chính các lưu vực sông khu vực miền Trung phục vụ bảo vệ các dòng sông, thử nghiệm cho lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn.**/ GS.TS. Trần Thanh Hải, TS. Nguyễn Thị Thanh Thảo; PGS.TS. Ngô Xuân Thành; TS. Nguyễn Thị Hoàng Liên; PGS.TS. Bùi Hoàng Bắc; ThS. Nguyễn Quốc Hưng; PGS.TS. Nguyễn Văn Lâm; TS. Trần Quốc Cường; TS. Nguyễn Xuân Nam; PGS.TS. Hoàng Văn Long - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu môi trường

địa chất, 2020 - 12/2016 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định các dịch chuyển tân kiến tạo dọc các dòng chính của các sông lớn khu vực miền Trung và dự báo xu thế diễn biến, biến đổi địa hình, địa mạo, cảnh quan của chúng trong điều kiện biến đổi khí hậu. Đánh giá, dự báo những tác động của hoạt động tân kiến tạo đến lòng dẫn dòng chảy mặt, hướng vận động nước dưới đất và đề xuất giải pháp bảo vệ nguồn nước, phục vụ phát triển bền vững kinh tế, xã hội khu vực lòng chính sông Vu Gia - Thu Bồn. Bổ sung cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Số hồ sơ lưu: 17901

### **10509. Các khoa học môi trường**

75550. 05-2021. **Nghiên cứu quy trình ủ (compost) từ bùn thải của nhà máy xử lý nước thải khu chế biến thủy sản/** KS. Nguyễn Ngọc Phi, ThS. Nguyễn Thị Hạnh Nguyên; ThS. Vũ Thùy Dương; KS. Nguyễn Minh Khánh; ThS. Nguyễn Tấn Đức; TS. Phạm Nguyễn Đức Hoàng - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Công nghệ Sinh học, 2018 - 01/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Bùn thải phát sinh trong quá trình xử lý nước thải tại các khu chế biến thủy sản có hàm lượng chất hữu cơ cao nhưng không thích hợp làm phân bón trực tiếp cho cây trồng vì chưa qua quá trình ổn định sinh học bằng phương pháp ủ compost. Phân tích chất lượng bùn thải thủy sản ở các chỉ tiêu vi sinh vật gây bệnh, kim

loại nặng và độc tố (PAHs, PCBs) cho thấy nguồn nguyên liệu này an toàn khi được sử dụng để ủ xử lý thành phân hữu cơ. Hoàn thiện quy trình ủ xử lý bùn thải của nhà máy xử lý nước thải khu chế biến thủy sản thành nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ hoàn nguyên nền đất canh tác, giúp cải tạo đất bạc màu, sẵn sàng chuyển giao cho các đơn vị có nhu cầu.

Số hồ sơ lưu: HCM-0355-2018

### 10512. Hải dương học

78379. 05-2021. **Khôi phục sự dao động mực nước biển trong Holocene khu vực đồng bằng sông Hồng dựa trên phân tích vi cổ sinh và tỷ lệ đồng vị  $^{16}\text{O}/^{18}\text{O}$  nhằm dự đoán xu hướng dao động mực nước biển trong tương lai** / TS. Nguyễn Thùy Dương, TS. Nguyễn Thị Thu Cúc; TS. Nguyễn Thị Mai Hương; TS. Nguyễn Thị Minh Phương; ThS. An Thị Thùy - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 05/2016 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đặc điểm thành phần vi cổ sinh trong trầm tích Holocen vùng đồng bằng sông Hồng nhằm xác định môi trường thành tạo và điều kiện cổ khí hậu. Xác định tỷ lệ đồng vị  $^{16}\text{O}/^{18}\text{O}$  trong các thành tạo carbonat tuổi Holocen nhằm khôi phục các thời điểm có thay đổi về điều kiện khí hậu. Xác định các dấu hiệu về dao động mực nước biển và khôi phục sự dao động mực nước biển trong Holocen tại khu vực nghiên cứu. Dự báo dao động mực

nước biển trong tương lai tại khu vực nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 17925

### 10513. Thủy văn; Tài nguyên nước

78006. 05-2021. **Nghiên cứu xác định hiệu suất thu hồi  $^{137}\text{Cs}$  trong mẫu nước biển theo phương pháp đồng kết tủa/** ThS. Dương Đức Thắng, ThS. Nguyễn Thị Oanh; CN. Đoàn Thúy Hậu; CN. Dương Văn Thắng; CN. Nguyễn Văn Khánh; CN. Nguyễn Thị Hòa - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xác định được hiệu suất thu hồi  $^{137}\text{Cs}$  trong mẫu nước biển bằng phương pháp đồng kết tủa. Giảm thể tích và xác định thể tích mẫu nước biển tối ưu cần phân tích. Xây dựng và thử nghiệm quy trình thu hồi  $^{137}\text{Cs}$  cho các mẫu có thể tích 40, 60 và 80 lít theo phương pháp đồng kết tủa. Xác định hiệu suất thu hồi  $^{137}\text{Cs}$  cho các mẫu có thể tích 40, 60 và 80 lít. Đề xuất quy trình xử lý và phân tích  $^{137}\text{Cs}$  trong mẫu nước biển với thể tích tối ưu nhất.

Số hồ sơ lưu: 17841

### 106. Sinh học

#### 10614. Sinh thái học

78348. 05-2021. **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng tiêu chí đánh giá sức khỏe hệ sinh thái Biển Việt Nam. Áp dụng nghiên cứu thí điểm cho khu vực Quần đảo Cát Bà/** TS. Dư Văn Toán, TS. Dư Văn Toán; ThS. Lê Đức Đạt; ThS. Nguyễn Khắc Đoàn;

ThS. Đặng Nguyệt Anh; ThS. Nguyễn Hữu Tùng; ThS. Nguyễn Cao Văn; ThS. Phạm Minh Dương; KS. Nghiêm Thanh Hải; PGS.TS. Lê Xuân Tuấn; PGS.TS. Đoàn Văn Bộ - Hà Nội - Viện Nghiên cứu biển và hải đảo, 2020 - 06/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới về xây dựng bộ tiêu chí sức khỏe hệ sinh thái biển. Tổng quan điều kiện tự nhiên, hệ sinh thái biển Việt Nam. Xây dựng các nhóm tiêu chí của bộ tiêu chí sức khỏe hệ sinh thái biển và áp dụng thử nghiệm bộ tiêu chí tại khu vực biển quần đảo Cát Bà. Hoàn thiện bộ tiêu chí sức khỏe hệ sinh thái biển Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17963

### **10615. Đa dạng sinh học**

78383. 05-2021. **Luận cứ khoa học nhằm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học với sinh kế bền vững và phát triển kinh tế - xã hội ở Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm – Hội An/** PGS.TS. Uông Đình Khanh, TS. Lê Thị Thu Hiền; PGS.TS. Lưu Thế Anh; TS. Kiều Quốc Lập; TS. Vũ Anh Tài; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Khánh; TS. Lê Hùng Anh; ThS. Chu Thế Cường; TS. Đàm Đức Tiến; KS. Lê Thị Tuyết Hạnh; PGS.TS. Nguyễn An Thịnh; CN. Trần Thị Hồng Thúy; TS. Chu Mạnh Trinh - Hà Nội - Viện Địa lý, 2020 - 09/2016 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về hài hòa

mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học với sinh kế bền vững và phát triển kinh tế - xã hội ở các khu dự trữ sinh quyển. Đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học, các dạng tài nguyên và kinh tế-xã hội ở vùng lõi, vùng chuyển tiếp và vùng đệm của khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm-Hội An. Cập nhật cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học, tài nguyên và môi trường ở khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm-Hội An. Đánh giá mâu thuẫn và bất cập trong quản lý, sử dụng tài nguyên ở khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm-Hội An. Xây dựng mô hình quản lý, phục hồi và sinh kế sử dụng tài nguyên đa dạng sinh học có sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp ở khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm-Hội An. Đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát triển tài nguyên gắn với sinh kế cộng đồng và phát triển kinh tế-xã hội phù hợp với điều kiện ở khu dự trữ sinh quyển. Xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học ở khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm-Hội An phục vụ cho công tác quản lý, khai thác sử dụng, nghiên cứu khoa học và giáo dục môi trường.

Số hồ sơ lưu: 17938

### **2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ**

76493. 05-2021. **Xây dựng và ứng dụng các giải pháp quản lý truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm: bưởi da xanh, dứa xiêm xanh, chôm chôm, nhãn và hoa kiểng của tỉnh Bến Tre./** Thạc sĩ Cao Xuân Đoàn, ThS Cao Xuân Đoàn; KS Nguyễn Thành Công; ThS Phạm Tấn Tài; ThS Nguyễn Quang Thanh; ThS Nguyễn Hoàng Minh;



CN Huỳnh Thị Ngọc; KS Nguyễn Chánh Bình; CN Trần Thị Thúc; KS Phan Thanh Tân - Bến Tre - Trung tâm Kinh doanh VNPT-Bến Tre, 2019 - 02/2019 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề tài xây dựng và ứng dụng các giải pháp truy xuất nguồn gốc điện tử sử dụng mã QR code cho các sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh: bưởi da xanh, dứa xiêm xanh, chôm chôm, nhãn và hoa kiểng. Kết hợp xây dựng phần mềm và ứng dụng công nghệ QR code giúp truy xuất nguồn gốc cách trực quan, khoa học nhằm phục vụ cho công tác quản lý.

Số hồ sơ lưu: BTE-134-2020

78381. 05-2021. **Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mới (viễn thám, WebGIS và tự động hóa) xây dựng hệ thống thông tin quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước (mùa khô) theo thời gian thực nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, áp dụng cho tỉnh Hà Tĩnh/** ThS. Nguyễn Quốc Hiệp, PGS.TS. Nguyễn Quang Trung; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thạch; KS. Lê Văn Lập; KS. Nguyễn Ngọc Tuân; KS. Đặng Thanh Tuấn; ThS. Phạm Quang Lợi; ThS. Dương Quốc Huy; ThS. Nguyễn Anh Hùng - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2020 - 11/2016 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở lý luận, quy trình ứng dụng các công nghệ hiện đại bao gồm viễn thám, WebGIS và tự động hóa để xây dựng hệ thống thông tin quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước trong mùa khô theo

thời gian thực nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và đề xuất các giải pháp ứng phó. Đề xuất hệ thống thông tin quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước vào mùa khô theo thời gian thực áp dụng cho tỉnh Hà Tĩnh. Đưa ra các giải pháp khoa học công nghệ để xây dựng một bộ công cụ và quản lý sử dụng hiệu quả tài nguyên nước vào mùa khô tại tỉnh Hà Tĩnh theo thời gian thực.

Số hồ sơ lưu: 17914

78462. 05-2021. **Nghiên cứu công thức pha chế và ứng dụng chế phẩm (thuốc) đa dụng phòng trừ dịch ruồi vàng hại quả ổi đài loan, bệnh nấm mốc, giám quả bưởi diễn tại tỉnh Vĩnh Phúc./** TS. Hoàng Thanh Đức, TS. Hoàng Thanh Đức; TS. Phạm Hương Quỳnh; TS. Lê Đình Trung; PGS.TS. Nguyễn Thế Hữu; TS. Vũ Thị Cương; TS. Nguyễn Văn Mạnh; ThS. Phạm Thị Ngọc Minh; ThS. Nguyễn Minh Tân; BS. Thú y. Hoàng Thị Mai; ThS. Hoàng Minh Tuệ; ThS. Nguyễn Thanh Tùng - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2020 - 03/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan tình hình có liên quan đến các chế phẩm phòng trừ bệnh ruồi vàng, bệnh nấm sương, giám quả nói chung và bệnh ruồi vàng hại quả ổi Đài loan, bệnh nấm mốc, bệnh giám quả bưởi diễn nói riêng. Nghiên cứu xác định chủng loại, đặc điểm sinh trưởng của

ruồi vàng tại Sông Lô và Yên Lạc, từ đó lựa chọn thành phần các hoạt chất dùng pha chế chế phẩm và phương pháp phun thuốc đạt hiệu quả. Điều tra, xác định tình hình dịch bệnh ruồi vàng đục quả ôi Đài loan, bệnh nấm mốc, bệnh giám quả bưởi diễn trồng tại Sông Lô, Yên Lạc Vĩnh Phúc. Nghiên cứu xác định tỷ lệ thành phần các hoạt chất, xây dựng công thức pha chế phẩm thuốc diệt ruồi vàng, chống nấm mốc, giám quả ôi Đài loan, quả bưởi diễn trồng ở một số nơi trong tỉnh Vĩnh Phúc Thử nghiệm thực tế xác định tác dụng diệt ruồi vàng của chế phẩm trên cây ôi và cây bưởi tại nơi trồng tập trung nhiều ôi và bưởi ở sông lô hoặc yên lạc, trên diện tích khoảng 3-5 sào cây ôi đài loan và 3-5 sào cây bưởi diễn. Xây dựng phương pháp sử dụng chế phẩm thuốc diệt ruồi vàng chống giám quả cho các quả ôi Đài loan và cây bưởi diễn ở Sông Lô và Yên Lạc. Tập huấn, hướng dẫn sử dụng chế phẩm thuốc đa dụng phòng chống ruồi vàng và bệnh giám quả bưởi diễn, ôi đài loan cho bà con trồng cây tại sông lô và yên lạc. Đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật, môi trường của chế phẩm và phân tích một số chỉ tiêu liên quan đến an toàn thực phẩm sau khi ứng dụng chế phẩm. Đề xuất các giải pháp và kiến nghị ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 29

78499. 05-2021. **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ khí canh trong nhân giống và sản xuất thử nghiệm một số loại cây trồng có giá trị kinh tế cao trên địa bàn**

**tỉnh Vĩnh Phúc/** Đỗ Thị Thu, Nguyễn Thị Sơn Nguyễn Thị Tĩnh; Nguyễn Xuân Trường; Nguyễn Thị Sơn; Nguyễn Thị Kim Liên; Đỗ Thị Thu; Lê Văn An; Phạm Văn Tuấn; Vũ Tiến Dũng; Phùng Thị Phương Thảo; Nguyễn Văn Phương - Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN - Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, 2019 - 09/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về công nghệ khí canh trong sản xuất nông nghiệp trên thế giới và Việt Nam. Nghiên cứu quy trình nhân giống và sản xuất cây trồng bằng công nghệ khí canh. Ứng dụng công nghệ khí canh trong nhân giống các đối tượng cây trồng. Xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm một số đối tượng cây trồng sạch bệnh từ cây con tạo ra trên hệ thống khí canh và nhà kính. Hoàn thiện các quy trình nhân giống và sản xuất giống cây trồng sạch bệnh bằng công nghệ khí canh. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất giải pháp nhân rộng.

Số hồ sơ lưu: 49

78500. 05-2021. **Nghiên cứu, thử nghiệm tách chiết sản phẩm dạng nano từ nấm Đông trùng Hạ thảo và Trà hoa vàng Tam Đảo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc./** Nguyễn Thị Thúy Ngân, Trịnh Đình Năng K.s Nguyễn Thị Thúy Ngân; Trịnh Đình Năng; G.s Nguyễn Hữu Linh; Ths. Nguyễn Thị Kim Liên; Ks. Đỗ Thị Thu; Ks. Phùng Thị Phương Thảo; Ks. Lương Tuấn Vượng; Nguyễn Thị Oanh; Lê Văn An; Nguyễn Văn Hiền. - Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công

nghe - Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ Khoa học và Công nghệ, 2019 - 09/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tình hình nghiên cứu về công nghệ Nano. Điều tra, khảo sát vùng nguyên liệu sản xuất Trà hoa vàng Tam Đảo phục vụ tách triết sản phẩm dạng Nano. Sản xuất nấm Đông trùng hạ thảo tại Trung tâm ứng dụng tiên bộ KH&CN phục vụ tách triết sản phẩm dạng Nano. Nghiên cứu các quy trình tách triết sản phẩm dạng Nano từ nấm Đông trùng hạ thảo và Trà hoa vàng Tam Đảo. Thử nghiệm tách triết sản phẩm nấm Đông trùng hạ thảo và Trà hoa vàng bằng công nghệ Nano. Tổ chức hội thảo khoa học, đánh giá kết quả thực hiện trong 2 năm (2018-2019) và đề xuất các giải pháp nhân rộng mô hình.

Số hồ sơ lưu: 50

78502. 05-2021. **Nghiên cứu, xây dựng quy trình sản xuất rượu vang và nước ép từ quả thanh long ruột đỏ tại huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Phúc.**/ ThS. Nguyễn Thế Hùng, Ths. Nguyễn Thế Hùng; PGS.TS. Chu Kỳ Sơn; PGS.TS. Vũ Thu Trang; CN. Nguyễn Văn Thái; PGS.TS. Nguyễn Thị Thảo; TS. Nguyễn Thị Hạnh; TS. Nguyễn Tiến Cường; TS. Nguyễn Văn Hưng; Ths. Nguyễn Thị Hoài Đức; TS. Hoàng Quốc Tuấn; Ths. Nguyễn Huy Lập; KS. Dương Thị Minh Huệ; CN. Đào Văn Tính; CN. Vũ Văn Bằng - Phòng NN&PTNT huyện Lập Thạch - Phòng NN&PTNT huyện Lập Thạch, 2019 - 09/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đánh giá tổng quan tình hình sản xuất thanh long ruột đỏ tại huyện Lập Thạch và sự cần thiết phải sản xuất rượu vang và nước ép từ quả thanh long ruột đỏ. Nghiên cứu cơ sở lý thuyết nhằm định hướng công nghệ sản xuất phù hợp cho sản phẩm. Nghiên cứu đánh giá chất lượng thanh long nguyên liệu. Nghiên cứu quá trình thu nhận và xử lý dịch quả. Nghiên cứu ảnh hưởng của các điều kiện công nghệ tới sự ổn định màu sắc và chất lượng của siro quả. Xây dựng quy trình sản xuất nước quả thanh long ở quy mô 100 L/mẻ. Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chuẩn cơ sở và quy trình quản lý chất lượng cho cơ sở sản xuất nước quả thanh long ruột đỏ. Đề xuất quy trình công nghệ và thiết bị chính xưởng sản xuất nước quả từ quả thanh long ruột đỏ quy mô 10 tấn quả/ ngày và giải pháp nhân rộng kết quả.

Số hồ sơ lưu: 51

## **201. Kỹ thuật dân dụng**

### **20102. Kỹ thuật xây dựng**

78400. 05-2021. **Nghiên cứu chế tạo cấu kiện tường biển có mũi hắt sóng phục vụ xây dựng công trình bảo vệ bờ đảo và bờ các khu đô thị, khu du lịch ven biển.**/ PGS.TS. Trần Thanh Tùng, PGS.TS. Lê Hải Trung; TS. Nguyễn Ngọc Linh; PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn; TS. Nguyễn Thái Hoàng; TS. Nguyễn Quang Chiên; TS. Lê Tuấn Hải; PGS.TS. Nguyễn Thị Thế Nguyên; PGS.TS. Nghiêm Tiến Lam; GS.TS. Thiệu Quang Tuấn; TS. Phạm Thu Hương; PGS.TS.

Nguyễn Ngọc Thắng; TS. Nguyễn Công Thắng; TS. Phạm Viết Ngọc; ThS. Phạm Sỹ Đồng - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2020 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về tường biển và đề xuất các dạng tường biển cho khu đô thị, khu du lịch ven biển Việt Nam. Mô phỏng tương tác sóng với tường biển trên mô hình toán. Đánh giá hiệu quả làm việc của tường biển bằng thí nghiệm mô hình vật lý. Xác định yêu cầu trong thiết kế, chế tạo và thiết kế, chế tạo tường biển. Thiết kế, chế tạo và lắp đặt thử nghiệm cấu kiện tường biển.

Số hồ sơ lưu: 17937

78426. 05-2021. **Phát triển công nghệ mô phỏng số để thiết kế tối ưu lớp vật liệu mặt đường bê tông nhựa có khả năng kháng hàn lún trong điều kiện giao thông và khí hậu của Việt Nam/** TS. Ngô Châu Phương, TS. Lê Văn Phúc; TS. Nguyễn Thạc Quang; PGS.TS. Lê Văn Bách; PGS.TS. Nguyễn Quang Phúc; TS. Lương Xuân Chiểu; ThS. Phạm Ngọc Bảy; ThS. Đỗ Thành Hiếu; ThS. Nguyễn Đức Hiếu; ThS. Diệp Thành Hưng; ThS. Nguyễn Tuấn Cường; ThS. Đỗ Minh Khánh; ThS. Nguyễn Đức Tâm; ThS. Nông Hải Yên; ThS. Nguyễn Thị Mai Nhung; ThS. Nguyễn Thanh Phong; ThS. Nguyễn Văn Nhẫn; KS. Đặng Đình Tài; KS. Lý Đức Vũ; KS. Lê Hà Thắm Kỳ; TS. Nguyễn Quang Dũng - Hồ Chí Minh - Phân hiệu Trường Đại học Giao thông Vận tải tại Thành phố Hồ Chí Minh, 2020 - 08/2018 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập dữ liệu, thí nghiệm lún trong phòng, định lượng thông số vật liệu và ứng xử lún mặt đường bê tông nhựa. Lựa chọn trang thiết bị, phần mềm mô phỏng số. Tiếp cận, chuyển giao, làm chủ công nghệ mô phỏng số và xây dựng mô hình số cho thí nghiệm lún trong phòng. Phát triển mô hình phương pháp số và tối ưu hóa cho lún mặt đường bê tông nhựa ngoài thực địa. Công bố khoa học, kiến thức về công nghệ mô phỏng số trong hỗ trợ công tác thí nghiệm và thiết kế tối ưu cho sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 17929

### **20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị**

77972. 05-2021. **Nghiên cứu về đô thị thông minh (Smart City) và vấn đề phát triển giao thông trong đô thị thông minh, đề xuất lộ trình phát triển tại Việt Nam/** ThS. Hoàng Thế Phương, TS. Đỗ Xuân Thu; ThS. Vũ Văn Linh; ThS. Hoàng Thị Thúy; ThS. Trần Duy Dũng; ThS. Lê Trung Kiên; ThS. Bùi Thị Như; ThS. Phạm Trường Giang; ThS. Phạm Đình Chung; ThS. Nguyễn Đăng Chí - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2019 - 07/2018 - 07/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về đô thị thông minh và tình hình phát triển trên thế giới, nghiên cứu tình hình phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam, đánh giá thực trạng giao thông trong đô thị tại một số thành phố ở Việt Nam, nghiên cứu tình hình phát triển các dịch vụ giao thông thông minh trong các



đô thị thông minh trên thế giới, nghiên cứu các vấn đề về phát triển giao thông thông minh trong đô thị thông minh, vấn đề tiêu chuẩn hóa, bộ tham số KPI đối với giao thông thông minh trong đô thị thông minh; Định hướng phát triển giao thông thông minh trong quá trình xây dựng và phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam phù hợp với xu thế phát triển của thế giới và thực tiễn Việt Nam, hỗ trợ đưa ra quyết định phê duyệt đầu tư, khai thác các dự án giao thông thông minh đã và sắp được đầu tư xây dựng trong các đô thị thông minh tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17828

#### **20104. Kỹ thuật giao thông vận tải**

77971. 05-2021. **Nghiên cứu xây dựng khung tiêu chuẩn theo miền dịch vụ ITS và đề xuất lộ trình áp dụng tại Việt Nam/ TS. Đỗ Xuân Thu, ThS. Đỗ Quang Hưng; ThS. Trần Hà Thanh; ThS. Lương Hoàng Anh; ThS. Lê Thanh Tấn; ThS. Ngô Thị Thu Tình; TS. Nguyễn Ngọc Trang; ThS. Lưu Văn Lịch; ThS. Tô Thị Tuyết Nhung; ThS. Vương Mạnh Tuấn - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2018 - 01/2017 - 06/2018. (Đề tài cấp Bộ)**

Hệ thống hóa tiêu chuẩn ITS của các tổ chức tiêu chuẩn thế giới (ISO, CEN, IEEE...); Khảo sát, phân tích hiện trạng việc quy định và áp dụng các tiêu chuẩn/quy định kỹ thuật trong lĩnh vực ITS của một số quốc gia trên thế giới (Mỹ, Nhật, Hàn quốc,...); Nghiên cứu hệ thống hóa các tiêu chuẩn này theo các loại

hình dịch vụ theo kiến trúc ITS tại Việt Nam; Đề xuất kế hoạch, lộ trình xây dựng các tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật tương ứng phù hợp với Việt Nam và xu hướng trên thế giới.

Số hồ sơ lưu: 17827

78403. 05-2021. **Nghiên cứu phương pháp đánh giá, xác định chiều dày và tận dụng lớp bùn loãng để nâng cao hiệu quả chạy tàu tại các luồng tàu biển tại Việt Nam/ ThS. Nguyễn Anh Tuấn, PGS.TS. Nguyễn Thị Bạch Dương; KS. Mạc Văn Dân; KS. Nguyễn Hữu Duy; ThS. Nguyễn Hoàng Thời; ThS. Đỗ Hữu Hiếu; ThS. Đỗ Minh Đạt; ThS. Lê Đức Anh; ThS. Nguyễn Tiến Dương; KS. Nguyễn Trọng Thành - Hà Nội - Cục Hàng hải Việt Nam, 2020 - 04/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Tổng quan các nghiên cứu tại Việt Nam liên quan đến vấn đề bùn loãng ở luồng hàng hải. Nghiên cứu sử dụng lớp bùn loãng nhằm gia tăng hiệu quả chạy tàu trên luồng hàng hải tại Việt Nam. Đánh giá về quy luật sa bồi và hiện tượng bùn loãng tại một số luồng hàng hải Việt Nam. Mô phỏng trường động lực bùn và đánh giá khả năng mô phỏng diễn biến bùn loãng trên mô hình toán (nghiên cứu cho trường hợp luồng Soài Rạp, Hải Phòng). Xây dựng phương pháp xác định độ dày lớp bùn loãng dựa trên số liệu thống kê và mô hình hồi quy. Xây dựng quy trình đo đạc xác định đáy chạy tàu khi có lớp bùn loãng.

Số hồ sơ lưu: 17917

78427. 05-2021. **Nghiên cứu xây dựng mô hình trung tâm logistics kết nối với mạng lưới vận tải đa phương thức-áp dụng cho vùng Đông Nam Bộ (khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận)/** TS. Nguyễn Văn Khoáng, PGS.TS. Hồ Thị Thu Hòa; ThS. Tô Thị Hằng; ThS. Nguyễn Huỳnh Lưu Phương; ThS. Trần Quang Đạo; Lê Văn Thành; Phan Công Bằng - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về trung tâm logistics, tổng quan về mô hình trung tâm logistics trên thế giới và tại Việt Nam. Phân tích bối cảnh và điều kiện của Việt Nam cho việc xây dựng trung tâm logistics và thiết lập hệ thống đánh giá đa tiêu chí làm cơ sở cho việc xây dựng trung tâm logistics. Xác định các yếu tố dẫn đến việc hình thành trung tâm logistics và tác động của mạng lưới vận tải đa phương thức đến hoạt động của trung tâm logistics. Đề xuất mô hình trung tâm logistics hạng I, II kết nối vận tải đa phương thức và áp dụng cho vùng Đông Nam Bộ. Xây dựng báo cáo tổng hợp thông qua việc đánh giá kết quả nghiên cứu, đề xuất quy trình thực hiện giải pháp và đánh giá kết quả thực hiện của các giải pháp.

Số hồ sơ lưu: 17960

### **20105. Kỹ thuật thủy lợi**

75275. 05-2021. **Điều tra đánh giá hiện trạng đê kè biển Nam Định, phân tích ưu nhược điểm**

**của cá kết cấu bảo vệ bờ biển từ năm 2000 - 2015, đề xuất giải pháp xử lý các hỏng hóc và kết cấu bảo vệ hợp lý cho xây dựng mới/** ThS. Nguyễn Văn Hùng, - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm quốc gia về động học sông biển, 2017 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá diễn biến bãi tại các trọng điểm theo dõi, kiến nghị giải pháp giảm thiểu tác động xấu. Phân tích đánh giá ưu nhược điểm, cơ chế phá hoại của kết cấu, giải pháp bảo vệ đê biển đang được áp dụng tại các tuyến đê biển Nam Định, xác định nguyên nhân gây hư hỏng. Xây dựng bản đồ nguy cơ phá hoại đê, kè biển Nam Định phục vụ cho công tác quản lý. Tính toán, phân tích các đặc trưng sóng, nước dâng do bão cho khu vực ven biển Nam Định phục vụ xác định cao trình đê trong điều kiện biến đổi khí hậu nước biển dâng. Đề xuất giải pháp cho đoạn đê bảo vệ khu công nghiệp dệt may ven biển huyện Nghĩa Hưng trong điều kiện triều cường, nước biển dâng, siêu bão.

Số hồ sơ lưu: NDH-004-2019

75471. 05-2021. **Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ MEMS trong việc chế tạo linh kiện cảm biến áp suất ứng dụng xây dựng các module đo mực nước/** TS. Trịnh Xuân Thắng, ThS. Nguyễn Tuấn Khoa; TS. Phan Anh Tuấn; ThS. Trương Hữu Lý; KS. Vũ Lê Thành Long; ThS. Hoàng Công Đức; ThS. Nguyễn Việt Hưng; CN. Huỳnh Trọng Phát; KS. Trần Duy Hoài; KS. Nguyễn Tuấn Anh - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm nghiên

cứu triển khai khu công nghệ cao, 2018 - 11/2017 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện công nghệ chế tạo cảm biến áp suất dạng áp trở và ứng dụng cảm biến áp suất trong hệ thống quan trắc tình trạng ngập lụt tại Tp. Hồ Chí Minh. Các cấu trúc cảm biến áp suất dải đo 0-50 kPa được thiết kế và tối ưu hóa nhằm đạt được độ nhạy cao, độ tuyến tính tốt và hoạt động ổn định. Sau khi tối ưu hóa các điều kiện công nghệ chế tạo, 100 cảm biến với dải đo 0-50 kPa; nhiệt độ hoạt động từ 10-50 °C; diaphragm 15  $\mu$ m, kích thước chip 2.6 mm  $\times$  2.6 mm đã được chế tạo và đóng gói thành công. Các cảm biến này được đo đạc các đặc tuyến phụ thuộc điện áp ra theo áp suất và khảo sát sự phụ thuộc nhiệt độ của các đặc tuyến này. Sau khi được chế tạo và khảo sát, các cảm biến áp suất này lắp ráp thiết bị cảnh báo ngập WLM-0717. Bên cạnh đó, khảo sát địa hình các vị trí lắp đặt trạm cảnh báo ngập tại các quận trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh và dẫn cao độ quốc gia về các vị trí lắp đặt.

Số hồ sơ lưu: HCM-0354-2018

77973. 05-2021. **Nghiên cứu đánh giá tổng thể quá trình xói lở và dự báo diễn biến bờ biển Đồng bằng sông Cửu Long phục vụ đề xuất giải pháp nhằm ổn định và phát triển bền vững vùng ven biển/** PGS. TS. Trần Bá Hoàng, GS. TS. Tăng Đức Thắng; GS. TS. Lê Mạnh Hùng; PGS. TS. Đinh Công Sản; ThS. Lê Thanh Chương; ThS. Nguyễn Tuấn Long; ThS. Lê Thị Phương Thanh; ThS. Trần Tuấn

Anh; ThS. Trần Thị Trâm; KS. Trần Thùy Linh; KS. Nguyễn Công Phong - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2019 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng nguyên nhân và cơ chế diễn biến xói lở, bồi tụ dải ven biển đồng bằng sông Cửu Long theo các giai đoạn; Dự báo được quy luật, diễn biến đường bờ dải ven biển đồng bằng sông Cửu Long; Xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu về thủy thạch động lực ven bờ, địa hình. Xác định được nguyên nhân chính gây ra diễn biến các đoạn đường bờ theo thời gian, dưới tác động của từng yếu tố và tổ hợp các yếu tố khách quan và chủ quan (thay đổi chế độ động lực, bùn cát do xây dựng các công trình thượng nguồn, khai thác cát trên sông, những hoạt động khai thác trên đồng bằng sông Cửu Long, thay đổi sử dụng nước các Quốc gia thượng nguồn, xây dựng đê biển, đào kênh xả lũ, rửa chua phèn, sóng biển Đông, dòng ven bờ trong điều kiện có và chưa có tác động của biến đổi khí hậu - nước biển dâng...).

Số hồ sơ lưu: 17824

78001. 05-2021. **Nghiên cứu đánh giá xu thế diễn biến, tác động của hạn hán, xâm nhập mặn đối với phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bằng sông Hồng - Thái Bình và đề xuất các giải pháp ứng phó/** PGS. TS. Hồ Việt Cường, ThS. Nguyễn Thị Ngọc Nhân; PGS. TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh; PGS. TS. Nguyễn Thanh Hùng; PGS. TS. Phạm Đình; ThS. Đào Văn Khương; TS. Lê Xuân Quang; GS. TS. Phạm

Thị Hương Lan; PGS. TS. Trần Ngọc Anh; TS. Đào Đình Châm; PGS. TS. Nguyễn Mai Đăng; TS. Trịnh Quang Toàn; ThS. Trần Văn Bách; ThS. Phạm Thị Lan Hương; KS. Nguyễn Quang Chiến - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về động lực sông biển, 2020 - 11/2016 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng diễn biến của các yếu tố khí tượng, thủy văn, dòng chảy, thảm phủ,... và cơ chế tác động của chúng đến hạn hán, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Hồng - Thái Bình; Các khả năng diễn biến hạn hán, xâm nhập mặn dưới tác động của phát triển kinh tế - xã hội vùng thượng lưu, biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu dùng nước ở vùng đồng bằng sông Hồng - Thái Bình. Đề xuất được các giải pháp để quản lý và ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn cho vùng đồng bằng sông Hồng - Thái Bình.

Số hồ sơ lưu: 17831

## 202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin

76054. 05-2021. Nghiên cứu công nghệ chế tạo màng mỏng truyền nhiệt trên nền nano cacbon ứng dụng cho các thiết bị điện và điện tử/ TS. Đỗ Hữu Quyết, TS. Ngô Võ Kế Thành; ThS. Tiêu Tư Doanh; ThS. Đỗ Thanh Sinh; CN. Trần Phước Toàn; ThS. Trương Hữu Lý; CN. Lương Thị Anh Đào; TS. Trịnh Xuân Thắng; TS. Nguyễn Thị Lệ Thủy; ThS. Bùi Quang Vinh; TS.

Phan Anh Tuấn; ThS. Mai Ngọc Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Việt Hưng; ThS. Hoàng Công Đức; ThS. Hứa Nguyễn Đăng Thy; ThS. Huỳnh Trọng Phát; ThS. Nguyễn Đăng Giang; KS. Vũ Lê Thành Long; CN. Trương Văn Phát; KS. Nguyễn Tuấn Anh; CN. Trần Duy Hoài; CN. Nguyễn Thanh Phương; TS. Lê Đình Phong; KS. Vũ Ngọc Long - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu triển khai khu công nghệ cao, 2019 - 12/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển và làm chủ công nghệ chế tạo màng mỏng truyền nhiệt hoàn toàn mới trên nền vật liệu nano cacbon (dạng buckypaper) có kích thước  $\geq 800 \text{ cm}^2$ , độ truyền nhiệt  $\geq 2.0 \text{ W/m.K}$ , nhiệt trở tiếp xúc  $\leq 1 \text{ CmK/W}$ , nhiệt độ làm việc tối đa  $\geq 150 \text{ độ C}$ . Thiết kế và xây dựng được quy trình và hệ tự động roll to roll chế tạo tấm dán tản nhiệt công suất  $\geq 300.000 \text{ cm}^2 /\text{tháng}$ . Chế tạo thử nghiệm và đánh giá thực tế khả năng truyền nhiệt và tản nhiệt trên các đèn LED và chip điện tử công suất cao.

Số hồ sơ lưu: 16905

78384. 05-2021. Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo mô hình bù tích cực ba pha công suất 5kW để lọc hài cho tải phi tuyến/ TS. Châu Minh Thuyên, ThS. Nguyễn Hoài Phong - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, 2020 - 01/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về mô hình bù tích cực ba pha để lọc hài cho tải phi tuyến trên thế giới và Việt Nam. Thiết kế mô hình bù tích cực ba pha



để lọc hài cho tải phi tuyến. Chế tạo mô hình bù tích cực ba pha công suất 5kW để lọc hài cho tải phi tuyến. Áp dụng thử nghiệm tại một đơn vị cụ thể, đánh giá hiệu quả của hệ thống thiết bị và xây dựng phương án phát triển sản phẩm. Xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng và các bài tập thực hành phục vụ công tác đào tạo.

Số hồ sơ lưu: 17932

### **20201. Kỹ thuật điện và điện tử**

77975. 05-2021. **Nghiên cứu thiết kế điều khiển thiết bị bù nối tiếp để chống sụt giảm điện áp cho phụ tải quan trọng và hệ thống máy chủ ở các bệnh viện/** TS. Trần Duy Trinh, ThS. Bùi Trung Tuyên; TS. Võ Tiên Trung; ThS. Ngô Thị Lê; ThS. Nguyễn Thanh Long - Nghệ An - Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 2020 - 01/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những ảnh hưởng của sụt giảm điện áp đối với phụ tải quan trọng và hệ thống máy chủ trong các bệnh viện. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo phần lực của mô hình bộ bù nối tiếp (SSC) và thiết kế các thành phần trong cấu trúc thiết bị. Nghiên cứu thuật toán điều khiển cho bộ bù nối tiếp và thiết kế, chế tạo board mạch điều khiển cho mô hình bộ bù nối tiếp (SSC). Xây dựng mô hình mô phỏng bộ bù nối tiếp (SSC) nối lưới chống sụt giảm điện áp cho phụ tải quan trọng trong bệnh viện có công suất. Lắp ráp mô hình SSC, thử nghiệm khả năng hoạt động và khả năng đáp ứng yêu cầu bù điện áp của hệ thống SSC.

Số hồ sơ lưu: 17825

78347. 05-2021. **Nghiên cứu cơ chế huy động, thanh toán các nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo/** ThS. Đỗ Hùng Mạnh, ThS. Lê Anh Đức; KS. Lê Văn Dũng; ThS. Vũ Ngọc Dương; ThS. Mai Sơn Tùng; KS. Nguyễn Văn Thiêm; KS. Đỗ Hồng Thanh; CN. Bùi Thế Dũng; KS. Phan Thị Thu Thủy; KS. Nguyễn Minh Đức; CN. Trịnh Văn Đoàn; KS. Hoàng Trí Lân; KS. Nguyễn Đức Luân; CN. Phan Đỗ Thu Ngân; CN. Nguyễn Lê Anh Trung - Hà Nội - Cục Điều tiết điện lực, 2020 - 01/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hiện trạng thị trường điện và phát triển năng lượng tái tạo tại Việt Nam. Kinh nghiệm quốc tế về cơ chế tích hợp các nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo vào thị trường điện. Cơ chế huy động và thanh toán của các nguồn điện năng lượng tái tạo và cơ chế hợp đồng cho các nguồn điện năng lượng tái tạo trong thị trường bán buôn điện hiện nay. Đánh giá tác động khi nguồn điện năng lượng tái tạo tham gia thị trường điện. Đề xuất phương án huy động và thanh toán cho các nguồn điện năng lượng tái tạo.

Số hồ sơ lưu: 17969

78350. 05-2021. **Nghiên cứu mô hình mô phỏng thu thập, phân tích dữ liệu và tính toán tổn thất điện năng trên lưới điện phân phối/** TS. Nguyễn Ngọc Trung, TS. Vũ Thị Thu Nga; TS. Phạm Mạnh Hải; ThS. Ngô Ngọc Thành; TS. Nguyễn Trường Giang; TS. Trần

Anh Tùng - Hà Nội - Trường Đại học Điện lực, 2020 - 01/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về chất lượng điện năng, tình hình tổn thất điện năng trên lưới điện phân phối hạ áp. Nghiên cứu các thuật toán tính tổn thất điện năng và bù công suất phản kháng trên lưới điện phân phối, các phương pháp dự báo phụ tải ngắn hạn cho lưới điện phân phối. Thiết kế hệ thống đo lường, truyền tin và thu thập dữ liệu về máy chủ. Xây dựng cơ sở dữ liệu cho phần mềm tính toán lưới điện phân phối hạ áp. Thử nghiệm hệ thống thiết bị và đánh giá hiệu quả làm việc của hệ thống thiết kế trên lưới điện phân phối hạ áp.

Số hồ sơ lưu: 17956

78354. 05-2021. **Nghiên cứu bản chất của môi trường quan từ điện mạnh trong các vật liệu đa pha từ điện bằng phương pháp nhiễu xạ neutron dưới áp suất cao/ PGS.TS. Đặng Ngọc Toàn, TS. Trần Tuấn Anh; TS. Đinh Thanh Khấn; TS. Nguyễn Thị Phương Thảo; ThS. Võ Đức Bồng; ThS. Nguyễn Trung Kiên - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2020 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Chế tạo vật liệu multiferroics đa tinh thể  $BaMn_{1-x}T_xO_3$  ( $T = Ti, Nb$ ) với  $x < 0.25$ ,  $BaFe_{1-x}T_xO_3$  ( $x < 0.25$ ),  $Ca_3Co_2O_6$  và  $RFe_2O_4$  ( $R = Y, Er$ ) bằng phương pháp phản ứng pha rắn. Đo đặc số liệu nhiễu xạ neutron của các mẫu nghiên cứu trong dải áp suất 0 – 10 GPa và trong khoảng nhiệt độ 10 – 300 K. Thiết

lập sự phụ thuộc theo các thông số cấu trúc như độ dài liên kết và góc liên kết của các đặc trưng của pha sắt điện và pha từ và từ đó thiết lập điều kiện hình thành của trạng thái sắt điện và trạng thái trật tự từ và tìm ra cơ chế tương quan từ-điện trong các vật liệu trên. Phân tích và xử lý các kết quả thu được cho tất cả các mẫu nghiên cứu và khái quát hóa cơ chế chung của sự hình thành trạng thái sắt điện và trạng thái trật tự từ và cơ chế chung của tương quan từ-điện trong vật liệu multiferroics.

Số hồ sơ lưu: 17945

**20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..**

75277. 05-2021. **Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành Liên đoàn lao động tỉnh Nam Định/ KS. Vũ Văn Nghĩa, - Nam Định - Liên đoàn lao động tỉnh Nam Định, 2017 - 03/2017 - 10/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nâng cấp hạ tầng cơ sở mạng LAN nối các máy tính giữa các phòng ban, đồng bộ hóa các trang thiết bị mạng nâng cao tốc độ đường truyền phục vụ tốt cho việc tổ chức, quản lý, sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý hồ sơ công việc. Bổ sung trang thiết bị công nghệ thông tin gồm: máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy in, máy Photocopy, máy chiếu. Đào tạo tin học văn phòng nâng cao nhằm nâng cao trình độ về công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu công việc hiện tại và nhu

cầu phát triển của đơn vị. Ứng dụng phần mềm quản lý hồ sơ công việc nhằm nâng cao hiệu quả trong công việc tại Liên đoàn lao động tỉnh.

Số hồ sơ lưu: NDH-006-2019

78340. 05-2021. **Nghiên cứu, xây dựng và ứng dụng hệ thống giám sát quá trình sản xuất (PM) và tích hợp vào hệ thống ERP để nâng cao chất lượng, độ tin cậy, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm LED & Điện tử/** KS. Trần Trung Tường, ThS. Dương Đức Duy ThS. Dương Đức Duy; ThS. Nguyễn Đoàn Kết; ThS. Hoàng Trung; KS. Nguyễn Hoàng Kiên; KS. Đỗ Tuấn Hùng; CN. Nguyễn Anh Đức; KS. Đào Văn Phú; KS. Ngô Nhật Quang; KS. Lê Xuân Tú - Hà Nội - Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông, 2020 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình quản lý sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Nâng cao năng lực quản lý sản xuất, kiểm soát chất lượng vật tư và sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh và thâm nhập thị trường quốc tế. Đồng bộ hệ thống giám sát quá trình sản xuất với hệ thống ERP của doanh nghiệp nhằm tối ưu quá trình sản xuất. Đáp ứng các yêu cầu về hệ thống quản lý chất lượng của thị trường xuất khẩu Châu Âu, Bắc Mỹ đối với các sản phẩm LED và điện tử.

Số hồ sơ lưu: 17964

78353. 05-2021. **Nghiên cứu, thiết kế chế tạo thiết bị không người lái sức nâng 5 kg phục vụ**

**công tác tìm kiếm cứu hộ tai nạn giao thông/** TS. Ngô Thanh Bình, KS. Phan Anh Hưng; TS. Nguyễn Quang Tuấn; KS. Hoàng Quốc Trường; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; KS. Lê Nguyên Phong; ThS. Nguyễn Kim Thành - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2020 - 03/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Giới thiệu tổng quan về công nghệ máy VITOL UAV. Thiết kế VITOL UAV hạng nhẹ phục vụ cứu hộ giao thông. Chế tạo thiết bị VITOL UAV và xây dựng giải pháp giám sát phục vụ cứu hộ giao thông. Vận hành, hiệu chỉnh, hoàn thiện và thử nghiệm các thiết bị bay nâng và thả vật nặng ngoài thực tế. Thử nghiệm giám sát tại trạm và tại trung tâm.

Số hồ sơ lưu: 17955

#### **20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông**

76492. 05-2021. **Nghiên cứu kiểm soát và mở rộng dải tần số của vật liệu meta hấp thụ hoàn hảo sóng điện từ bằng cách điều khiển sự sắp xếp của ô cơ sở khuyết mạng trong vật liệu/** PGS. TS. Trần Mạnh Cường, TS. Đỗ Hoàng Tùng; ThS. Hồ Tuấn Hùng; TS. Nguyễn Thị Thúy; TS. Vương Văn Cường - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2020 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát các ứng dụng của vật liệu meta mà trực tiếp là vật liệu meta hấp thụ hoàn hảo sóng điện từ trong dải tần từ GHz tới THz hoặc cao hơn, phù hợp với các ứng dụng

viễn thông vệ tinh và di động thông dụng. Xây dựng được một cơ chế phù hợp và mới bằng cách sử dụng kết hợp các dạng khuyết mạng trong vật liệu meta trong quá trình nghiên cứu, giúp mở rộng các tần số hoặc dải tần số hấp thụ, từ đó đáp ứng được các nhu cầu cụ thể. Làm rõ cơ chế tổn hao điện từ do cộng hưởng và do tổn hao điện trong cấu trúc. Tìm ra cấu trúc meta mới hấp thụ hoàn hảo sóng điện từ trong băng tần mong muốn. Áp dụng các khuyết mạng đơn ô cơ sở và đa ô cơ sở có kiểm soát vào mô hình này nhằm điều khiển vùng hấp thụ điện từ.

Số hồ sơ lưu: 17286

### **20206. Phần cứng và kiến trúc máy tính**

75269. 05-2021. **Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý và điều hành tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/** ThS. Nguyễn Thị Tâm, Nguyễn Hữu Thiệu; Đoàn Xuân Hiều; Trần Thị Hồng Hạnh; Đỗ Thị Ly; Nguyễn Thị Tuyết - Nam Định - Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, 2017 - 03/2017 - 10/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nâng cấp trang thông tin điện tử của ngành; đào tạo nâng cao trình độ về công nghệ thông tin cho cán bộ. Dự án đã tạo điều kiện trang bị hệ thống máy móc đảm bảo cho hoạt động chuyên môn của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch trong lĩnh vực áp dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng công việc thông qua việc tự kiểm tra giám sát từ việc sử

dụng phần mềm quản lý nhân sự. Việc triển khai hoạt động trong cơ quan khoa học, kịp thời hơn, tiết kiệm thời gian và các nguồn lực, kinh phí (hạn chế đi lại, hạn chế in ấn hồ sơ...) từ đó nâng cao chất lượng công việc và sự phối hợp làm việc giữa các phòng chuyên môn và cán bộ công chức cơ quan.

Số hồ sơ lưu: NDH-002-2019

### **203. Kỹ thuật cơ khí**

#### **20303. Chế tạo máy công cụ**

78359. 05-2021. **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và lắp đặt thiết bị hiệu chuẩn băng thử phanh/** ThS. Lại Thái Phong, KS. Nguyễn Minh Tuấn; KS. Đỗ Trảng Hưng; KS. Cao Văn Tư; KS. Dương Hiệp Sỹ; ThS. Lê Đức Chung; Nguyễn Quang Tuấn; ThS. Phan Ngọc Bích; KS. Đào Huy Hải - Hà Nội - Cục Đăng kiểm Việt Nam, 2020 - 10/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về thiết bị băng thử phanh. Phân tích, lựa chọn phương án thiết kế thiết bị hiệu chuẩn cho 3 hãng thiết bị MAHA, Beissbarth, Actia Muller và bộ hiệu chuẩn trọng lượng. Thiết kế phần cơ khí của thiết bị gồm giá đỡ, khung, cân chuẩn, cảm biến lực, thiết bị hiển thị, các cơ cấu đồ gá, bắt chặt. Xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng thiết bị, quy trình thử nghiệm và thuyết minh thiết kế chế tạo thiết bị hiệu chuẩn băng thử phanh. Ứng dụng thiết bị đã chế tạo thực hiện hiệu chuẩn thử nghiệm cho các băng thử phanh đang sử dụng ở một số trung tâm đăng kiểm.



Số hồ sơ lưu: 17954

### **20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp**

78397. 05-2021. **Ứng dụng khoa học công nghệ sản xuất ván ghép thanh từ gỗ rừng trồng tại tỉnh Hà Giang/** KS. Nguyễn Mạnh Tuân, TS. Bùi Duy Ngọc; ThS. Lê Thị Hưng; ThS. Nguyễn Đức Thành; ThS. Nguyễn Văn Giáp; Ngô Trung Sơn; ThS. Hà Tiến Mạnh; ThS. Nguyễn Xuân Quyền; Linh Thị Nhung; Nguyễn Duy Ngọc; Vương Thị Thắng; Lù Việt Phong - Hà Giang - Công ty Cổ phần phát triển Xín Mần, 2020 - 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình dây chuyền công nghệ, thiết bị sản xuất ván ghép thanh từ gỗ rừng trồng. Lắp đặt, vận hành sản xuất đạt công suất khoảng 2.500 m<sup>3</sup> sản phẩm/năm. Sản xuất 500 m<sup>3</sup> sản phẩm ván ghép thanh trên mô hình đáp ứng yêu cầu chất lượng để sản xuất đồ mộc theo TCVN 11205-2015 (ISO 1609:2014) về ván gỗ nhân tạo, gỗ dán-ván ghép thanh dày và ván ghép thanh từ trung bình. Chuyển giao và tiếp nhận quy trình công nghệ sản xuất ván ghép thanh từ gỗ rừng trồng. Đào tạo kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn cho lao động địa phương. Đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật của mô hình.

Số hồ sơ lưu: 17908

### **20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và giao thông**

78351. 05-2021. **Nghiên cứu công nghệ và thiết bị chế tạo các chi tiết và cụm chi tiết nội địa hóa của máy kéo 4 bánh công suất đến**

**50HP/** KS. Đinh Văn Nhật, KS. Nguyễn Hồng Vũ; KS. Nguyễn Hữu Thoại; KS. Nguyễn Thái Châu; KS. Đỗ Minh Huân; KS. Lê Văn Tùng; CN. Trần Thị Hồng Hạnh; KS. Trần Thế Tùng - Đồng Nai - Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải, 2020 - 02/2019 - 02/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế kỹ thuật 106 linh kiện nội địa hóa tại THACO. Quy trình công nghệ sản xuất khung đỡ động cơ, sản xuất ống xả, sản xuất cánh quạt động cơ và sản xuất vô lăng. Quy trình công nghệ chế tạo mái che composite và chế tạo bộ dây điện. Nghiên cứu công nghệ chế tạo ghế lái và chế tạo cho 96 linh kiện nội địa hóa còn lại.

Số hồ sơ lưu: 17951

78402. 05-2021. **Đổi mới công nghệ sản xuất, lắp ráp thùng xe tải mũi bạt phủ cỡ nhỏ và cỡ trung trên cơ sở module hóa kết cấu thùng xe./** KS. Nguyễn Văn Vinh, PGS.TS. Phạm Xuân Mai; TS. Lê Văn Tụy; TS. Nguyễn Xuân Thiện; ThS. Nguyễn Văn Phục; KS. Nguyễn Hữu Thoại; KS. Phạm Công Văn; KS. Huỳnh Văn Dưỡng; KS. Nguyễn Hùng Cường; KS. Dương Quang Cảnh; KS. Nguyễn Văn Tú; KS. Huỳnh Xuân Trung; KS. Đoàn Công Hiếu; KS. Đoàn Công Tự; KS. Trần Đình Nhẫn; KS. Đỗ Văn Sang; KS. Nguyễn Thị Kim Chung; KS. Trương Minh Quang; KS. Nguyễn Đắc Mỹ; KS. Nguyễn Văn Hồng; KS. Hoàng Duy Khánh; KS. Bùi Thanh Liêm; KS. Ngô Trần Thiện Hữu; KS. Hồ Khả Lĩnh; ThS. Nguyễn Phi Hùng; KS. Hà Duy

Khánh; KS. Nguyễn Trọng Quý; KS. Nguyễn Văn Nghĩa; KS. Bùi Minh Toàn; KS. Trần Quốc Vĩ; KS. Huỳnh Minh Quốc; KS. Huỳnh Mạnh Viễn; KS. Lê Trung Kính; KS. Hồ Thanh Trà; KS. Đinh Thế Hải; KS. Lê Thiện Trường; KS. Phan Văn Tấn; KS. Phạm Ngọc Tiến; KS. Ngô Thanh Sơn; KS. Nguyễn Văn Thái; KS. Đỗ Văn Khôi; KS. Cao Ngọc Minh; KS. Phạm Văn Quyên; KS. Trần Minh Đức; KS. Phạm Anh Nhật; KS. Nguyễn Xuân Nghĩa; KS. Thái Hà Bình; KS. Nguyễn Minh Tú; KS. Nguyễn Hoàng Hào; KS. Lê Chí Hoàng; KS. Lê Văn Hùng; KS. Phạm Công Ánh; KS. Nguyễn Văn Nam; KS. Nguyễn Văn Sinh - Quảng Nam - Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí THACO Chu Lai, 2020 - 08/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế module hóa và xây dựng bộ tiêu chuẩn của thùng tải mui bạt phủ cỡ nhỏ và cỡ trung. Xây dựng quy trình công nghệ và thiết kế dây chuyền sản xuất thùng xe tải mui bạt cỡ nhỏ và cỡ trung với công suất trung bình 70 thùng/ngày. Ứng dụng robot công nghiệp vào các công đoạn hàn các mảng thùng đã được module hóa. Thiết kế gia công các cơ cấu và đồ gá hàn và nâng cấp, lắp đặt, vận hành dây chuyền hàn sàn. Thiết kế, chế tạo máy khoan mảng hông tự động có nhiều đầu khoan.

Số hồ sơ lưu: 17904

78409. 05-2021. **Nghiên cứu xây dựng mức giới hạn an toàn và yêu cầu quản lý đối với bồn chứa LPG có kết cấu không lắp trên các phương tiện giao thông vận tải/**

TS. Trần Văn Lượng, KS. Nguyễn Hữu Dũng; KS. Trần Danh Thắng; KS. Nguyễn Văn Nam; KS. Đỗ Việt Mỹ; ThS. Lê Thanh Sơn; KS. Lương Nam Hải; KS. Tạ Minh Đức; KS. Nguyễn Quang Anh; KS. Nguyễn Quang Huy; CN. Vũ Thùy Liên - Hà Nội - Cục Kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và xây dựng các yêu cầu về an toàn, yêu cầu về thiết kế, chế tạo và lắp đặt đối với bồn chứa LPG. Nghiên cứu và xây dựng các quy định về kiểm tra, thử nghiệm và các quy định về kiểm định bồn chứa LPG. Nghiên cứu và xây dựng các quy định về vận hành, bảo dưỡng, các quy định về an toàn điện và phòng cháy cho bồn chứa LPG. Nghiên cứu và xây dựng các quy định về bộ đỡ và móng bồn chứa. Nghiên cứu và xây dựng các quy định về quản lý bồn chứa LPG.

Số hồ sơ lưu: 17902

### **20310. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy xây dựng**

78398. 05-2021. **Nghiên cứu thiết kế hoán cải máy rải bê tông asphalt một lớp thành máy rải bê tông asphalt hai lớp đồng thời trong điều kiện Việt Nam/** ThS. Bùi Văn Trâm, ThS. Nguyễn Xuân Hòa; PGS.TS. Đào Văn Đông; ThS. Nguyễn Hữu Anh; ThS. Đỗ Hữu Tuấn; ThS. Lê Quang Huy; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh; ThS. Bùi Xuân Tùng; ThS. Nguyễn Xuân Hiếu; ThS. Nguyễn Hồng Quang - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ

Giao thông vận tải, 2020 - 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về các công trình rải bê tông nhựa hai lớp đồng thời và thiết bị cơ giới thi công rải bê tông nhựa hai lớp đồng thời. Phân tích khả năng hoá cải thành máy rải hai lớp đồng thời tại Việt Nam. Tính toán chọn bộ công tác rải lớp thứ hai và thiết kế hệ thống cấp liệu lớp thứ hai, kết cấu thép, hệ thống thủy lực dẫn động bộ công tác thứ hai, tính ổn định máy cho máy rải bê tông nhựa hai lớp đồng thời. Vận hành, thử nghiệm và kiểm định sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 17924

78401. 05-2021. **Xây dựng dây chuyền sản xuất gạch không nung từ đá mặt, cát và nguyên liệu sẵn có khác tại tỉnh Thanh Hóa/ CN.** Nguyễn Văn Đài, CN. Lê Chí Cường; CN. Nguyễn Sỹ Đức; CN. Hoàng Duy Xuyên; CN. Nguyễn Văn Hà; CN. Lê Ngọc Tú; CN. Đỗ Thị Dung; CN. Lê Thị Hương; CN. Trương Hùng Tiệp; CN. Phạm Vũ Việt Hoàng - Thanh Hóa - Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa, 2020 - 07/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát thực tế nguồn nguyên liệu đầu vào phù hợp với công nghệ sẵn có trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và khu vực triển khai thực hiện dự án. Tiếp nhận và chuyển giao 08 quy trình công nghệ xuất gạch không nung từ đá mặt, cát và nguyên liệu sẵn có khác tại tỉnh Thanh Hoá. Xây dựng dây chuyền sản xuất gạch không nung từ đá mặt, cát và nguyên liệu sẵn có khác tại tỉnh Thanh Hoá

bằng công nghệ dựa trên nguyên lý ép thủy lực dạng tĩnh hai hướng phương ngang không rung để tạo hình viên gạch, với công suất 22 triệu viên/năm đạt TCVN 6477:2016. Tổ chức hội thảo, thông tin tuyên truyền, giới thiệu công nghệ, thiết bị, sản phẩm và đề xuất biện pháp sử dụng sản phẩm của dự án, chuyển giao nhân rộng triển khai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Số hồ sơ lưu: 17907

### **20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thủy**

78396. 05-2021. **Nghiên cứu thiết kế và chế tạo thử nghiệm hệ thống đánh giá ảnh hưởng đồng thời của mặt thoáng và chiều quay chân vịt đến điều khiển hướng chuyển động tàu thủy/ PGS.TS.** Phạm Kỳ Quang, TS. Vũ Văn Duy; TS. Nguyễn Thị Liên; ThS. Nguyễn Chí Công; ThS. Phạm Ngọc Ánh; ThS. Nguyễn Mạnh Nền; ThS. Đặng Đình Chiến; TS. Cỏ Tấn Anh Vũ; ThS. Phạm Nguyễn Đăng Khoa; ThS. Nguyễn Văn Cang - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2020 - 04/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý thuyết chuyển động tàu thủy, động lực học chân vịt, ảnh hưởng đồng thời mặt thoáng và chiều quay chân vịt tàu thủy. Ứng dụng CFD tính toán mô phỏng ảnh hưởng của mặt thoáng và chiều quay chân vịt tàu thủy. Thiết kế mô hình tàu đồng dạng với mẫu tàu cụ thể. Thiết kế và chế tạo chân vịt, bánh lái, hệ thống dẫn động và hệ thống điều khiển chân vịt trên tàu mô hình. Xây dựng quy trình vận hành và

đánh giá ảnh hưởng đồng thời của mật thoáng, chiều quay chân vịt đến quỹ đạo chuyển động tàu thủy.

Số hồ sơ lưu: 17916

### **20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng**

78410. 05-2021. Nghiên cứu cơ sở khoa học, thực tiễn xây dựng các quy định kỹ thuật và yêu cầu quản lý an toàn trạm nạp LPG/ TS. Trần Văn Lượng, KS. Cao Anh Dũng; KS. Nguyễn Hữu Dũng; KS. Trần Danh Thắng; KS. Nguyễn Văn Nam; KS. Đỗ Việt Mỹ; KS. Tạ Minh Đức; KS. Nguyễn Quang Anh; KS. Nguyễn Quang Huy; CN. Vũ Thùy Liên - Hà Nội - Cục Kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các quy định chung về an toàn trạm nạp LPG. Nghiên cứu và xây dựng các yêu cầu an toàn đối với bồn chứa và hệ thống nạp LPG. Nghiên cứu và xây dựng các yêu cầu an toàn đối với hệ thống ống và thiết bị đường ống. Nghiên cứu quy định về lắp đặt đối với trạm nạp LPG. Nghiên cứu và xây dựng quy định về kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định và vận hành đối với trạm nạp LPG. Nghiên cứu và xây dựng quy định về an toàn điện và phòng cháy đối với trạm nạp LPG. Nghiên cứu và xây dựng quy định về quản lý trạm nạp LPG. Rà soát, đánh giá hiện trạng trạm nạp LPG.

Số hồ sơ lưu: 17903

### **20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân**

78371. 05-2021. Nghiên cứu cấu trúc mức kích thích của các hạt nhân Sm-153, Dy-162, và Yb-172 ở trạng thái hợp phần thông qua phản ứng bắt neutron nhiệt trên lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt/ PGS.TS. Nguyễn Xuân Hải, PGS.TS. Phạm Đình Khang; PGS.TS. Nguyễn Quang Hưng; TS. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Hồ Hữu Thắng; ThS. Nguyễn Kim Uyên - Lâm Đồng - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2020 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định sơ đồ mức hạt nhân của ba hạt nhân hợp phần 172Yb, 153Sm và 164Dy thông qua phản ứng bắt neutron nhiệt và nguồn neutron từ lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt. Phát triển phương pháp mới để trích xuất thông tin về mật độ mức và hàm lực phóng xạ từ phân bố cường độ chuyển dời gamma nổi tầng thực nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 17933

### **204. Kỹ thuật hóa học**

#### **20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)**

78344. 05-2021. Nghiên cứu chế tạo vật liệu chống kết khối, thân thiện với môi trường, sử dụng cho phân bón NPK/ TS. Trần Vũ Thắng, TS. Hoàng Thị Phương; TS. Trịnh Đức Công; ThS. Nguyễn Thị Thức; ThS. Nguyễn Thị Minh Phương; CN. Đỗ Công Hoan; TS. Đinh Gia Thành; TS. Phạm Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Miên; ThS.



Nguyễn Văn Mạnh - Hà Nội - Viện Hóa Học, 2020 - 06/2018 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp chất chống kết khối amin béo và monoglyxerit từ dầu hạt cao su. Xây dựng dây chuyền công nghệ sản xuất chất chống kết khối quy mô 100kg/mẻ. Ứng dụng chất chống kết khối cho phân bón NPK và xây dựng quy trình ứng dụng chất chống kết khối cho phân NPK trên quy mô công nghiệp. Đánh giá tác động của tổ hợp vật liệu chất chống kết khối và phân NPK chứa vật liệu chống kết khối đến môi trường nước.

Số hồ sơ lưu: 17958

#### **20403. Kỹ thuật hoá dược**

78010. 05-2021. **Tổng hợp thư viện các hợp chất peptidomimetic phục vụ việc tìm kiếm thuốc mới chữa Parkinson và Alzheimer/PGS. TS. Mạc Đình Hùng, TS. Bùi Thái Thanh Thu; TS. Phạm Văn Phong; TS. Nguyễn Thế Toàn; TS. Đỗ Thị Việt Hương; ThS. Lương Thị Mỹ Hạnh; ThS. Lê Thúy Quỳnh; GS. TS. Pierre Van de Weghe - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên-Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020 - 02/2017 - 02/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Tổng hợp thư viện các hợp chất peptidomimetic có công thức chung, trong đó thư viện thứ nhất được tổng hợp bằng quá trình tổng hợp hữu cơ nhiều bước đặc biệt là việc sử dụng phản ứng metathesis cho phép tạo vòng chứa nối đôi làm tiền đề cho các chuyển hóa tiếp. Thư viện thứ hai là sự phát triển của các mạch peptid trên khung biaryl nhằm tăng

độ bền của peptid trong quá trình chuyển hóa trong cơ thể, đồng thời cố định cấu dạng peptid hướng tới những mục tiêu cố định trong cơ thể.

Số hồ sơ lưu: 17840

#### **20404. Kỹ thuật hoá vô cơ**

78366. 05-2021. **Graphene/lá đồng (Cu) bằng phương pháp lắng đọng hơi hóa học và ứng dụng chế tạo cảm biến nhạy khí trên một đế với mảng các lỗ kích thước micron/ TS. Phạm Thành Trung, TS. Đỗ Hữu Quyết; ThS. Đỗ Thanh Sinh; ThS. Tiêu Tư Doanh - Hồ Chí Minh - Trung tâm nghiên cứu triển khai khu công nghệ cao, 2020 - 07/2017 - 01/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Chế tạo lớp graphene phủ đồng đều trên lá đồng diện tích 1x1 cm<sup>2</sup> với kích thước tinh thể từ micromet đến milimet. Xác định điều kiện thực nghiệm để thành lập màng graphene 1-2 lớp trên lá đồng. Đo tản nhiệt của vật liệu graphene/lá đồng/graphene. Nghiên cứu kỹ thuật chuyển màng graphene lên đế SiO<sub>2</sub>/Si. Chế tạo cảm biến và đo thử nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 17944

#### **205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim**

##### **20508. Vật liệu điện tử**

75331. 05-2021. **Hoàn thiện công nghệ chế tạo keo tản nhiệt từ nền vật liệu carbon nanotube và graphen ứng dụng trong các thiết bị điện tử/ ThS. Tiêu Tư Doanh, TS.**

Đỗ Hữu Quyết; ThS. Nguyễn Thị Hồng Thắm; CN. Trần Phước Toan; ThS. Đỗ Thanh Sinh; TS. Nguyễn Thị Lệ Thủy; KS. Bùi Quang Vinh; ThS. Hứa Nguyễn Đăng Thy; KS. Vũ Ngọc Long - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm nghiên cứu triển khai khu công nghệ cao, 2018 - 12/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Quản lý nhiệt là một phần quan trọng cho hàng loạt các thành phần và đóng gói linh kiện điện tử. Yêu cầu ngày càng cao về chức năng tích hợp phức tạp trong mạch điện tử cùng với sự đòi hỏi mỏng hơn, nhẹ hơn và hiệu suất làm việc của sản phẩm tăng lên cũng như tốc độ phát triển lớn mạnh của nền công nghiệp bán dẫn toàn cầu dẫn đến kết quả là sự gia tăng nhiệt của các thiết bị, hệ thống vì vậy cần phải làm mát. Và thách thức lớn nhất trong hệ làm mát là khả năng quản lý nhiệt tốt mà không làm ảnh hưởng đến hiệu suất làm việc của thiết bị, hệ thống. Việc sử dụng vật liệu than ống nano, Graphene cho ứng dụng làm vật liệu giao tiếp nhiệt là hướng ngày càng phát triển và thu hút các nhà khoa học trên thế giới tập trung nghiên cứu cũng như các công ty sản xuất.

Số hồ sơ lưu: HCM-0352-2018

78343. 05-2021. **Chế tạo và nghiên cứu các tính chất điện của vật liệu áp điện định hướng không chứa chì/** TS. Lê Đại Vương, TS. Nguyễn Ngọc Trác; TS. Đặng Anh Tuấn; TS. Đào Anh Quang; TS. Nguyễn Khánh Quang; ThS. Võ Thị Thanh Kiều; ThS. Đào Duy Hồng Ngọc - Thừa Thiên - Huế - Trường

Cao đẳng Công nghiệp Huế, 2020 - 08/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo hệ gốm sắt điện không chì định hướng trên cơ sở  $\text{Bi}_{0,5}(\text{Na}_{0,4}\text{K}_{0,1})\text{TiO}_3$ . Các tính chất điện môi, sắt điện của các vật liệu trên được cải thiện nhờ phương pháp định hướng hạt, đáp ứng tốt yêu cầu ứng dụng rất đa dạng như sensor siêu âm, rửa siêu âm, các thiết bị thủy âm. Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến cấu trúc và các tính chất vật lý của hệ vật liệu.

Số hồ sơ lưu: 17962

### 20515. Vật liệu tiên tiến

78336. 05-2021. **Chế tạo và nghiên cứu vật liệu phát quang có hiệu suất lượng tử lớn hơn 100 % dựa trên quá trình cắt lượng tử thông qua cơ chế truyền năng lượng giữa các ion đất hiếm/** TS. Phan Văn Độ, TS. Lương Duy Thành; GS.TSKH. Vũ Xuân Quang; PGS.TS. Vũ Phi Tuyền; TS. Nguyễn Trọng Thành; TS. Nguyễn Xuân Ca; ThS. Lê Xuân Hùng - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2020 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo vật liệu huỳnh quang QC chứa  $\text{RE}^{3+}$  có hiệu suất lượng tử phát quang cao dựa trên quá trình cắt lượng tử, định hướng ứng dụng cho vật liệu phát quang hiệu suất cao. Đánh giá hiệu suất lượng tử QC và quá trình truyền năng lượng ở các vật liệu chế tạo được.

Số hồ sơ lưu: 17967

**206. Kỹ thuật y học**

76059. 05-2021. **Nghiên cứu tổng hợp và đánh giá hoạt tính chống ung thư của các hợp chất có cấu trúc lai chứa khung 4-aminoquinazolin/** TS. Lê Nhật Thùy Giang, TS. Đặng Thị Tuyết Anh; TS. Trần Thị Ý Nhi; TS. Lục Quang Tấn; TS. Vũ Thị Thu Hà; TS. Vũ Ngọc Doãn; TS. Lê Thị Tú Anh - Hà Nội - Viện Hóa Học, 2019 - 04/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng hợp các hợp chất khung 4-aminoquinazolin 95, 97., các hợp chất lai 4-aminoquinazolin chứa nhóm triazolyl 98, 99., các hợp chất lai giữa 4-aminoquinazolin và indenoisoquinolin qua cầu triazol 100, 101., các hợp chất lai giữa 4-aminoquinazolin và axit hydroxamic 102, 103., các hợp chất dime của 4-aminoquinazolin 104, 105. Xác định cấu trúc các hợp chất nhận được nhờ các phương pháp phổ hiện đại (IR, MS,  $^1\text{H}$  NMR,  $^{13}\text{C}$  NMR, HMBC, HMQC...). Thử hoạt tính gây độc tế bào ung thư của các hợp chất tổng hợp được. Đưa ra phương pháp hiệu quả để tổng hợp các hợp chất lai mới của 4-aminoquinazolin với các chất chống ung thư theo các cơ chế khác nhau (indenoisoquinolin, axit hydroxamic) qua cầu nối triazol tại mạch nhánh và các dime của 4-aminoquinazolin qua liên kết triazol, amit, este, ... Đánh giá hoạt tính gây độc tế bào ung thư của các chất tổng hợp được.

Số hồ sơ lưu: 16903

**20601. Kỹ thuật và thiết bị y học**

76030. 05-2021. **Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo bộ thiết bị hỗ trợ lực chân cho người bị liệt, thoái hóa khớp chân/** TS. Lê Hồng Kỳ, ThS. Đặng Thành Tựu; PGS.TS. Cao Hùng Phi; TS. Nguyễn Thanh Tùng; TS. Lê Hoàng Anh; ThS. Nguyễn Tấn Nó; ThS. Lê Trung Hậu; KS. Nguyễn Ngọc Tuấn - Vĩnh Long - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế, chế tạo thành công một bộ thiết bị hỗ trợ lực chân cho người bị liệt, bị thoái hóa khớp chân có thể mang trên người. Nghiên cứu bước đầu chỉ xem xét đến hoạt động: đứng lên, đi thẳng và ngồi xuống trong mặt đối xứng của thân người. Về lý thuyết, đã tiếp cận với những vấn đề khoa học và kỹ thuật nền tảng và một số xu hướng phát triển mới của cơ sinh điện tử, làm cơ sở cho thiết kế các robot sinh học dáng người cũng như robot sinh học gắn lên người, phục vụ các mục đích khác nhau. Về thực tiễn, thiết bị có thể ứng dụng hỗ trợ lực chân cho người bị liệt, bị thoái hóa khớp chân ở Việt Nam. Về khoa học và đào tạo, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất, đào tạo đội ngũ sinh viên trong lĩnh vực robot sinh học, mở rộng hoạt động nghiên cứu KHCN và đào tạo trong lĩnh vực tự động hoá và cơ điện tử.

Số hồ sơ lưu: 16881

78418. 05-2021. **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với một số loại thiết bị X-**

**quang chẩn đoán y tế/** ThS. Lại Tiến Thịnh, ThS. Bùi Thị Dung; TS. Trần Bích Ngọc; ThS. Nguyễn An Trung; ThS. Nguyễn Thị Hoàn; ThS. Trương Quốc Hoài; ThS. Nguyễn Xuân Việt; ThS. Nguyễn Thị Mai Hiền; ThS. Trần Thị Trang; ThS. Nguyễn Thành Long - Hà Nội - Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật An toàn bức xạ hạt nhân và ứng phó sự cố, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, 2020 - 06/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp và đánh giá tình hình thực hiện việc kiểm tra chất lượng các thiết bị X-quang và đánh giá tác động của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị X-quang di động dùng trong y tế, thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình, thiết bị X-quang răng và thiết bị X-quang vú đang sử dụng tại Việt Nam. Nghiên cứu bộ thông số kiểm tra, tiêu chí chấp nhận tương ứng (QA) và quy trình, thiết bị, nguồn nhân lực kiểm soát chất lượng (QC) đối với các thiết bị X-quang di động, X-quang tăng sáng truyền hình, X-quang răng và X-quang vú. Áp dụng thử nghiệm dự thảo quy chuẩn kỹ thuật đã xây dựng trong kiểm định thực tế đối với các thiết bị X-quang chẩn đoán y tế để phân tích, đánh giá và hoàn thiện lại quy chuẩn cho phù hợp với Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17936

## **207. Kỹ thuật môi trường**

### **20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật**

78363. 05-2021. **Nghiên cứu sự phát xạ khí radon ( $^{220}\text{Rn}$ ,**

**$^{222}\text{Rn}$ ) trong môi trường karst khu vực Đông Bắc Việt Nam/** PGS.TS. Nguyễn Thùy Dương, TS. Nguyễn Văn Hương; GS.TS. Tạ Hòa Phương; TS. Nguyễn Thị Hồng; ThS. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích các yếu tố (địa chất, kiến tạo, thời tiết, môi trường, tính chất vật liệu xây dựng) ảnh hưởng đến nồng độ radon  $^{222}\text{Rn}$  và nồng độ khí radon  $^{220}\text{Rn}$  trong không khí môi trường karst (nhà ở và nơi làm việc). Xác định nồng độ khí radon  $^{222}\text{Rn}$  và nồng độ khí radon  $^{220}\text{Rn}$  trong môi trường karst (nhà ở, các hang động và hố sụt) theo mùa. Phân tích các điểm dị thường khí radon tại khu vực nghiên cứu và đối sánh nồng độ khí radon trong môi trường karst với các ngưỡng an toàn sức khỏe cộng đồng. Xây dựng sơ đồ cảnh báo ô nhiễm phóng xạ radon cho các khu vực karst thuộc 4 huyện Quản Bạ, Yên Minh, Mèo Vạc và Đồng Văn, tỉnh Hà Giang với tỷ lệ 1:50.000. Đề xuất biện pháp giảm thiểu tiếp xúc khí radon  $^{220}\text{Rn}$  trong các nhà trình tường truyền thống.

Số hồ sơ lưu: 17934

78380. 05-2021. **Nghiên cứu tận dụng xỉ thải kim loại từ quá trình luyện kim loại màu và luyện thép làm xúc tác cho ozon để xử lý nước thải giàu chất hữu cơ/** TS. Văn Hữu Tập, TS. Trần Thị Phả; TS. Vũ Xuân Hòa; TS. Phạm Minh Tân; TS. Kiều Quốc Lập; TS. Đỗ Thị Vân Hương; TS. Nguyễn Lan Hương; ThS. Nguyễn Thị Tuyết - Thái



Nguyên - Trường Đại học khoa học, 2020 - 04/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tuyển chọn một số loại xỉ thải kim loại từ quá trình luyện kim loại màu tại các nhà máy luyện kim loại màu Thái Nguyên và 1 loại xỉ thép tại nhà máy luyện gang, thép ở Thái Nguyên để tạo vật liệu xúc tác cho phản ứng ozon nhằm xử lý nước thải giàu chất hữu cơ. Đánh giá các loại xỉ thải đã lựa chọn để chọn loại xỉ thải phù hợp làm vật liệu xúc tác dị thể cho phản ứng ozon. Tiến xử lý 3 loại nước thải giàu chất hữu cơ gồm nước rỉ rác, nước thải giấy và nước thải dệt nhuộm để loại bỏ các chất rắn lơ lửng bằng quá trình keo tụ Thực nghiệm và đánh giá ảnh hưởng của pH trong phản ứng của ozon ( $O_3$ ), perozon ( $O_3/H_2O_2$ ), ozon xúc tác của loại xỉ thải đã tuyển chọn đến hiệu quả xử lý 3 loại nước thải giàu chất hữu cơ là nước rỉ rác, nước thải giấy và nước thải dệt nhuộm. Đánh giá ảnh hưởng của thời gian phản ứng trong phản ứng của ozon ( $O_3$ ), perozon ( $O_3/H_2O_2$ ), ozon xúc tác của từng loại xỉ thải đã chọn được ở trên đến hiệu quả xử lý nước rỉ rác, nước thải giấy và nước thải dệt nhuộm. Xác định ảnh hưởng của hàm lượng xỉ thải luyện kim đã chọn ở trên trong phản ứng của ozon xúc tác đến hiệu quả xử lý 3 loại nước thải gồm nước rỉ rác, nước thải giấy và nước thải dệt nhuộm. Nghiên cứu cơ chế phản ứng và động học tốc độ phản ứng ozon xúc tác xỉ thải đã chọn khi xử lý nước rỉ rác, nước thải giấy và nước thải dệt nhuộm.

Số hồ sơ lưu: 17913

78387. 05-2021. **Nghiên cứu ảnh hưởng của một số polycation hữu cơ đến sự phân tán của bùn đỏ nhằm đề xuất giải pháp hạn chế rủi ro và ô nhiễm môi trường từ hoạt động khai thác bauxit/** PGS.TS. Nguyễn Mạnh Khải, PGS.TS. Nguyễn Ngọc Minh; TS. Phạm Thị Thúy; TS. Nguyễn Xuân Huân; ThS. Phạm Văn Quang - Hà Nội - Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 12/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Triển khai các thí nghiệm xác định đặc điểm điện động học cho các mẫu bùn đỏ thông qua khảo sát thế zeta, điện tích bề mặt và phản ứng keo thông qua kỹ thuật phân tích tán xạ ánh sáng. Nghiên cứu sự hấp phụ của PolyDADMAC lên bề mặt của bùn đỏ và tác động của sự hấp phụ dạng polycation hữu cơ này đến mức độ biến đổi thế zeta, điện tích bề mặt và khả năng phân tán của bùn đỏ. Khảo sát một số hợp chất cao phân tử có nguồn gốc tự nhiên để thử nghiệm xử lý bề mặt cho các mẫu bùn đỏ dựa trên phân tích đặc tính hóa học của PolyDADMAC. Đề xuất mô hình xử lý để giảm thiểu tính phân tán của bùn đỏ, từ đó đề xuất các giải pháp quản lý bùn đỏ cho các dự án khai thác và chế biến bauxit ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17912

78416. 05-2021. **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ khí hóa để xử lý rác thải rắn trong sản xuất công nghiệp – chế biến tạo năng lượng phục vụ cho quá trình sấy và bảo quản nông sản, thực phẩm/** PGS.TS. Bùi Trung Thành, ThS.

Phạm Quang Phú ThS. Phạm Quang Phú; ThS. Lê Đình Nhật Hoài; ThS. Nguyễn Minh Cường; ThS. Dương Tiên Đoàn; ThS. Nguyễn Thị Tâm Thanh; TS. Châu Minh Quang; KS. Hứa Văn Phước; KS. Nguyễn Nhân Sâm; KS. Hồ Văn Phúc - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, 2020 - 01/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về công nghệ khí hóa và lựa chọn kiểu lò đốt khí hóa theo hướng đốt khí hóa viên nén đa nguyên liệu. Thiết kế, chế tạo máy nghiền tạo ra nguyên liệu nilon dạng bột. Thiết kế chế tạo máy ép viên nén, lò đốt khí hóa viên nén, máy sấy sử dụng nguồn nhiệt từ việc đốt viên nén đa nguyên liệu. Thực nghiệm xây dựng các công thức sản xuất viên nén đa nguyên liệu và đánh giá chất lượng viên nén đa nguyên liệu theo các công thức đã sản xuất. Thực nghiệm đốt khí hóa viên nén trong lò đốt khí hóa kiểu ngược để cung cấp nhiệt cho một mô hình sấy lúa, sấy đường và đánh giá chất lượng cấp nhiệt và sản phẩm sấy.

Số hồ sơ lưu: 17918

#### **20704. Viễn thám**

78375. 05-2021. **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ GIS và viễn thám phục vụ quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ Cà Mau - Kiên Giang/** ThS. Lê Đức Dũng, ThS. Vũ Thị Hiền; CN. Nguyễn Hoàng Anh; ThS. Nguyễn Hải Anh; TS. Trần Đức Trứ; ThS. Vũ Sinh Khiêu; ThS. Vũ Thành Chơn; ThS. Nguyễn Khắc Đoàn; TS. Nguyễn Dư Khang; TS.

Nguyễn Hoàng Sơn - Hà Nội - Viện Nghiên cứu biển và hải đảo, 2020 - 07/2016 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở khoa học và thực tiễn xác định các vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ Việt Nam. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ GIS và viễn thám phục vụ quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ. Nghiên cứu áp dụng cho khu vực vùng bờ Cà Mau - Kiên Giang.

Số hồ sơ lưu: 17935

78377. 05-2021. **Nghiên cứu tiếp cận công nghệ sử dụng khinh khí cầu thả ở tầng bình lưu tích hợp công nghệ trạm thu phát thông tin để giám sát, dẫn đường, tìm kiếm cứu hộ và đo đạc thông số vật lý môi trường tầng khí quyển/** PGS.TS. Phạm Hồng Quang, TS. Phạm Hồng Công; KS. Đặng Khánh Trung; ThS. Phạm Trà My; TS. Hoàng Phúc Lâm; TS. Dư Đức Tiến; PGS.TS. Đặng Ngọc Thanh; TS. Trần Ngọc Đoàn; KS. Nguyễn Hữu Tình; KS. Bùi Phú Huy - Hà Nội - Trung tâm tin học và tính toán, 2020 - 11/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các vấn đề về động lực học, ổn định cơ - nhiệt, điều khiển với vật thể bay, hướng và tốc độ gió ở các lớp trong tầng khí quyển gần Trái đất sử dụng siêu máy tính để đưa ra thông số điều khiển khinh khí cầu hoạt động dài ngày trên tầng bình lưu. Sử dụng các đo đạc thu thập từ khinh khí cầu để kiểm định kết quả tính toán từ mô

hình dự báo. Tiếp cận một số công nghệ thông tin truyền thông hiện đại, tích hợp với kinh khí cầu thả ở tầng bình lưu phục vụ thông tin liên lạc, mở rộng ứng dụng của hệ thống vệ tinh định vị toàn cầu. Ứng dụng thử nghiệm trong việc tìm kiếm cứu hộ trên biển và đất liền.

Số hồ sơ lưu: 17926

## **209. Công nghệ sinh học công nghiệp**

### **20901. Các công nghệ xử lý sinh học (các quá trình công nghiệp dựa vào các tác nhân sinh học để vận hành quy trình), xúc tác sinh học; lên men**

76062. 05-2021. Sản xuất tá dược tan (DE=5) từ tinh bột sắn bằng phương pháp enzym/ ThS. Nguyễn Trường Giang, PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; ThS. Lâm Thị Hải Yến; TS. Đặng Trần Hoàng; TS. Phạm Đức Thuận; KS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh; KS. Nguyễn Thùy Linh; ThS. Vũ Thị Thuận; ThS. Nguyễn Quang Hưng; CN. Nguyễn Thị Hiệp - Hà Nội - Viện nghiên cứu và ứng dụng sinh học công nghệ cao, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện được quy trình công nghệ sản xuất tá dược DE-5 đạt tiêu chuẩn chất lượng với những thông số công nghệ cơ bản. Xây dựng mô hình thiết bị sản xuất tá dược tan quy mô 500kg/mẻ và thương mại hóa sản phẩm, nhằm giảm giá thành, thay thế nhập khẩu, chủ động nguồn tá dược tan trong nước để cung cấp cho các ngành công nghiệp khác một cách thuận lợi như: Công nghiệp dược,

công nghiệp thực phẩm, mỹ phẩm,...Trên thiết bị này dự án đã sản xuất được 10.200kg tá dược tan làm nguyên liệu cho sản xuất cao dược liệu. Hoàn thành chuyển giao công nghệ và đào tạo hướng dẫn thành công lắp đặt vận hành các thiết bị và quy trình sản xuất tá dược tan cho cán bộ kỹ thuật và công nhân cụ thể là 5 kỹ thuật viên và 20 công nhân lành nghề tại Công ty Cổ phần Dược phẩm NOVACO. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm của dự án và sản xuất được các sản phẩm như: Tá dược tan (DE5), năm loại cao dược liệu là và viên nang thực phẩm chức năng bổ trợ đại tràng DE5. Đã đăng ký sáng chế cho sản phẩm tá dược tan (có giấy chấp nhận đơn).

Số hồ sơ lưu: 16904

### **20999. Công nghệ sinh học công nghiệp khác**

75586. 05-2021. Khảo sát khả năng tạo chỉ cellulose vi sinh từ chủng *Gluconacetobacter spp.*/ TS. Phan Mỹ Hạnh, Phan Mỹ Hạnh; Trần Chí Hiếu; Lê Thị Thùy Nhi - Thành phố Hồ Chí Minh - Phòng Công nghệ vi sinh, 2017 - 01/2015 - 01/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tuyển chọn được chủng *Gluconacetobacter nataicola* BC-B0007 để tạo cellulose vi sinh khối lượng lớn. Tối ưu hóa môi trường nuôi cấy *G. nataicola* BC -B0007, phát triển và thương mại hóa sản phẩm BC NUTRI 01, BC NUTRI 02 đáp ứng nhu cầu sản xuất ở quy mô công nghiệp, không phụ thuộc vào

nguồn nước dừa trong nước . Tìm được quy trình sản xuất màng cellulose vi sinh ở quy mô pilot, đủ nguyên liệu phục vụ bước khảo sát khả năng tạo chỉ cellulose vi sinh. Bước đầu thiết lập được quy trình chế tạo dung dịch visco, phun và tạo ra mẫu xơ sợi đầu tiên. Thiết kế được hệ thống máy móc quy mô phòng thí nghiệm phục vụ khảo sát khả năng tạo chỉ cellulose vi sinh.

Số hồ sơ lưu: HCM-0356-2018

## 210. Công nghệ nano

### 21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)

78342. 05-2021. Ảnh hưởng của dị hướng hình dạng của các hạt nano từ  $MFe_2O_4$  (M=Fe, Co và Mn) lên công suất tổn hao riêng (Specific Loss Power - SLP) nhằm nâng cao hiệu quả của nhiệt từ trị./ TS. Vương Thị Kim Oanh, ThS. Nguyễn Hoài Nam; PGS.TS. Lê Văn Hồng; TS. Nguyễn Xuân Trường; ThS. Đỗ Hải Đoàn; ThS. Lê Thị Hồng Phong - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2020 - 06/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu quy trình tổng hợp hạt nano từ  $Fe_2O_3$ ,  $MnFe_2O_4$  và  $CoFe_2O_4$  bằng phương pháp phân hủy nhiệt. Xác định ảnh hưởng của điều kiện tổng hợp đến hình dạng, kích thước và độ đồng đều của hạt. Nghiên cứu cấu trúc, hình thái, các tính chất từ và các đặc trưng đốt nóng cảm ứng từ của các mẫu có kích thước và hình dạng khác nhau trên các thiết bị hiện đại như nhiễu xạ tia X, hiển vi điện tử quét phát xạ trường, hiển vi điện tử truyền qua

phân giải cao, từ kế mẫu rung và máy phát từ trường xoay chiều. Nghiên cứu các quá trình chuyển pha từ dung môi hữu cơ sang dung môi nước để chuyển đổi các hạt được tổng hợp từ dung môi hữu cơ sang dung môi nước sử dụng các polyme và các co-polyme phân tán trong nước. Nghiên cứu ảnh hưởng của dị hướng hình dạng đến công suất tổn hao SLP trên máy phát từ trường xoay chiều.

Số hồ sơ lưu: 17965

### 21002. Các quy trình nano (các ứng dụng ở cấp nano). (Vật liệu sinh học kích thước không phải nano được xếp vào 209)

78337. 05-2021. Nghiên cứu chế tạo vật liệu nano phức hợp thông minh Ag-PHMB-SPMNPs chứa nano bạc, polyhexanide, nano ferrite siêu thuận từ và ứng dụng thử nghiệm in vitro trong y sinh/ TS. Lê Thị Tâm, GS.TS. Lê Anh Tuấn; TS. Ngô Xuân Đình; ThS. Nguyễn Thị Phượng; Mai Mai; Vũ Văn Cát - Hà Nội - Viện Tiên tiến Khoa học và Công nghệ (AIST), 2020 - 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu phát triển quy trình công nghệ tổng hợp các vật liệu nano phức hợp Ag-polyhexanide (hệ I) và SPMNPs-Ag-polyhexanide (hệ II) sử dụng các phương pháp hóa học ướt tại điều kiện ở Việt Nam. Khảo sát và đánh giá các đặc trưng hóa lý, hoạt tính sinh học và độc tính tế bào của các vật liệu nano phức hợp chế tạo được. Thử nghiệm in vitro khả



năng ứng dụng của vật liệu nano phức hợp trong y sinh.

Số hồ sơ lưu: 17968

78357. 05-2021. **Nghiên cứu chế tạo các thiết bị làm lạnh kích thước micro mét dựa trên hiệu ứng nhiệt điện**/ TS. Nguyễn Quốc Hưng, TS. Nguyễn Trần Thuật; PGS.TS. Nguyễn Việt Tuyên; ThS. Nguyễn Minh Hiếu - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 09/2016 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tính chất nhiệt điện của hợp chất  $\text{Bi}_2\text{Te}_3$  và  $\text{Sb}_2\text{Te}_3$  được chế tạo bằng phương pháp đồng bốc bay nhiệt. Hai loại vật liệu này sẽ được khảo sát sự phụ thuộc của tính chất điện, nhiệt vào các thông số chế tạo như áp suất bốc bay, năng lượng nguồn, nhiệt độ đế Silic. Chế tạo các vật liệu nhiệt điện tiên tiến như oxide, silic, polymer dẫn điện và chế tạo màng treo điện môi có độ dẫn nhiệt thấp. Các màng treo có thể được tạo hình theo hướng siêu vật liệu bằng quang khắc, tùy theo yêu cầu về độ dẫn nhiệt. Độ dẫn nhiệt của màng treo được đo bằng phương pháp  $3\omega$ , độ bền cơ học được khảo sát bằng máy alpha step. Chế tạo vi thiết bị làm lạnh trên màng treo vô định hình. Thiết bị làm lạnh được tối ưu hóa để tạo ra độ chênh lệch nhiệt độ lớn nhất với công suất đủ lớn thích hợp cho các ứng dụng thực tế. Thiết kế này được mô phỏng dựa trên các phương trình truyền nhiệt và các công cụ máy tính phù hợp.

Số hồ sơ lưu: 17966

78364. 05-2021. **Nghiên cứu ảnh hưởng của các tâm ghim từ nhân tạo có cấu trúc nano lên tính chất truyền dẫn của vật liệu siêu dẫn loại II**/ PGS.TS. Bùi Đức Tĩnh, PGS.TS. Nguyễn Quang Học; TS. Lê Minh Thư; TS. Nguyễn Khắc Mẫn - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2020 - 08/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát, phân tích số liệu và so sánh kết quả tính toán lý thuyết với kết quả thực nghiệm và mô phỏng gần đây của vật liệu siêu dẫn nhiệt độ cao điển hình. Qua đó thu được các tham số đặc trưng cho vật liệu siêu dẫn, đồng thời vẽ các đồ thị lý thuyết để dự đoán quy luật thực nghiệm. Khảo sát, phân tích số liệu và vẽ các đồ thị lý thuyết để dự đoán quy luật thực nghiệm cho một số vật liệu siêu dẫn nhiệt độ cao điển hình.

Số hồ sơ lưu: 17957

78368. 05-2021. **Nghiên cứu ảnh hưởng của từ độ bão hòa và dị hướng từ tới công suất hấp thụ riêng của một số hệ hạt nano từ**/ PGS.TS. Đỗ Hùng Mạnh, TS. Phạm Hồng Nam; ThS. Lê Thị Hồng Phong; PGS.TS. Phạm Thanh Phong; ThS. Tạ Ngọc Bách; ThS. Đỗ Khánh Tùng - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2020 - 08/2016 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chế tạo các mẫu  $\text{AFe}_2\text{O}_4$  có cấu trúc spinel, trong đó  $\text{A} = \text{Fe}, \text{Mn}, \text{Co}, \text{Zn} \dots$  với Ms và Keff khác nhau bằng phương pháp thủy nhiệt hoặc polyol. Nghiên cứu cấu trúc, các tính chất từ và các đặc trưng đốt nóng cảm ứng từ của các

mẫu bằng cách dùng các thiết bị hiện đại như nhiễu xạ tia X (XRD), hiển vi điện tử quét phát xạ trường (FESEM), hiển vi điện tử truyền qua phân giải cao (HRTEM), từ kế mẫu rung (VSM) và máy phát từ trường xoay chiều (RDO, HFI). Nghiên cứu các cơ chế hình thành SAR thông qua việc khảo sát từ độ bão hòa, hằng số dị hướng từ hiệu dụng (Keff). Nghiên cứu bằng lý thuyết và thực nghiệm sự đóng góp của các cơ chế hồi phục Neel hoặc Brown cũng như độ nhớt của chất lỏng từ tới SAR.

Số hồ sơ lưu: 17939

## **211. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống**

### **21101. Kỹ thuật thực phẩm**

75587. 05-2021. **Sử dụng enzyme protease từ Bacillus spp. để thủy phân protein bánh dầu làm chế phẩm sinh học/** KS. Lê Thị Huyền, ThS. Dương Thị Phụng Các - Thành phố Hồ Chí Minh - Tổ Công nghệ sinh học Môi trường - Thực phẩm, 2016 - 01/2014 - 12/2015. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tận dụng nguồn phụ phẩm của ngành sản xuất dầu ăn (khô dầu đậu phộng), trong khô dầu đậu phộng ngoài hàm lượng đạm hữu cơ (protein) rất cao từ 45 - 60% thì nó còn chứa nhiều muối khoáng, vitamine... được thủy phân bởi dịch lên men vi khuẩn Bacillus spp. phân lập được nhằm tạo chế phẩm sinh học phân bón lá. Quá trình thủy phân được sàng lọc các yếu tố theo thiết kế Plackett-Burman và tối ưu hóa toàn phần với các điều kiện tối ưu là

dịch lên men 30ml, pH6, nhiệt độ 60oC, tỷ lệ nước bổ sung 3:1, thời gian 15 ngày. Chế phẩm được thử nghiệm trên một số loại cây rau ăn lá như rau mồng tơi năng suất cây trồng 5,59 tấn/ha chênh lệch so với đối chứng đạt 56,15%. Các protein khó tan trong bánh dầu được thủy phân thành các amino acid giúp cây trồng nhanh hấp thu tốt, sử dụng dịch khô dầu thủy phân lâu dài có thể giúp cải tạo tính chất hóa lý của đất, giúp đất tơi xốp, tăng năng suất cây trồng rõ rệt.

Số hồ sơ lưu: HCM-0357-2018

78389. 05-2021. **Đánh giá tiềm năng thay thế sản phẩm nhựa dùng một lần tiếp xúc với thực phẩm bằng sản phẩm giấy tại Việt Nam/** TS. Nguyễn Thị Thu Hiền, ThS. Tạ Thanh Tùng; KS. Nguyễn Thị Phương Thanh; ThS. Võ Thành Lê; KS. Phan Thúy Hà; KS. Bùi Thị Thu Hằng; ThS. Lê Công Hoàng; ThS. Lê Quốc Dũng - Hà Nội - Viện công nghiệp giấy và xenlulô, 2020 - 10/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiện trạng sử dụng các sản phẩm nhựa dùng 1 lần tiếp xúc với thực phẩm có khả năng thay thế bằng sản phẩm giấy trên thế giới. Đánh giá hiện trạng sử dụng các sản phẩm nhựa dùng 1 lần tiếp xúc với thực phẩm có khả năng thay thế bằng sản phẩm giấy tại Việt Nam. Đánh giá khả năng thay thế các sản phẩm nhựa dùng một lần bằng các sản phẩm giấy.

Số hồ sơ lưu: 17911

### 3. Khoa học y, dược

76641. 05-2021. **Xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe sau khi ra viện cho người bệnh tai biến mạch máu não tại thành phố .Cần Thơ/** ThS. Trần Thị Hạnh, BS CKII. Phạm Hoàng Diệu; BS CKII. Nguyễn Việt Dũng; CN. Phạm Thị Thúy Hằng; BS CKII. Nguyễn Hiếu Hiệp; DS CKI. Nguyễn Thị Việt Hoa ; BS CKII. Đoàn Anh Luân; BS CKII. Lê Văn Lóng ; ThS. Phan Thị Diệu Thoa; BS CKII . Mai Thọ Truyền ; CN. Tiêu Thanh Tuyền - Cần Thơ - Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ , 2017 - 11/2015 - 11/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xuất xứ của đề tài: Đột quỵ não đang là vấn đề sức khỏe cộng đồng mà cả xã hội đang phải đối mặt. Tỷ lệ mắc và chết đang ở mức báo động. Mô hình hiện tại trong quản lý chăm sóc cho người bệnh đột quỵ não tại Tp.Cần Thơ còn nhiều bất cập. Mục tiêu và phương pháp: Nhằm phát triển Mô hình chăm sóc liên tục sau ra viện cho người cao tuổi bị đột quỵ não, một nghiên cứu áp dụng thiết kế nghiên cứu hỗn hợp, đã được tiến hành tại Tp.Cần Thơ. Mô hình được thực nghiệm trong 3 tháng với hai giải pháp chính là Xây dựng năng lực cho người chăm sóc và Tạo môi trường hỗ trợ cho họ. Các phép kiểm có ý nghĩa thống kê ở  $p < 0.05$ . Kết quả: Theo dõi 37 cặp người NB và NCS ở nhóm chứng, 39 cặp ở nhóm thực nghiệm sau 9 tháng, Kết luận: Mô hình chăm sóc liên tục giúp giảm chi phí, giảm ngày công chăm sóc cho gia đình người bệnh, cải thiện kết quả chăm sóc; cải thiện

thực hành và thái độ của người chăm sóc.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2018-03/KQNC

76654. 05-2021. **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hỗ trợ phôi thoát màng (Assisted Hatching) bằng phương pháp Laser trong điều trị thụ tinh trong ống nghiệm tại Bệnh viện Phụ Sản Thành phố Cần Thơ/** BS. CKII. Quách Hoàng Bầy, BS CKII. Nguyễn Hữu Dự; BS CKII Lê Quang Võ; TS BS. Lâm Đức Tâm; BS CKII. Nguyễn Việt Quang; BS CKII. Huỳnh Thanh Liêm; KS CNSH. Trần Thị Bích Ngọc; KS CNSH. Phan Thị Bảo Ngọc; CNSH. Trần Thúy Huỳnh ; CNKT. Nguyễn Thị Ngọc Nga - Cần Thơ - Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ, 2018 - 09/2015 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hỗ trợ phôi thoát màng bằng laser là kỹ thuật tiên tiến đang được áp dụng nhiều nhất hiện nay trong lĩnh vực hỗ trợ sinh sản. Kỹ thuật này giúp phôi dễ thoát ra khỏi màng trong suốt và làm tổ vào niêm mạc tử cung hơn. Có hai phương pháp thực hiện là làm mỏng và tạo lỗ trên màng trong suốt bằng laser. Tuy nhiên, hiệu quả giữa hai phương pháp này vẫn còn đang tranh luận. Vì vậy, chúng tôi thực hiện nghiên cứu tiến cứu, thử nghiệm lâm sàng có nhóm chứng, với cỡ mẫu là 216 chu kỳ chuyển phôi thực hiện tại khoa Hiếm muộn bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ trong thời gian từ tháng 09/2015 đến tháng 03/2018 nhằm tìm ra phương pháp hiệu quả nhất và mang lại tỷ lệ thành công

cao cho bệnh nhân. Chúng tôi thực hiện trên 108 trường hợp chuyển phôi tươi và 108 trường hợp chuyển phôi trữ lạnh; được phân vào 2 nhóm là 101 trường hợp thực hiện theo phương pháp tạo lỗ và 115 trường hợp thực hiện theo phương pháp làm mỏng. Kết quả thu được khi hỗ trợ phôi thoát màng bằng laser: tỷ lệ làm tổ là 27,82%, tỷ lệ thai sinh hóa là 39,35%; tỷ lệ thai lâm sàng là 37,50%. Kết quả có thai sinh hóa, thai lâm sàng, thai tiến triển, tỷ lệ làm tổ, tỷ lệ sinh sống khác biệt không có ý nghĩa thống kê giữa hai phương pháp làm mỏng và tạo lỗ ở hai nhóm phôi tươi và phôi trữ lạnh.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2018-21/KQNC

78457. 05-2021. **Giải pháp nâng cao hoạt động kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc kháng sinh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/** Nguyễn Văn Long, Nguyễn Văn Trường Nguyễn Văn Long; Nguyễn Văn Trường; Nguyễn Hải Yến; Phạm Đình Thảo; Nguyễn Đình Dũng; Tạ Thị Thu Hà; Nguyễn Lê Hải Phượng; Lại Thị Nga; Nguyễn Thị Thảo; Vũ Thị Thu Huyền; Hà Thị Hương - - Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm Vĩnh Phúc, 2019 - 03/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận và đánh giá thực trạng kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc kháng sinh. Đánh giá thực trạng hoạt động kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc kháng sinh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Nghiên cứu kiểm nghiệm và

đánh giá chất lượng thuốc kháng sinh lưu hành trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2019. Đánh giá kết quả và đề xuất và đưa ra các giải pháp, kiến nghị nâng cao hoạt động kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc kháng sinh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 25

78483. 05-2021. **Nghiên cứu, thử nghiệm sản xuất nano Zerumbone từ cây gừng gió (Zingiber zerumbert Sm) trên địa bàn huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc./** Nguyễn Đức Hải, 1. Ths. Nguyễn Đức Hải 2. PGS.TS. Nguyễn Thế Hữu 3. TS. Trần Quang Hải 4. Ths. Nguyễn Mạnh Hà 5. TS. Nguyễn Minh Việt 6. Ths. Trương Công Doanh 7. TS. Nguyễn Ngọc Thanh 8. Ths. Nguyễn Xuân Huy 9. Ths. Nguyễn Văn Thom 10. DS. Trần Hùng Cường - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

\* **Năm 2018**  
Nghiên cứu tổng quan tình hình. Đánh giá thực trạng phân bố cây gừng gió tại Huyện Tam Đảo từ đó đưa ra quy hoạch vùng trồng nguyên liệu thử nghiệm tại một số xã tại huyện Tam Đảo. Khảo sát hàm lượng Zerumbone trong cây gừng gió tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc. Nghiên cứu xác định thời điểm thu hoạch cây để cho hàm lượng Zerumbone cao nhất. Nghiên cứu quy trình tách và làm sạch Zerumbone đạt tiêu chuẩn dược điển Việt Nam quy mô 10kg nguyên liệu/mẻ. Nghiên cứu quy trình nano hóa Zerumbone.



Nội dung 7: Nghiên cứu hoạt tính sinh học của chế phẩm nano Zerumbone.

\* **Năm 2019:**

Nghiên cứu xác định thời điểm thu hoạch cây để cho hàm lượng Zerumbone cao nhất. Kiểm nghiệm sản phẩm nano Zerumbone đạt tiêu chuẩn của Bộ y tế. Hoàn thiện quy trình chế tạo 100g chế phẩm nano Zerumbone. Nghiên cứu xử lý các bã thải của các quá trình thu hoạch và chế tạo để tạo phân bón hữu cơ. Đề xuất phương án sử dụng kết quả của đề tài tại tỉnh Vĩnh Phúc; đề xuất xây dựng mô hình trồng cây gừng gió tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 37

78486. 05-2021. **Nghiên cứu các loại dược liệu, bài thuốc, điều chế viên Khang não VP trong điều trị Rối loạn tuần hoàn não tại bệnh viện Y Dược cổ truyền Vĩnh Phúc/ Bs CK II Hà Thị Minh Hạnh, Ths BS Phí Tú Quyên 1. Bs CK II. Hà Thị Minh Hạnh - Bs CK II: Chủ nhiệm đề tài 2. ThS. Phí Tú Quyên : Đồng chủ nhiệm 3. Bs CK I. Lê Thị Thủy 4. Bs CK II. Nguyễn Vũ Úy 5. Bs CK I. Nguyễn Việt Hùng 6. Ds CK I. Nguyễn Thị Huyền Tâm 7. Bs CK I. Bùi Xuân Quang 8. Bs. Nguyễn Thị Nhâm Phương 9. Ds ĐH. Trần Hùng Cường - Bệnh viện Y Dược cổ truyền Vĩnh Phúc - Bệnh viện Y dược cổ truyền Vĩnh Phúc, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu tổng quan trong và ngoài nước về rối loạn tuần hoàn não. Đánh giá thực trạng bệnh nhân

rối loạn tuần hoàn não điều trị tại Bệnh viện Y học cổ truyền từ tháng 1/2013-12/2017. Nghiên cứu, hoàn thiện công thức bài thuốc Khang não VP dạng nước sắc (Công thức, thành phần các loại dược liệu, quy trình tách chiết, sản xuất). Đánh giá tác dụng lâm sàng trên bệnh nhân và so sánh với một sản phẩm đông y được sử dụng phổ biến trên thị trường là Viên Hoạt huyết dưỡng não của hãng Traphaco. Đánh giá kết quả thực hiện năm 2018 và đề xuất các giải pháp thực hiện nội dung đề tài năm 2019. Nghiên cứu, hoàn thiện qui trình, hoàn thành việc sản xuất Viên Khang não VP đạt tiêu chuẩn cơ sở do Bộ Y tế qui định, xác định liều uống đạt hiệu quả chữa trị. Đánh giá tác dụng lâm sàng của viên Khang não VP trên bệnh nhân, so sánh kết quả điều trị với nhóm bệnh nhân sử dụng dạng nước sắc Khang não VP của năm 2018, tìm hiểu tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định của viên Khang não VP. Đề xuất một số phương pháp phòng bệnh, tuyên truyền hướng dẫn bệnh nhân áp dụng các phương pháp phòng bệnh hiệu quả, giảm thiểu tái phát bệnh, nâng cao khả năng đề kháng với chứng bệnh Rối loạn tuần hoàn não. Đánh giá kết quả thực hiện 02 năm (2018-2019) và đề xuất giải pháp quảng bá, chuyển giao kết quả nghiên cứu đến các cơ sở y tế trong tỉnh.

Số hồ sơ lưu: 40



**301. Y học cơ sở****30103. Miễn dịch học**

78378. 05-2021. Nghiên cứu đặc điểm phân tử của một số bở thể và vai trò trong đáp ứng miễn dịch ở bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue/ GS.TS. Đỗ Quyết, TS. Hoàng Văn Tổng; PGS.TS. Nguyễn Lĩnh Toàn; PGS.TS. Hoàng Vũ Hùng; TS. Đặng Thành Chung; PGS.TS. Hồ Anh Sơn; TS. Lê Văn Nam; PGS.TS. Đỗ Tuấn Anh; TS. Nguyễn Thành Chung; ThS. Trịnh Hữu Nghĩa; ThS. Phạm Xuân Huy; GS.TS. Thirumalaisamy P. Velavan; PGS.TS. Nguyễn Đặng Dũng - Hà Nội - Học viện Quân y, 2020 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập các mẫu máu của các bệnh nhân sốt xuất huyết và người khỏe mạnh đồng ý tham gia nghiên cứu. Thu thập các số liệu nhân chủng học, dịch tễ học và xét nghiệm các chỉ số sinh hóa huyết học của các bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue cũng như thu thập các chỉ số lâm sàng và cận lâm sàng trên bệnh nhân. Nghiên cứu vai trò của nồng độ các protein MBL, Ficolins và C1-C9 ở những bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue. Xác định tính đa hình gen mã hóa một số protein bở thể liên quan đến đặc điểm lâm sàng ở bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue.

Số hồ sơ lưu: 17920

**302. Y học lâm sàng****30201. Nam học**

76655. 05-2021. Nghiên cứu các nguyên nhân di truyền gây vô

sinh ở nam giới 18-49 tuổi có mật độ tinh trùng  $\leq 5$  triệu/mL đến khám tại Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ/ BS. CKII. Trịnh Thị Bích Liên, ThS. Cao Thị Tài Nguyên PGS. TS. Nguyễn Trung Kiên ; TS. Vũ Thị Nhuận; ThS. Nguyễn Chung Viêng; ThS. Nguyễn Phan Vinh; KS. Nguyễn Thị Bích Ngọc ; CN. Trịnh Minh Thiết; CN. Cao Lương Bình ; ThS. Nguyễn Văn Khuôn - Cần Thơ - Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ, 2018 - 11/2016 - 03/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mục tiêu: ứng dụng quy trình QF-PCR đã xây dựng và kiểm định để xác định một số nguyên nhân di truyền ở nam giới khám vô sinh. Đối tượng: 375 nam giới khám vô sinh tại bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ năm 2016-2017 có mật độ tinh trùng  $\leq 5 \times 10^6$ /mL. Phương pháp nghiên cứu: mô tả cắt ngang. Kết quả: có 130/375 trường hợp có bất thường di truyền, chiếm 34,6%. Các bất thường đó là: mất đoạn AZF (102/130 trường hợp), hội chứng Klinefelter (6/130 trường hợp), hội chứng Klinefelter kết hợp với bất thường nhiễm sắc thể Y (4/130 trường hợp), nhân đoạn DAZ (17/130) và hội chứng nam giới 46,XX âm tính với SRY (1/130 trường hợp). Kết quả ghi nhận mất một phần đoạn AZFc lưu hành phổ biến nhất, chiếm 78,4% (80/102 trường hợp). Có 7 kiểu mất một phần đoạn AZFc được ghi nhận, trong đó có 4 kiểu mới được phát hiện, gồm mất đoạn sY1191-sY1192, mất đoạn sY1291, mất 2 gen DAZ - 1 gen CDY1 và mất 1 gen CDY1. Kết luận: nguyên nhân di

truyền chiếm tỷ lệ cao ở nam giới khám vô sinh. Chính vì vậy, bác sĩ nên chỉ định xét nghiệm sàng lọc nguyên nhân di truyền trước khi tư vấn và điều trị hiếm muộn.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2018-22/KQNC

### **30214. Nha khoa và phẫu thuật miệng**

77139. 05-2021. **Nghiên cứu thực trạng sức khỏe răng miệng ở Việt Nam năm 2015/** GS.TS. Trịnh Đình Hải, PGS.TS. Trần Cao Bình; TS. Nguyễn Thị Hồng Minh; BSKKII. Nguyễn Văn Dĩ; KS. Phạm Hùng; ThS. Nguyễn Đăng Nhỡn; BSKKII. Đào Bích Thủy; ThS. Nguyễn Thị Vân Anh; ThS. Nguyễn Thanh Huyền; Trịnh Hải Anh; ThS. Lê Trung Chánh; ThS. Vũ Thị Kiều Diễm; ThS. Đào Thị Hồng Hà - Hà Nội - Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội, 2019 - 07/2015 - 07/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Mô tả thực trạng bệnh sâu răng, nha chu và lệch lạc răng ở Việt Nam. Xác định một số yếu tố liên quan chính gây bệnh sâu răng, nha chu và lệch lạc răng ở Việt Nam. Đề xuất giải pháp dự phòng bệnh răng miệng phổ biến ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16828

### **304. Dược học**

#### **30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc**

75324. 05-2021. **Xây dựng quy trình nhân giống, thu sinh khối in vitro và bước đầu kiểm tra hàm**

**lượng một số hoạt chất sinh học của cây Sâm cau (Curculigo orchoides Gaertn)/** KS. Nguyễn Thị Thanh Thảo, ThS. Đinh Thị Sáu; CN. Nguyễn Văn Long - TP. Hồ Chí Minh - Phòng Công nghệ Sinh học Thực vật, 2017 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình nhân giống cây Sâm cau in vitro. Ứng dụng hệ thống ngập chìm tạm thời nhân nhanh sinh khối cây Sâm cau. Kiểm tra hàm lượng một số hoạt chất sinh học của cây Sâm cau in vitro so với cây ngoài tự nhiên. Sự hình thành chồi Sâm cau theo con đường tái sinh chồi trực tiếp từ mô lá hay gián tiếp thông qua mô sẹo đều trải qua các giai đoạn phát sinh phôi thể hệ mang đặc trưng của lớp thực vật một lá mầm gồm có phôi cầu, phôi núi lửa, phôi kim tự tháp. Trong điều kiện in vitro, hợp chất curculigoside hiện diện ở lá, rễ và mô sẹo cây Sâm cau và tích lũy nhiều nhất ở rễ.

Số hồ sơ lưu: HCM-0349-2018

75458. 05-2021. **Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất bột nanolycopen để ứng dụng vào sản xuất viên nang chống nắng/** ThS. Đỗ Thanh Sinh, ThS. Nguyễn Tuấn Khoa; TS. Nguyễn Thị Lệ Thủy; ThS. Dương Nguyễn Quyết; KS. Nguyễn Công Danh; ThS.DS. Lê Văn Lăng; DS. Bùi Văn Hiệp; KS.Vũ Duy Quang; TS. Phan Văn Tiến; CD.Trần Hữu - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm nghiên cứu triển khai khu công nghệ cao, 2018 - 11/2017 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình xà phòng hóa từ nguyên liệu gấc khô với tỉ lệ khối lượng KOH sử dụng > 3%, tỉ lệ ethanol và bột gấc khô là 1,5:1, nhiệt độ và thời gian siêu âm tương ứng là 30 phút và 40-50°C. Hoàn thiện quy trình bào chế viên nang chống nắng với độ ẩm < 5%, độ rã 5 phút (tiêu chuẩn 15 phút). Hàm lượng kim loại phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (QCVN 8-2:2011/BYT), chỉ tiêu vi sinh và độc tố nấm men-nấm mốc theo Quy định về giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: HCM-0353-2018

78021. 05-2021. **Hợp tác nghiên cứu sàng lọc dược liệu có tác dụng ngăn ngừa/hỗ trợ điều trị bệnh suy giảm trí nhớ và cơ chế tác dụng/** PGS. TS. Phạm Thị Nguyệt Hằng, PGS. TSKH. Nguyễn Minh Khởi; PGS. TS. Phạm Thanh Huyền; PGS. TS. Đỗ Thị Hà; TS. Lê Thị Xoan; ThS. Phí Thị Xuyên; ThS. Trần Nguyên Hồng; ThS. Nguyễn Thị Phượng; CN. Trần Thu Thủy; GS. TS. Kinzo Matsumoto; GS. TS. Masamitsu Yamaguchi; GS. TS. William R. Folk - Hà Nội - Viện Dược Liệu, 2020 - 05/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Triển khai mô hình ruồi giấm chuyển gen APP mang bệnh Alzheimer để nhằm nghiên cứu sàng lọc dược liệu có tác dụng điều trị bệnh AD tại Khoa Dược lý Sinh hóa, Viện dược liệu. Áp dụng mô hình này để nghiên cứu sàng lọc 100 cao chiết dược liệu. Lựa chọn được dược liệu tiềm năng để nghiên cứu

tác dụng và cơ chế trên mô hình động vật thực nghiệm và mô hình in vitro; nghiên cứu và xây dựng quy trình chiết cao tiêu chuẩn; phân lập một số chất tinh khiết từ dược liệu tiềm năng; đánh giá độc tính cấp và bán trường diễn của cao tiêu chuẩn. Tạo mạng lưới liên kết nghiên cứu giữa các nhà khoa học tại Việt Nam với các nhà khoa học trên thế giới, bao gồm Mỹ và Nhật Bản. Tận dụng sự hỗ trợ của các chuyên gia để có được nguồn nguyên liệu như ruồi giấm *Drosophila* chuyển gen, tế bào phục vụ nghiên cứu cơ chế...và đào tạo nguồn nhân lực cho Viện Dược liệu.

Số hồ sơ lưu: 17848

#### 4. Khoa học nông nghiệp

76640. 05-2021. **Xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá trê vàng (*Clarias macrocephalus*) trong ao đất tại huyện Vĩnh Thạnh - Thành Phố Cần Thơ/** ThS. Nguyễn Thanh Hiệu, PGS. TS. Dương Nhựt Long ; KS. Phạm Thị Cẩm Lài ; PGS.TS. Lam Mỹ Lan; ThS. Nguyễn Tuấn Phong ; KS. Nguyễn Thị Mộng Tuyền ; Nguyễn Thanh Phong - Cần Thơ - Trường Đại học Cần Thơ , 2017 - 04/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Cơ sở)

Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá trê vàng (*Clarias macrocephalus*) trong ao đất tại huyện Vĩnh Thạnh - Thành Phố Cần Thơ” được thực hiện từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 12 năm 2017. Sau 20

tháng thực hiện dự án đã đạt được một số kết quả như sau: Dự án đã triển khai thành công 01 lớp tập huấn kỹ thuật về sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá trê vàng trong ao đất tại huyện Vĩnh Thạnh, TP Cần Thơ. Một số chỉ tiêu về môi trường nước ở các ao nuôi vỗ, ương giống và nuôi thương phẩm cá trê vàng điều thích hợp cho sự thành thục và tăng trưởng của cá nuôi. Dự án đã xây dựng thành công 3 điểm nuôi vỗ thành thục cá trê vàng bố mẹ, sau 4 tháng nuôi vỗ (từ tháng 4 đến tháng 7 năm 2016) với tỉ lệ cá cái thành thục ở các điểm dao động từ 83 – 90% vào tháng 7. Sau khi nuôi vỗ thành thục cá trê vàng bố mẹ, dự án đã hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng thành công 3 điểm sản xuất giống nhân tạo cá trê vàng tại 3 hộ dân, sau 3 đợt cho sinh sản nhân tạo cá trê vàng với tỉ lệ cá tham gia sinh sản từ 86 – 93%, tỉ lệ trứng thụ tinh từ 75 – 85,5% và tỉ lệ trứng nở từ 81 - 90%. Bên cạnh đó, dự án cũng đã chọn ra 3 điểm ương giống và nuôi thương phẩm cá trê vàng trong ao đất, kết quả tỉ lệ sống của cá trê vàng sau 60 ngày ương giống ở 3 ao dao động từ 11 – 19,69% và năng suất cá ương đạt 313 – 656 kg/1.000 m<sup>2</sup>/vụ. Sau thời gian ương giống tiến hành xây dựng thành công 3 điểm nuôi thương phẩm cá trê vàng trong ao đất tại 3 hộ dân, sau 4 tháng nuôi thương phẩm cá trê vàng bằng thức ăn công nghiệp, tỉ lệ sống đạt từ 32,3 – 67,45%, khối lượng trung bình của cá trê vàng lúc thu hoạch từ 136,3 – 172,7 g/con và năng suất cá nuôi đạt từ 8,8 – 23 tấn/ha/vụ. Do giá cá trê vàng thương phẩm lúc bán thấp (khoảng 26.000 đ/kg) dẫn đến các hộ

nuôi chưa thu được lợi nhuận từ hoạt động của mô hình.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2018-02/KQNC

76651. 05-2021. **Xây dựng mô hình chăn nuôi bò sinh sản hướng thịt tại huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ/** TS. Nguyễn Văn Hón, TS. Nguyễn Thị Hồng Nhân; TS. Hồ Thanh Tâm; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Linh; ThS. Lưu Huỳnh Anh; ThS. Lê Thị Hoa; KS. Nguyễn Tấn Xuyên; CN. Võ Văn Bảy ; Nguyễn Thanh Phong - Cần Thơ - Trường Đại học Cần Thơ , 2018 - 05/2016 - 05/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)

Dự án: “**Xây dựng mô hình chăn nuôi bò sinh sản hướng thịt tại huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ**” được thực hiện từ tháng 5 năm 2016 đến tháng 5 năm 2018 do Huyện Vĩnh Thạnh phối hợp với Trường Đại học Cần Thơ Các nông hộ phần lớn đều chăn nuôi theo phương thức nhỏ lẻ và tận dụng nguồn thức ăn sẵn có trong tự nhiên. Về mặt công tác giống thì 100% nông hộ không có hồ sơ công tác giống. Các hộ chăn nuôi đều tiêm phòng các bệnh lở mồm long móng, tụ huyết trùng và dịch tả định kỳ 6 tháng/lần.

Trong vòng 6 tháng kiểm tra sự phát triển của bê con cho thấy việc bổ sung 1kg thức ăn tinh cho bò mẹ mang thai và 2 kg/con/ngày cho bê con đã giúp bê tăng trọng tốt ( $0,676 \pm 0,023$  đến  $0,779 \pm 0,036$  kg/con/ngày) và tăng hiệu quả kinh tế từ đó lợi nhuận thu được cũng tăng lên. Các giống cỏ năng suất cao



như cỏ voi VA06, cỏ sả Mombasa, cỏ Sũa, cỏ Paspalum đều cho năng suất cao (260,46- 370,9 tấn chất xanh/năm) và thích nghi tốt với điều kiện ở địa phương. Các lớp tập huấn cho cán bộ kỹ thuật và nông dân thực hiện các mô hình, đồng thời tổ chức hội thảo, tham quan mô hình đã có sức tự lan toả trong cộng đồng và có triển vọng nhân rộng ra nhiều nông hộ trong huyện.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2018-11/KQNC

78466. 05-2021. **Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật trồng thử nghiệm cây Kim ngân hoa (*Lonicera japonica* Thunb) tại tỉnh Vĩnh Phúc.**/ Nguyễn Trọng Điền, Nguyễn Trọng Điền; Ths. Nguyễn Duy Biên; Ths. Đặng Thị Tuyết; Ths. Nguyễn Công Phương; Ths. Lê Văn Bình; Ths. Hoàng Xuân Diệu; Ths. Vũ Thị Huyền; Ths. Nguyễn Hữu Thu; Ths. Đặng Văn Man; Ths. Ngô Đức Nhạc - Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Đông Bắc Bộ - Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Đông Bắc Bộ, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, đánh giá hiện trạng Kim ngân hoa gồm đặc điểm phân bố, sinh thái, giá trị dược lý, nhu cầu thị trường, năng suất, sản lượng tiêu thụ và kiến thức bản địa của nhân dân địa phương trong việc nhân giống cây trồng. Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật nhân giống Kim ngân hoa. Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm, hướng dẫn kỹ thuật nhân

giống cây trồng. Tập huấn chuyên giao kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 32

78467. 05-2021. **Nghiên cứu bảo tồn nguồn gen cây thuốc quý Hoa tiên, Hoàng tinh hoa trắng và Củ dôm ở Vườn quốc gia Tam Đảo.**/ ThS. Nguyễn Đức Hậu, ThS. Đỗ Thanh Hải; Ths. Lê Giang Nam; Ths. Nguyễn Đức Hậu; Nguyễn Mạnh Lý; Trần Văn Hồng; Nguyễn Văn Tuyên; Đặng Văn Thuận; Đỗ Ngọc Long; Nguyễn Xuân Nam; Trần Trung Hiếu; Lê Ngọc Sơn - - Vườn quốc gia Tam Đảo, 2019 - 03/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập và phân loại nguồn gen cây thuốc. Điều tra nghiên cứu vùng phân bố, trữ lượng, đặc điểm sinh vật, sinh thái học của loài Hoa tiên, Hoàng tinh hoa trắng và Củ dôm.

Thực trạng, tình hình khai thác, sử dụng và gây trồng. Đánh giá tình trạng, mức độ đe dọa quần thể, khả năng di truyền và đề xuất các giải pháp bảo tồn. Nghiên cứu phương pháp nhân giống và nhân giống 3 loài bảo tồn. Thí nghiệm trồng chăm sóc Hoa tiên, Hoàng tinh hoa trắng và Củ dôm trong lâm phần Vườn quốc gia Tam Đảo. Các giải pháp bảo tồn cho Hoa tiên, Hoàng tinh hoa trắng và Củ dôm trong lâm phần Vườn quốc gia Tam Đảo.

Số hồ sơ lưu: 33

78468. 05-2021. **Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng cây Măng tây xanh tại tỉnh Vĩnh Phúc.**/ Nguyễn Văn Nam, Nguyễn



Văn Nam; Lê Thị Duyên; Trần Tuyết Lan Hương; Nguyễn Thị Thanh Xuân; Hoàng Mai Phương; Nguyễn Hải Quyết; Phan Văn Huân; Cao Thị Nhung; Nguyễn Thị Thu Hà; Tô Thị Bích Phượng - Trung tâm Kiểm nghiệm, Chứng nhận Chất lượng đất và Vật tư Nông nghiệp - Trung tâm kiểm nghiệm, chứng nhận chất lượng đất và vật tư nông nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc, 2019 - 06/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá khả năng thích ứng của cây măng tây xanh với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của tỉnh Vĩnh Phúc. Đánh giá hiệu quả việc ứng dụng quy trình sản xuất VietGAP trong sản xuất măng tây theo chuỗi sản phẩm. Xây dựng quy trình sản xuất măng tây xanh phù hợp với tiêu vũng sinh thái. Chuyển giao kỹ thuật, nhân rộng cho các hộ nông dân để mở rộng diện tích sản xuất măng tây trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 34

78481. 05-2021. **Nghiên cứu, thử nghiệm một số giống khoai tây mới có năng suất, chất lượng cao tham gia vào chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.**/ TS. Nguyễn Xuân Trường, - - Viện Sinh học Nông nghiệp, 2019 - 09/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan tình hình về khoai tây. Đánh giá thực trạng sản xuất khoai tây tại vùng trồng thuộc phạm vi của đề tài trên địa bàn

tỉnh Vĩnh Phúc, quy mô 09 xã thuộc 03 huyện Bình Xuyên, Tam Dương, Yên Lạc. Khảo nghiệm 06 giống khoai tây mới Amanda (Đức), Ultra (Đức), Opal (Đức), Toscana (Đức), Bliss (Úc), Doo-Beak (Hàn Quốc). Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác cho 2 giống khoai tây đã được chọn lựa cho tỉnh Vĩnh Phúc, bao gồm thời vụ trồng, mật độ trồng và phân bón, quy mô 15 sào. Khảo nghiệm sản xuất và xây dựng mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ cho 02 giống sau khi đã chọn lọc, quy mô 15ha tại 03 huyện. Đánh giá về tình hình sinh trưởng, phá triển, thích nghi của giống khoai tây mới và các mô hình có liên quan. Đề xuất các giải pháp phát triển, nhân rộng giống khoai tây mới trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 35

78485. 05-2021. **Nghiên cứu, khảo nghiệm, đánh giá khả năng thích ứng của một số giống lúa (gạo đỏ) có lợi cho sức khỏe trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/** KS. Đinh Quốc Chiến, KS. Cao Thị Mai 1. Đinh Quốc Chiến 2. Cao Thị Mai 3. Trần Thanh Hải 4. Lê Văn Dũng 5. Bùi Như Ý 6. Nguyễn Vũ Thúy Quỳnh 7. Nguyễn Như Ý 8. Nguyễn Hoàng Dương 9. Nguyễn Việt Xuân - Trung tâm Giống cây trồng Vĩnh Phúc - Trung tâm giống cây trồng Vĩnh Phúc, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo nghiệm cơ bản giống lúa (gạo đỏ) có lợi cho sức khỏe, Hồng hương ĐT 128, Huyết Rồng, có đối chứng là giống BG1. Tiếp tục khảo

nghiệm sản xuất các giống lúa (gạo đỏ) có lợi cho sức khỏe, Hồng hương ĐT 128, Huyết Rồng, có đối chứng là giống BG1. Hoàn thiện quy trình sản xuất giống lúa (gạo đỏ) có lợi cho sức khỏe có triển vọng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Thí nghiệm Phân bón. Thí nghiệm mật độ. Mô hình thử nghiệm đánh giá khả năng thích ứng của giống lúa (gạo đỏ) có lợi cho sức khỏe phù hợp điều kiện sinh thái của Vĩnh Phúc. Tổ chức hội nghị, hội thảo và tập huấn kỹ thuật thâm canh giống lúa gạo đỏ. Đánh giá kết quả thực hiện 02 năm (2018-2019) và đề xuất các giải pháp nhân rộng, phát triển sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 39

78499. 05-2021. **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ khí canh trong nhân giống và sản xuất thử nghiệm một số loại cây trồng có giá trị kinh tế cao trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/** Đỗ Thị Thu, Nguyễn Thị Sơn Nguyễn Thị Tĩnh; Nguyễn Xuân Trường; Nguyễn Thị Sơn; Nguyễn Thị Kim Liên; Đỗ Thị Thu; Lê Văn An; Phạm Văn Tuấn; Vũ Tiến Dũng; Phùng Thị Phương Thảo; Nguyễn Văn Phương - Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ KH&CN - Trung tâm ứng dụng tiên bộ KH&CN, 2019 - 09/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về công nghệ khí canh trong sản xuất nông nghiệp trên thế giới và Việt Nam. Nghiên cứu quy trình nhân giống và sản xuất cây trồng bằng công nghệ khí canh. Ứng dụng công nghệ khí canh trong nhân giống các đối tượng cây trồng. Xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm

một số đối tượng cây trồng sạch bệnh từ cây con tạo ra trên hệ thống khí canh và nhà kính. Hoàn thiện các quy trình nhân giống và sản xuất giống cây trồng sạch bệnh bằng công nghệ khí canh. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất giải pháp nhân rộng.

Số hồ sơ lưu: 49

#### **401. Trồng trọt**

77166. 05-2021. **Hoàn thiện quy trình canh tác để bảo tồn và phát triển giống hồng Yên Thôn tại Hà Nội/** CN. Hoàng Chí Lượng, CN. Hoàng Chí Lượng; ThS. Vũ Văn Tùng; TS. Nguyễn Thị Tuyết; KS. Đỗ Đăng Hùng; ThS. Nguyễn Văn Toàn; KS. Nguyễn Bùi Hải; ThS. Lê Tuấn Phong; ThS. Nguyễn Thị Xuyên; KS. Nguyễn Văn Cường; KS. Khuất Thị Thủy. - Hà Nội - Phòng Kinh tế Huyện Thạch Thất, 2020 - 07/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình nhân giống (cây giống). Hoàn thiện quy trình trồng và chăm sóc. Hoàn thiện quy trình thu hoạch, khử chất và bảo quản chế biến. Sản xuất thử nghiệm. Mô hình thâm canh (trên vườn hồng cũ). Mô hình trồng mới. Đào tạo, tập huấn cho cán bộ kỹ thuật và nông dân tham gia dự án.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-27/ĐK-TTTT&TK

#### **40103. Cây lương thực và cây thực phẩm**

75274. 05-2021. **Xây dựng mô hình ứng dụng tiên bộ kỹ thuật**

**sản xuất giống khoai tây Solara sạch bệnh tại huyện Nam Trực/** Vũ Văn Thắng, Đặng Thị Diên; Mai Thế Toàn; Vũ Thường bộ; Trần Văn Thế; Vũ Thị Phượng; Phạm Hữu Thân; Triệu Quốc Tuấn; Phạm Văn Lý; Trần Văn Cao - Nam Định - Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Nam Trực, 2018 - 09/2016 - 11/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất giống khoai tây sạch bệnh Solara cấp xác nhận tại huyện Nam Trực. Đào tạo, trang bị kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và tập huấn cho hàng trăm lượt nông dân tham gia sản xuất giống. Đưa tiến bộ kỹ thuật khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp để sản xuất thành công giống khoai tây có năng suất, chất lượng, tạo ra hệ thống cung cấp cho người sản xuất khoai tây trong huyện. Nâng cao thu nhập cho người nông dân, đồng thời giải quyết việc làm cho người lao động, tạo tiền đề cho việc mở rộng mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm trong những năm tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: NDH-003-2019

**75276. 05-2021. Tuyển chọn và phát triển một số dòng, giống lúa thuần có năng suất, chất lượng cao cho tỉnh Nam Định/** KS. Phạm Ngọc Minh, - Nam Định - Trung tâm giống cây trồng, 2018 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Tuyển chọn dòng, giống lúa thuần có năng suất, chất lượng cao cho tỉnh Nam Định, nghiên cứu xác định ảnh hưởng của phân hữu cơ xử

lý từ rơm rạ và mật độ cấy đến sinh trưởng phát triển của dòng, giống lúa thuần đã tuyển chọn. Xây dựng mô hình trình diễn áp dụng các kết quả nghiên cứu bước đầu về hoàn thiện quy trình canh tác đối với dòng lúa thuần BMX tại các vùng phía Bắc và phía Nam, tỉnh Nam Định. Mô hình cấy cải tiến áp dụng bón phân hữu cơ xử lý từ rơm rạ bằng chế phẩm EM đối với giống Thiên Trường 900 cho năng suất cao và giảm chi phí đầu tư về phân bón so với đối chứng là giống BT7, Thiên Trường 900 áp dụng phương thức cấy truyền thống và không bón bổ sung phân hữu cơ xử lý từ rơm rạ, hiệu quả kinh tế cao hơn 7,4-7,8 triệu đồng/ha. Việc áp dụng kỹ thuật cấy cải tiến hàng rộng – hàng hẹp (33:11 đối với giống lúa thuần) góp phần tăng năng suất, hiệu quả kinh tế trong sản xuất hiện nay, kỹ thuật này hoàn toàn áp dụng với công cụ sạ hàng ở những vùng chủ động tưới tiêu.

Số hồ sơ lưu: NDH-005-2019

#### **40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả**

**77976. 05-2021. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất chế phẩm sinh học xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp và trồng rau an toàn tại Thái Bình/** KS. Nguyễn Hữu Hà, TS. Nguyễn Thị Nhung; ThS. Nguyễn Thị Hằng Nga; ThS. Hà Thị Thúy; ThS. Cù Thị Thanh Phúc; ThS. Lê Thu Hiền; ThS. Đặng Thị Lan Anh; KS. Phạm Văn Sơn; KS. Hà Thị Kim Thoa; KS. Phí Thị Thu Hà; KS. Trần Thị Tuyết; KS. Nguyễn Bá Huy; KS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang; ThS.

Dương Đức Triệu; KS. Trần Thị Thoa - Thái Bình - Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình, 2020 - 09/2017 - 02/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Áp dụng tổng hợp các giải pháp khoa học và công nghệ xây dựng thành công mô hình sản xuất rau an toàn, tạo chuỗi giá trị sản xuất rau hiệu quả cao, góp phần xây dựng nông thôn mới tại Thái Bình. Chuyển giao quy trình kỹ thuật sản xuất rau an toàn phục vụ nội tiêu và xuất khẩu. Chuyển giao ứng dụng quy trình công nghệ sản xuất phân hữu cơ vi sinh và chế phẩm bảo vệ thực vật sinh học Fusarium dạng khô, chế phẩm khuẩn dạng nước. Xây dựng mô hình sản xuất phân hữu cơ vi sinh và chế phẩm bảo vệ thực vật sinh học. Xây dựng mô hình sản xuất rau an toàn (Bí xanh, cải ngọt, súp lơ, dưa chuột, cải bắp, khoai tây, cà rốt, hành, tỏi, cà chua) quy mô 50 ha theo tiêu chuẩn VietGAP.

Số hồ sơ lưu: 17829

78391. 05-2021. **Nghiên cứu ứng dụng Bentonite và phân bón lá nano để cải tạo đất, nâng cao năng suất cây trồng và tiết kiệm nước tưới nhằm ứng phó với tình trạng khô hạn tại Ninh Thuận và một số tỉnh vùng Nam Trung bộ.**/ PGS.TS. Nguyễn Hoài Châu, KS. Nguyễn Văn Hà; CN. Phạm Thị Kim Chi; CN. Nguyễn Trung Tuấn; ThS. Đào Trọng Hiền; ThS. Đoàn Quang Hà; ThS. Nguyễn Thị Thúy; TS. Phan Công Kiên; ThS. Vũ Văn Khuê; ThS. Hoàng Thị Mai - Hà Nội

- Viện Công nghệ môi trường, 2020 - 09/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu quy trình ứng dụng bentonite để cải tạo đất và quy trình ứng dụng phân bón lá nano tiết kiệm nước >10% trong trồng nho, táo, măng tây và ngô ở Ninh Thuận. Xây dựng quy trình tổng hợp ứng dụng bentonite và phân bón lá nano trong trồng nho, táo, măng tây và ngô ở Ninh Thuận tiết kiệm nước >10% và tăng năng suất cây trồng >15%. Xây dựng mô hình tổng hợp ứng dụng bentonite và phân bón lá nano cho 4 loại cây trồng (nho, táo, măng tây và ngô) quy mô tối thiểu cho mỗi loại cây: 0.5 ha cho măng tây và cây ngô; 01 ha cho cây nho và táo.

Số hồ sơ lưu: 17952

78407. 05-2021. **Ứng dụng công nghệ tự động, bán tự động trong sản xuất rau, hoa cao cấp quy mô hàng hóa tại Tây Nguyên/** TS. Phạm Xuân Tùng, TS. Phạm Xuân Tùng; KS. Nguyễn Thị Huệ; KS. Đặng Thành Trung; KS. Nguyễn Ngọc Quỳnh; ThS. Ngô Minh Dũng; TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thuận; KS. Đỗ Thị Nhạn; KS. Nguyễn Thị Ngọc Thu; KS. Nguyễn Văn Hùng - Đắk Lắk - Công ty TNHH Việt Hiền, 2020 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình sản xuất giống dưa lưới, dưa chuột, rau xà lách và quy trình nhân giống, sản xuất hoa cúc ứng dụng công nghệ bán tự động trong nhà màng tại Đắk Lắk và Đắk Nông. Hoàn thiện quy trình sản xuất dưa lưới, dưa leo, xà



lách ứng dụng công nghệ tự động (điều khiển khí hậu trong nhà màng) và bán tự động (tưới nước châm phân). Sản xuất 4,7 triệu cây giống rau, đạt tiêu chuẩn chất lượng cây giống, trong đó 4,4 triệu cây giống phục vụ cho vùng dự án và 2 triệu cây cung cấp cho vùng ngoài vùng dự án. Sản xuất 8 ha rau và 4 ha hoa cắt cành ứng dụng công nghệ tự động bán tự động trong nhà màng và ngoài nhà màng tại hai tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông.

Số hồ sơ lưu: 17900

#### **40105. Cây công nghiệp và cây thuốc**

75324. 05-2021. **Xây dựng quy trình nhân giống, thu sinh khối in vitro và bước đầu kiểm tra hàm lượng một số hoạt chất sinh học của cây Sâm cau (*Curculigo orchoides* Gaertn)/** KS. Nguyễn Thị Thanh Thảo, ThS. Đinh Thị Sáu; CN. Nguyễn Văn Long - TP. Hồ Chí Minh - Phòng Công nghệ Sinh học Thực vật, 2017 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình nhân giống cây Sâm cau in vitro. Ứng dụng hệ thống ngập chìm tạm thời nhân nhanh sinh khối cây Sâm cau. Kiểm tra hàm lượng một số hoạt chất sinh học của cây Sâm cau in vitro so với cây ngoài tự nhiên. Sự hình thành chồi Sâm cau theo con đường tái sinh chồi trực tiếp từ mô lá hay gián tiếp thông qua mô sẹo đều trải qua các giai đoạn phát sinh phôi thể hệ mang đặc trưng của lớp thực vật một lá mầm gồm có phôi cầu, phôi núi lửa, phôi kim tự tháp. Trong điều

kiện in vitro, hợp chất curculigoside hiện diện ở lá, rễ và mô sẹo cây Sâm cau và tích lũy nhiều nhất ở rễ.

Số hồ sơ lưu: HCM-0349-2018

#### **40106. Bảo vệ thực vật**

75281. 05-2021. **Tuyển chọn các dòng vi khuẩn *Bacillus* spp. để phòng bệnh thán thư do nấm *Colletotrichum* spp. gây hại trên giống ớt sừng trâu thuộc loài *Capsicum annuum*/** ThS. Nguyễn Tấn Đức, KS. Trần Thùy Trang - TP. Hồ Chí Minh - Phòng Công nghệ vi sinh - Trung tâm Công nghệ Sinh học TP.HCM, 2016 - 03/2014 - 03/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tuyển chọn các dòng vi khuẩn *Bacillus* spp. nhằm tạo chế phẩm sinh học phòng bệnh thán thư do nấm *Colletotrichum* spp. gây hại trên giống ớt sừng trâu thuộc loài *Capsicum annuum*. Hình thành bộ chủng *Colletotrichum* spp. gây bệnh thán thư trên ớt. Xác định hiệu quả đối kháng của *Bacillus subtilis* với *C. acutatum* trong điều kiện in vitro, nhà kính và nhà lưới. Phân lập và định danh nấm *Colletotrichum* spp. gây bệnh thán thư trên ớt. Tuyển chọn và định danh các loài *Bacillus* spp. đối kháng mạnh với nấm *Colletotrichum* spp. ở điều kiện in vitro. Xác định nồng độ hỗn hợp các chủng *Bacillus* spp. đối kháng với nấm gây bệnh thán thư. Khảo sát hiệu quả đối kháng *Bacillus* spp. ở điều kiện in vivo (nhà lưới).

Số hồ sơ lưu: HCM-0336-2018



75282. 05-2021. **Nghiên cứu tạo chế phẩm sinh học phòng trừ tuyến trùng *Meloidogyne spp.* trên cây hồ tiêu**/ ThS. Lê Thị Mai Châm, KS. Lê Thị Thùy Nhi; KS. Vũ Thùy Dương - TP. Hồ Chí Minh - Phòng CN Vi sinh - Trung tâm Công nghệ Sinh học TP.HCM, 2015 - 01/2013 - 06/2015. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tạo ra chế phẩm sinh học phòng trừ hiệu quả bệnh sần rễ do tuyến trùng *Meloidogyne sp.* gây ra trên cây tiêu. Phân lập được các dòng vi nấm thuộc chi *Paecilomyces* và *Pochonia* có khả năng kí sinh trên trứng và con cái tuyến trùng *Meloidogyne sp.* từ Việt Nam. Kết quả định danh bằng sinh học phân tử cho thấy 2 chủng nấm CM3.4 và XL1.2 là *Purpureocillium lilacinum* (*Paecilomyces lilacinus*), chủng nấm mục tiêu để chúng tôi chọn trong nghiên cứu này. Sinh khối thu được sau lên men bán rắn sẽ được phơi khô, nghiền và phối trộn với zeolit thì tỷ lệ nảy mầm của bào tử sẽ được đảm bảo (2,7.10<sup>6</sup> CFU/g sau 6 tháng bảo quản).

Số hồ sơ lưu: HCM-0337-2018

75294. 05-2021. **Nghiên cứu tạo chế phẩm sinh học từ nấm xanh (*Metarhizium anisopliae*), nấm trắng (*Beauveria bassiana*) phòng trị sâu ăn tạp (*Spodoptera litura*) và bọ hà (*Cylas formicarius*) gây hại trên cây rau và cây khoai lang**/ KS. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, KS. Nguyễn Thị Thùy Dương - TP. Hồ Chí Minh - Phòng CN Vi sinh - Trung tâm Công nghệ Sinh học TP. Hồ Chí Minh, 2016 -

01/2014 - 12/2015. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát và lựa chọn được môi trường SDAY3 để nuôi cấy giống cấp 1 và chọn được chủng nấm Be và BS có khả năng tạo bào tử tốt hơn so với các chủng còn lại; Đánh giá hiệu lực phòng trừ sâu ăn tạp trong điều kiện nhà kính và đồng ruộng của chủng Be. Chọn được chủng G là chủng có khả năng sinh trưởng và tạo bào tử tốt hơn các chủng còn lại; Đồng thời, ở điều kiện đồng ruộng mật độ nấm 1012 bào tử/ha phù hợp nhất. Đã khảo sát và lựa chọn cơ chất lên men bán rắn phù hợp là gạo, và thời gian thu bào tử phù hợp là sau 12 ngày nuôi cấy. Tuy nhiên, khi khảo sát tỷ lệ sống sót trong quá trình bảo quản thì ở tất cả các nghiệm thức đều không còn bào tử sống sau 4 tháng.

Số hồ sơ lưu: HCM-0339-2018

75322. 05-2021. **Xây dựng quy trình phát hiện Cucumber mosaic virus, Tomato mosaic virus, Potato virus X và Potato virus Y bằng kỹ thuật RT-PCR phục vụ công tác tầm soát bệnh virus trên dưa leo, cà chua và khoai tây**/ ThS. Nguyễn Xuân Dũng, KS. Nguyễn Thị Hồng Trâm; ThS. Phạm Văn Hiểu; ThS. Nguyễn Xuân Dũng - TP. Hồ Chí Minh - Phòng Công nghệ Sinh học Thực vật, 2016 - 01/2014 - 12/2015. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng được quy trình phát hiện virus Cucumber mosaic virus, Tomato mosaic virus, Potato virus X, Potato virus Y phục vụ công tác tầm soát bệnh virus trên dưa leo, cà

chua, khoai tây. Thu thập nguồn mẫu thực vật nhiễm virus. Ly trích RNA virus từ mẫu nhiễm bệnh. Thiết kế cặp mồi đặc hiệu cho việc phát hiện virus. Khuếch đại đoạn gen virus bằng phản ứng RT-PCR. Ngoài ra, đề hướng đến việc phát triển khả năng định lượng virus cho quy trình phát hiện, phản ứng Realtime RT-PCR cũng đã được sử dụng thay cho phản ứng RT-PCR trong quy trình phát hiện virus.

Số hồ sơ lưu: HCM-0348-2018

#### **402. Chăn nuôi**

78394. 05-2021. **Ứng dụng công nghệ tiên tiến xây dựng mô hình nuôi ong ngoại (Apis mellifera) hàng hóa trên địa bàn các huyện trung du, miền núi của Thành phố Hà Nội/** TS. Phạm Xuân Dũng, CN. Phạm Minh Quang; CN. Trịnh Thị Thuý; CN. Nguyễn Thị Kim Oanh - Hà Nội - Công ty cổ phần Phát triển Ong Việt Nam, 2020 - 10/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đào tạo cho 10 kỹ thuật viên về cơ sở sinh học và kỹ thuật nuôi ong ngoại, ứng dụng 12 quy trình công nghệ được chuyên gia của dự án và giới thiệu các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng của mật ong, phấn hoa, sáp ong theo tiêu chuẩn Việt Nam, EU và Mỹ. Tập huấn, giới thiệu cho 150 người dân về các loài ong mật, cơ sở sinh học chăn nuôi giống ong ngoại, các biện pháp chọn giống ong, tiêu chuẩn chất lượng đối với mật ong, phấn hoa, sáp hoa, các loại sản phẩm từ ong và cách ngăn ngừa, phòng chống bệnh ong. Chuyển giao

và tiếp nhận 12 quy trình công nghệ của dự án. Xây dựng mô hình nuôi ong ngoại và mô hình tinh lọc và giám thủy phân mật ong.

Số hồ sơ lưu: 17906

#### **40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi**

75303. 05-2021. **Nghiên cứu nuôi nang trứng bò chưa trưởng thành trong điều kiện in vitro/** ThS. Nguyễn Thị Thanh Giang, CN. Nguyễn Ngọc Quỳnh Chi - TP. Hồ Chí Minh - Phòng Công nghệ Sinh học Động vật, 0 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Việc nghiên cứu nuôi trưởng thành in vitro các trứng bò thu nhận ở giai đoạn nang trứng thứ cấp, tam cấp... là rất cần thiết. Nguồn trứng này, sau khi được nuôi trưởng thành, sẽ cung cấp nguồn nguyên liệu quan trọng cho việc sản xuất thương mại phôi bò chất lượng cao. Ngoài ra, từ nguồn trứng này có thể thành lập ngân hàng trứng nhằm hỗ trợ cho các nghiên cứu, ứng dụng trong chuyển gen phục vụ y học, tạo con giống chất lượng cao, bảo tồn các loại động vật đang trên bờ vực tuyệt chủng... Việc hỗ trợ ổn định cấu trúc phức hợp trong nuôi trưởng thành giúp cải thiện khả năng thành thực của tế bào trứng in vitro.

Số hồ sơ lưu: HCM-0344-2018

#### **40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi**

78365. 05-2021. **Nghiên cứu hoàn thiện quy trình tuyển chọn, nhân nuôi; xây dựng mô hình chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm trong chăn nuôi**

heo rừng, bò sữa, bò thịt tại khu vực Tây Nguyên/ PGS.TS. Hoàng Nghĩa Sơn, ThS. Nguyễn Thị Thúy; TS. Lê Thành Long; TS. Đoàn Chính Chung; TS. Nguyễn Văn Hạnh; ThS. Lê Phúc Chiên; TS. Lê Thị Châu; ThS. Hà Thanh Tùng; TS. Trần Cẩm Tú; ThS. Diệp Trung Cang - Hà Nội - Viện sinh học Nhiệt đới, 2020 - 12/2016 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình tuyển chọn, ổn định giống heo rừng thuần và quy trình chăn nuôi heo rừng lai thương phẩm. Đánh giá chất lượng thịt heo lai F<sub>1</sub> của 3 mô hình lai. Hoàn thiện quy trình thu nhận, lưu giữ nguồn tinh heo rừng và xây dựng quy trình tạo phôi heo rừng in vitro, lưu giữ phôi. Nuôi cấy tế bào Soma, bảo vệ nguồn gen cấp độ tế bào và đánh giá đa hình gene GHRH, Mc4R, C8 với tương quan đến tốc độ tăng trưởng, chất lượng thịt, tính kháng bệnh của heo rừng thuần và heo rừng lai. Xây dựng mô hình trang trại nuôi heo rừng thuần, nuôi heo rừng lai thương phẩm kiêm hệ thống nhà hàng tiêu thụ sản phẩm tại Đắk Lắk và xây dựng mô hình bảo tồn heo rừng Tây Nguyên trong tự nhiên. Xây dựng thương hiệu thịt heo rừng Tây Nguyên (có các chỉ dẫn nguồn gốc, các chỉ tiêu đánh giá chất lượng). Xây dựng mô hình nuôi bò sữa nông hộ ứng dụng công nghệ hỗ trợ học môn để cải thiện năng suất sinh sản tại Đức Trọng, Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Xây dựng mô hình trang trại nuôi bò lai hướng thịt của các đồn biên phòng thuộc Bộ chỉ huy Bộ đội biên tỉnh Đắk Nông và xây dựng mô hình trang trại nuôi bò

lai hướng thịt quy mô nông hộ tại các huyện biên giới tỉnh Đắk Nông. Khảo sát chỉ thị ADN của các giống bò lai có tương quan chất lượng thịt.

Số hồ sơ lưu: 17941

78382. 05-2021. **Ứng dụng quy trình kỹ thuật nhân giống dê lai và xây dựng mô hình nuôi dê thương phẩm tại Sơn La/** ThS. Đào Văn Hạnh, ThS. Lê Văn Hà; KS. Nguyễn Anh Toàn; KS. Kiều Ngọc Hương; KS. Đoàn Mạnh Nhân - Sơn La - Cơ sở điều trị nghiệm ma túy tỉnh Sơn La, 2020 - 11/2016 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình sản xuất giống dê lai chất lượng cao cho tỉnh Sơn La với 200 dê cái sinh sản và 20 dê đực lai. Xây dựng mô hình nuôi dê thương phẩm tại Trung tâm giáo dục lao động tỉnh Sơn La với 500 dê thương phẩm. Xây dựng 20 mô hình nuôi dê lai thương phẩm nông hộ với quy mô 1 dê đực và 10 dê cái tại mỗi nông hộ. Tiếp nhận 8 quy trình kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào nhân giống dê lai và nuôi dê thương phẩm tại Sơn La. Đào tạo 20 kỹ thuật viên và tập huấn cho 300 người dân tham gia mô hình sản xuất giống dê chất lượng cao.

Số hồ sơ lưu: 17910

78385. 05-2021. **Nghiên cứu chọn lọc ổn định năng suất 04 dòng vịt chuyên thịt VCN/TP-CT1, VCN/TP-CT2, VCN/TP-CT3 và VCN/TP-CT4/** ThS. Vũ Đức Cảnh, ThS. Phạm Thuỳ Linh; TS. Nguyễn Quý Khiêm; KS. Hoàng Đình Trường; TS. Nguyễn Thị Nga; ThS. Trần Thị Thu Hằng; ThS.

Khuất Thị Tuyên; ThS. Phạm Thị Xuân; ThS. Nguyễn Thị Quê; KS. Nguyễn Văn Trang - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2020 - 01/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chọn lọc và ổn định năng suất 04 dòng vịt chuyên thịt (CT1, CT2, CT3 và CT4) qua 03 thế hệ. Đánh giá ưu thế lai vịt bố mẹ và vịt thương phẩm. Xây dựng quy trình chăm sóc nuôi dưỡng vịt bố mẹ, vịt thương phẩm. Xác định mức ăn thích hợp để không chế khối lượng vịt giai đoạn con, hậu bị. Xây dựng quy trình chăm sóc nuôi dưỡng vịt thương phẩm và xác định mức protein thích hợp trong khẩu phần thức ăn trong chăn nuôi vịt thương phẩm.

Số hồ sơ lưu: 17909

78399. 05-2021. **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò nhằm chuyển đổi sinh kế cho người dân ở vùng cát ven biển chịu ảnh hưởng sự cố môi trường biển tỉnh Quảng Trị/** ThS.Đào Ngọc Hoàng, CN. Lê Thị Hoa; ThS. Trần Quang Phú; KS. Nguyễn Hương; ThS. Lê Mậu Bình; KS. Nguyễn Thị Minh Huyền - Quảng Trị - Trung Tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Trị, 2020 - 09/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình chăn nuôi bò thâm canh gia trại gồm chăn nuôi bò sinh sản, bò thịt và bò vỗ béo (mỗi hộ nuôi tối thiểu 4 bò cái sinh sản, 3 bò thịt và 6 bò vỗ béo trong 1 năm). Xây dựng mô hình nuôi bò

sinh sản bán thâm canh tại 48 hộ hộ với tổng số bò sinh sản tối thiểu là 96 con. Xây dựng vùng giống bò bước đầu có gần 130 bò cái sinh sản, hàng năm sản xuất trên 100 bò giống chất lượng cao. Tiếp nhận quy trình công nghệ và sản xuất bước đầu chế phẩm vi sinh vật dùng trong chăn nuôi tại Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và thông tin khoa học công nghệ Quảng Trị.

Số hồ sơ lưu: 17905

### 403. Thú y

#### 40306. Bệnh học thú y

75302. 05-2021. **Nghiên cứu tạo chế phẩm interferon- $\alpha$  tái tổ hợp ứng dụng trong phòng và trị bệnh do virus trên heo nuôi/** TS. Phạm Thị Kim Trâm, ThS. Đỗ Thị Việt Phương; TS. Nguyễn Đăng Quân; CN. Phạm Bùi Hoàng Anh - TP. Hồ Chí Minh - Phòng Công nghệ sinh học Y Dược, 2018 - 02/2015 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Tạo chế phẩm PoIFN $\alpha$  có hoạt tính kháng virus tiến tới ứng dụng phòng và điều trị bệnh do virus trên heo nuôi. Sau khi đã kiểm tra hoạt tính in vitro của PoIFN $\alpha$ , nhóm nghiên cứu tiếp tục phát triển chế phẩm ở dạng đông khô và đánh giá các chỉ tiêu độ ẩm tồn dư, độ vô trùng, độ an toàn, nội độc tố của chế phẩm đông khô. Kết quả kiểm định cho thấy chế phẩm đông khô đạt các chỉ tiêu chất lượng cho các yêu cầu kiểm định đối với một chế phẩm thuốc dạng đông khô; chế phẩm PoIFN $\alpha$  rất có triển vọng cho các thử nghiệm trên động vật để xác định



khả năng phòng và chữa bệnh trên heo nuôi.

Số hồ sơ lưu: HCM-0343-2018

#### **404. Lâm nghiệp**

##### **40402. Tài nguyên rừng**

78009. 05-2021. **Nghiên cứu hệ thống các biện pháp kỹ thuật trồng rừng thâm canh Keo lai, Keo tai tượng và Keo lá tràm cung cấp gỗ lớn trên đất trồng mới/** PGS. TS. Nguyễn Huy Sơn, ThS. Phạm Đình Sâm; ThS. Vũ Tiên Lâm; ThS. Hoàng Thị Nhung; ThS. Hoàng Văn Thành; ThS. Ninh Việt Khương; ThS. Hồ Trung Lương; ThS. Cao Văn Lạng; ThS. Đinh Văn Quang; TS. Đỗ Hữu Sơn; TS. Phan Thanh Lâm - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2020 - 01/2015 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng rừng trồng gỗ lớn của các giống keo ở 3 vùng nghiên cứu; Điều tra đánh giá đặc điểm của đối tượng đất trồng mới ở 3 vùng nghiên cứu; Khảo nghiệm mở rộng các giống đã được công nhận của các giống keo trên đất trồng mới ở 3 vùng nghiên cứu; Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật trồng rừng thâm canh cung cấp gỗ lớn cho các giống keo trên đất trồng mới; Xây dựng quy trình kỹ thuật tổng hợp và đề xuất giải pháp phát triển mở rộng trồng rừng cung cấp gỗ lớn cho keo lai, keo tai tượng và keo lá tràm.

Số hồ sơ lưu: 17845

##### **40404. Sinh thái và môi trường rừng**

77156. 05-2021. **Nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động du lịch đến các hệ sinh thái rừng trên địa bàn Thành phố Hà Nội/** GS.TS. Vương Văn Quỳnh, GS.TS. Vương Văn Quỳnh; ThS. Trần Thị Trang; TS. Bùi Thế Đồi; TS. Phạm Minh Toại; TS. Trần Thị Thu Hà; ThS. Vương Thị Hà; ThS. Mai Hà An; KS. Trần Xuân Sơn; KS. Nguyễn Văn Chuẩn; CV. Lê Anh Tuấn - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2019 - 08/2017 - 01/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tiềm năng của các hệ sinh thái rừng phục vụ mục đích du lịch ở Hà Nội. Đánh giá thực trạng hoạt động du lịch và tác động của nó đến các hệ sinh thái rừng trên địa bàn Hà Nội tại 3 vùng Ba Vì, Sóc Sơn và Mỹ Đức. Nghiên cứu đề xuất những giải pháp quản lý các hoạt động du lịch nhằm bảo tồn và phát triển rừng bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-25/ĐK-TTTT&TK

#### **405. Thủy sản**

##### **40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản**

75299. 05-2021. **Hoàn thiện quy trình ương cá Tra giống sạch bệnh ở quy mô sản xuất/** KS. Trần Văn Hương, ThS. Lê Văn Hậu; ThS. Vũ Thị Thanh Hương; TS. Nguyễn Quốc Bình - TP. Hồ Chí Minh - Phòng Công nghệ sinh học Thủy sản, 2018 - 06/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Việc hoàn thiện quy trình nuôi sinh khối các loại thức ăn tự nhiên như: tảo *scenedesmus*, luân trùng, *Moina* sp làm thức ăn cho cá Tra bột. Hoàn thiện và ứng dụng quy trình nuôi sinh khối các nguồn thức ăn tự nhiên ở các thể tích lớn 1- 75 m<sup>3</sup> với mật độ sinh khối tảo đạt được 106 - 107 tb/mL, mật độ luân trùng đạt 200 - 400 ct/mL, mật độ *Moina* đạt 10.000 - 11.000 ct/L. Tỷ lệ sống của cá ương trên bể xi măng 75 m<sup>3</sup> thấp, dao động 8 - 14%. Khi ương trên bể xi măng cá có hiện tượng đỏ đầu, sung bóng hơi từ ngày thứ 10 và gây hao hụt nhiều. Chưa tìm ra được nguyên nhân, cách khắc phục bệnh chết sớm trên cá giai đoạn bột lên hương ở bể xi măng.

Số hồ sơ lưu: HCM-0341-2018

78419. 05-2021. **Ứng dụng công nghệ sinh sản nhân tạo để sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Bống (*Spinibarbus denticulatus*-Oshima,1926) trên sông theo quy mô hàng hoá tại tỉnh Phú Thọ/** KS. Bùi Phú Thịnh, KS. Đường Viết Thu; KS. Nguyễn Văn Cường; KS. Lê Hoàn; KS. Hoàng Huy Quyền - Phú Thọ - Công ty TNHH Quảng Đạt Phú Thọ, 2020 - 09/2017 - 02/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyên giao và tiếp nhận các quy trình công nghệ, thiết bị gồm: Kỹ thuật tuyển chọn và nuôi vỗ cá bống bố mẹ, kỹ thuật sinh sản nhân tạo, kỹ thuật ương nuôi cá giống và kỹ thuật nuôi lồng trên sông. Xây dựng 02 mô hình ứng dụng công nghệ, gồm mô hình sinh sản nhân tạo để sản xuất cá giống có quy mô

200 cá bố mẹ, sản xuất và ương nuôi 20.000 con giống; mô hình nuôi thương phẩm cá bống theo phương thức nuôi lồng trên sông Đà và sông Lô có quy mô 10 lồng (thể tích 100m<sup>3</sup> /lồng, mật độ 20 con/m<sup>2</sup> , năng suất 3,5-4,0 tấn/lồng sau 24 tháng, kích cỡ 2,2-2,5 kg/con, có giá trị lợi nhuận trên 30% so với chi phí sản xuất). Đào tạo kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn kỹ thuật cho 250 lượt người dân.

Số hồ sơ lưu: 17927

### **40503. Bệnh học thủy sản**

75295. 05-2021. **Nghiên cứu khả năng và con đường lây nhiễm của chủng *Aeromonas hydrophila* gây bệnh xuất huyết trên cá tra/** ThS. Trương Ngọc Thùy Liên, ThS. Ngô Thị Bích Phượng; KS. Lê Văn Hậu; KS. Trần Văn Hương - TP. Hồ Chí Minh - Phòng Công nghệ sinh học Thủy sản, 2016 - 03/2014 - 03/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hiện tại, bệnh do vi khuẩn gây ra trên cá tra Việt Nam đang gây nhiều thiệt hại và là một vấn đề cấp bách cần giải quyết. Đánh giá đúng mức tác hại của *A. hydrophila* và hơn hết là định hướng phát triển phương pháp chủng ngừa cho vaccine sống nhược độc kháng bệnh xuất huyết cho cá tra. Con đường lây nhiễm tiềm năng của *A. hydrophila* vào cá tra là mang và vòm họng của cá. Tuy nhiên cần làm thêm một số thí nghiệm bổ sung khác như Real-Time PCR.

Số hồ sơ lưu: HCM-0340-2018

75307. 05-2021. **Tạo chủng Vibrio harveyi nhược độc chứa DNA vector mang gen mã hóa protein vỏ VP28 của vi rút gây bệnh đốm trắng, có tiềm năng làm vắc xin ngừa bệnh đốm trắng trên tôm sú. Giai đoạn II: Đánh giá khả năng đáp ứng miễn dịch kháng vi rút đốm trắng của chủng Vibrio harveyi nhược độc chứa DNA vector mang gen mã hóa protein vỏ VP28/** ThS. Mai Thu Thảo, KS. Trần Phạm Vũ Linh; TS. Nguyễn Quốc Bình - TP. Hồ Chí Minh - Phòng Công nghệ sinh học Thủy sản, 2018 - 01/2014 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá hiệu quả bảo vệ của chủng Vibrio harveyi mang protein vỏ VP28 kháng lại bệnh đốm trắng trên tôm sú. Chủng Vibrio harveyi đột biến gen wzz VH-WzM::Ptac-VP28 có độc lực giảm đi 10 lần so với chủng hoang dại BL1 và có khả năng biểu hiện protein vỏ VP28 ở mức độ yếu. Đã đánh giá được độc lực của chủng các Vibrio harveyi hoang dại và đột biến; khả năng bảo vệ kháng lại Vibrio harveyi hoang dại và kháng lại vi rút gây bệnh đốm trắng (WSSV) của chủng Vibrio harveyi nhược độc biểu hiện protein vỏ VP28 của vi rút WSSV bằng phương pháp tiêm và ngâm. Hiệu quả bảo vệ của vắc xin chưa ổn định và chưa tìm ra được giải pháp áo vi khuẩn vào thức ăn một cách hiệu quả để làm thành dạng vắc xin cho ăn.

Số hồ sơ lưu: HCM-0346-2018

#### **40504. Nuôi trồng thủy sản**

75300. 05-2021. **Xác định tính đối kháng của các chủng “probiotic” trong môi trường nuôi cá Tra/** ThS. Lê Lưu Phương Hạnh, KS. Lê Văn Hậu; KS. Trần Văn Hương; TS. Nguyễn Quốc Bình - TP. Hồ Chí Minh - Phòng Công nghệ sinh học Thủy sản, 2017 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Động vật thủy sản nói chung và cá Tra nói riêng được bao bọc xung quanh bởi môi trường nước và các tác nhân gây bệnh tồn tại độc lập với vật chủ. Do đó, cá Tra có nguy cơ tiếp xúc thường xuyên với các vi khuẩn gây bệnh trong môi trường nước thông qua quá trình tiêu thụ thức ăn hoặc hấp thụ qua da. Vì vậy, việc kiểm soát được quá trình sinh trưởng và phát triển của vi khuẩn gây bệnh để làm giảm hoặc loại bỏ hoàn toàn vi khuẩn gây bệnh tồn tại sẵn trong nước là một trong những phương pháp dùng để kháng lại bệnh gan thận mũ trên cá Tra.

Số hồ sơ lưu: HCM-0342-2018

75306. 05-2021. **Tạo đàn cá sóc chuyển gen phát sáng ở quy mô thương mại /** ThS. Mai Thu Thảo, ThS. Nguyễn Thành Vũ; ThS. Mai Nguyễn Thành Trung ; CN. Nguyễn Hoàng Thụy Vy ; KS. Trần Phạm Vũ Linh ; TS. Nguyễn Quốc Bình - TP. Hồ Chí Minh - Phòng Công nghệ sinh học Thủy sản , 2018 - 01/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cá cảnh ở Việt Nam đã và đang phát triển một cách đa dạng với các

phương pháp lai tạo cá khác nhau . Trong đó, phương pháp chuyển gen cá phát sáng huỳnh quang bằng vi tiêm vector sẽ mang lại nhiều hứa hẹn cho ngành cá cảnh ở Việt Nam . Cá sóc Việt Nam *Oryzias curvinotus* đã được thuần hóa và cho sinh sản nhân tạo thành công trong phòng thí nghiệm tại Trung tâm Công nghệ sinh học thành phố Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-0345-2018

75311. 05-2021. **Phân lập và tuyển chọn một số chủng vi khuẩn nitrate hóa để tạo chế phẩm sinh học xử lý ammonium trong ao nuôi tôm/** ThS. Đoàn Thị Tám, ThS. Đỗ Ngọc Anh Huy; TS. Nguyễn Đăng Hải Đăng - TP. Hồ Chí Minh - Tổ Công nghệ Sinh học Thực phẩm, 2018 - 01/2015 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình phân lập, bảo quản và nhân nhanh sinh khối các chủng vi khuẩn nitrate hóa. Bước đầu tạo được chế phẩm và thử nghiệm hiệu quả xử lý ở quy mô pilot. Kết quả nghiên cứu, chúng tôi đã phân lập và tuyển chọn được chủng S3 có khả năng chuyển hóa ammonium cao. Đồng thời xây dựng quy trình nhân giống, bổ sung phụ gia tạo bộ chế phẩm lỏng S3 và VB. Trong quá trình phân lập, tuyển chọn các chủng vi khuẩn, chúng tôi không thu được dòng vi khuẩn *Nitrobacter* thuần. Các lý do có thể đề cập đến là: vi khuẩn *Nitrobacter* tăng trưởng chậm (do khả năng cân bằng năng lượng kém) nên gây khó khăn cho việc nuôi cấy và giữ giống [35], [30]. Vi khuẩn *Nitrobacter* hạn chế

khả năng hình thành khuẩn lạc trên bề mặt thạch.

Số hồ sơ lưu: HCM-0347-2018

77006. 05-2021. **Thử nghiệm sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm ghẹ xanh (*Portunus pelagicus*) tại tỉnh Cà Mau/** Bùi Nhật Phương, Ks. Bùi Nhật Phương; ThS. Nguyễn Trung Chánh; ThS. Trương Huỳnh Như; Ks. Phạm Chí Em; ThS. Tiêu Minh Luân; ThS. Nguyễn Xuân Toàn - - Chi cục Thủy sản Cà Mau, 2020 - 11/2018 - 01/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thử nghiệm sản xuất giống và nuôi thương phẩm ghẹ xanh (*Portunus pelagicus*) tại tỉnh Cà Mau; góp phần chủ động nguồn con giống và đa dạng đối tượng nuôi. Chủ động trong việc phát triển nhân rộng mô hình nuôi, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững nghề nuôi trồng thủy sản.

Số hồ sơ lưu: CMU-2020-004

#### **40506. Quản lý và khai thác thủy sản**

77107. 05-2021. **Nghiên cứu Quản lý nghề cá biển dựa trên tiếp cận hệ sinh thái/** TS. Vũ Việt Hà, ThS. Trần Văn Cường; TS. Nguyễn Khắc Bát; PGS.TS. Đỗ Công Thung; TS. Đào Mạnh Sơn; TS. Phạm Quốc Huy; ThS. Từ Hoàng Nhân; TS. Nguyễn Phi Toàn; ThS. Nguyễn Quốc Tỉnh; ThS. Nguyễn Hoàng Minh - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2020 - 12/2015 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)



Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí phân loại vùng biển theo chức năng hệ sinh thái. Nghiên cứu xây dựng sơ đồ phân bố các vùng biển theo hệ sinh thái phục vụ quản lý nghề cá. Nghiên cứu phân vùng quản lý nghề cá dựa vào hệ sinh thái. Nghiên cứu đề xuất nguyên tắc và phương thức khai thác hải sản ở các vùng sinh thái. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp quản lý nghề cá và kiến nghị điều chỉnh chính sách trong quản lý nghề cá biển.

Số hồ sơ lưu: 16725

#### **406. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp**

##### **40604. Các công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp**

75283. 05-2021. **Thành lập Ngân hàng giống vi sinh vật phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản, môi trường/** ThS. Lê Thị Mai Châm, TS. Phạm Nguyễn Đức Hoàng; TS. Phan Mỹ Hạnh; ThS. Lê Thị Mai Châm ; ThS. Nguyễn Xuân Đông; ThS. Nguyễn Tấn Đức ; ThS. Đặng Hoàng Quyên ; KS. Lê Thị Thùy Nhi; KS. Ngô Thùy Trâm; KS. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt ; KS. Nguyễn Thị Thùy Dương; KS. Trần Thùy Trang; CN. Vũ Thùy Dương; CN. Trần Chí Hiếu - TP. Hồ Chí Minh - Phòng CN Vi sinh - Trung tâm Công nghệ Sinh học TP. HCM, 2016 - 01/2013 - 12/2015. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thành lập được bộ sưu tập giống vi sinh vật để phục vụ Nông nghiệp tại Trung tâm Công nghệ Sinh học Thành phố Hồ Chí Minh : Sàng lọc được các chủng vi sinh vật

để đưa vào bộ sưu tập ; Bảo quản được các chủng vi sinh vật trong bộ sưu tập ; Xây dựng được cơ sở dữ liệu của bộ chủng vi sinh vật . Thu thập và sàng lọc các chủng vi sinh vật đang có trong bộ chủng của phòng công nghệ vi sinh . Cấu trúc đề xuất của bộ máy nhân sự cơ bản đáp ứng được hoạt động của bộ sưu tập.

Số hồ sơ lưu: HCM-0338-2018

75327. 05-2021. **Nghiên cứu sử dụng than sinh học từ vỏ cà phê và trấu để hỗ trợ cho canh tác một số cây rau và cây công nghiệp/** ThS. Nguyễn Tấn Đức, ThS. Vũ Thùy Dương; ThS. Nguyễn Thị Hạnh Nguyên; KS. Nguyễn Ngọc Phi; KS. Nguyễn Minh Khánh; TS. Phạm Nguyễn Đức Hoàng - TP. Hồ Chí Minh - Tổ Công nghệ sinh học Môi trường, 2018 - 01/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá khả năng ứng dụng sản phẩm này vào canh tác nông nghiệp thông qua các thí nghiệm kiểm tra hiệu quả tác động trên cây trồng trong điều kiện chậu. Kết quả cho thấy khi áp dụng biochar ngay sau quá trình nhiệt phân (fresh biochar) vào canh tác sẽ cho kết quả thấp hơn hoặc không khác biệt nhiều so với đối chứng. Trên các kết quả đạt được, cơ bản hoàn thiện quy trình ứng dụng than sinh học từ trấu nhằm nâng cao sức khỏe nền đất canh tác phục vụ cho mô hình canh tác nông nghiệp phục hồi, nông nghiệp không phát thải sẵn sàng chuyển giao cho các đơn vị có nhu cầu.

Số hồ sơ lưu: HCM-0350-2018

### 5. Khoa học xã hội

76639. 05-2021. **Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý , theo dõi và đánh giá hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn quận Ninh Kiều , thành phố Cần Thơ / PGS.TS. Nguyễn Phú Sơn, PGS.TS. Huỳnh Trường Huy; ThS. Nguyễn Thị Thu An; ThS. Hứa Thanh Xuân; ThS. Thạch Keo Sa Rát; ThS. Nguyễn Thị Tú Trinh; CN. Phạm Thị Ngoan; CN. Lê Bửu Minh Quân; CN. Phan Huyền Trang; CN. Trần Văn Sánh - Cần Thơ - Trường Đại học Cần Thơ , 2017 - 11/2014 - 08/2017. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Mục tiêu của dự án là xây dựng hệ thống dữ liệu để theo dõi, đánh giá hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN NVV quận Ninh Kiều. Dự án xây dựng bộ chỉ tiêu với 31 tiêu chí để theo dõi, đánh giá hoạt động của DN NVV và đã khảo sát 2.376 DN NVV năm 2012, 1.979 DN NVV năm 2013, 2.119 DN NVV năm 2014, 2.077 DN NVV năm 2015 và phỏng vấn nhóm DN NVV ở 13 phường làm nguồn cơ sở dữ liệu . Kết quả cho thấy , năm 2015 có 2.077 DN NVV, giảm bình quân 4,4%/năm trong giai đoạn 2012-2015. Lợi nhuận trước thuế bình quân của các DN NVV trong giai đoạn này đều âm cho thấy DN NVV bị thua lỗ, tỷ lệ DN NVV bị thua lỗ trong giai đoạn này rất cao, chiếm trên 40% DN NVV của quận. Đối với những DN NVV kinh doanh có lời thì tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở

hữu cũng ở mức thấp, chỉ 6,0%-7,5%.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2018-01/KQNC

76646. 05-2021. **Ứng dụng công nghệ điện toán đám mây trên nền tảng mã nguồn mở phục vụ xây dựng mô hình triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước của thành phố Cần Thơ/ TS. Ngô Bá Hùng, TS. Trần Công Ân; TS. Lê Văn Lâm; ThS. Bùi Minh Quân; ThS. Nguyễn Hữu Thanh Bình; KS. Lê Hồng Anh; ThS. Phan Văn Nam, KS. Nguyễn Như Tuấn ; ThS. Nguyễn Sơn Tùng , ThS. Huỳnh Công Trứ - Cần Thơ - Trường Đại học Cần Thơ, 0 - 09/2015 - 08/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đề tài “Ứng dụng công nghệ điện toán đám mây trên nền tảng mã nguồn mở phục vụ xây dựng mô hình triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước của thành phố Cần Thơ” đã đánh giá chọn lựa nền tảng phần mềm nguồn mở OpenStack để đề xuất giải pháp thiết kế và cài đặt một đám mây riêng cung cấp dịch vụ hạ tầng trên các thiết bị phần cứng cung cấp từ Trung tâm dữ liệu của thành phố Cần Thơ. Mô hình đám mây được xây dựng bởi đề tài có các tính năng như cung cấp hạ tầng tính toán để triển khai nhanh các ứng dụng và dịch vụ công nghệ thông tin, có các cơ chế quản lý tài nguyên công nghệ thông tin hiệu quả, có các cơ chế sao lưu dự phòng cho các ứng dụng và các cơ chế cơ giãn năng lực các ứng dụng và dịch vụ. Đề tài đã nghiên

cứu đề xuất giải pháp cho việc di dời các ứng dụng dựa trên nền web được phát triển theo các công nghệ tiêu biểu như J2EE, dotNet và PHP/MySQL lên đám mây và đã thử nghiệm di dời và triển khai thành công lên đám mây 4 phần mềm thuộc 3 nhóm phần mềm kể trên. Đám mây được xây dựng và các mô hình triển khai ứng dụng lên đám mây có thể được xem là một mô hình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin quản lý nhà nước mới của thành phố Cần Thơ.

Số hồ sơ lưu: CTO-KQ2018-08/KQNC

77237. 05-2021. **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng cuộc vận động " toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" trên địa bàn khu dân cư tỉnh Quảng Bình/** ThS. Trần Quang Minh, Trần Quang Minh; Nguyễn Xuân Toàn; Nguyễn Văn Sinh; Phạm Văn Đồng; Nguyễn Thị Thương; Lê Thị Mỹ Huyền; Trần Duy Hưng Trần Quang Hùng; Nguyễn Xuân Toàn; Nguyễn Văn Sinh; Phạm Văn Đồng; Nguyễn Thị Thương; Lê Thị Mỹ Hiền; Trần Duy Hưng- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình - Ủy ban MTTQVN tỉnh Quảng Bình, 2020 - 04/2018 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn khu dân cư tỉnh Quảng Bình

Số hồ sơ lưu: 07/QLKHCN

78289. 05-2021. **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao thu nhập và đời sống nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030./** Lương Quốc Tuấn, Phạm Quang Thắng Ths. Lương Quốc Tuấn; Ths. Phạm Quang Thắng; CN. Nguyễn T Hải Yên; CN. Nguyễn Ngọc Ánh; Ths. Nguyễn Ngọc Lợi; Ths. Khuất Văn Hợp; Ths. Lê Duy Thơ; Ths. Nguyễn Đức Thắng; Ths. Lê Quang Vinh; CN. Phùng Thị Nhung; Ths. Dương Văn Anh; Ths. Hoàng Minh Hải; Ths. Nguyễn Kim Phương; CN. Phùng T Vân Quỳnh; Ths. Trần Minh Tâm; Ths. Lê Xuân Thùy; CN. Lưu Hồng Ngọc Ths. Nguyễn T Diệu Thúy CN. Bùi Khánh CN. Nguyễn Thu Hiền - Trung tâm nghiên cứu xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp - Trung tâm nghiên cứu xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, các khái niệm, tiêu chí để đo lường có liên quan đến nội dung nghiên cứu (thu thập, phúc lợi xã hội, đời sống nhân dân, ...). Khuôn khổ phân tích SEDA của BCG về quan hệ tăng trưởng kinh tế và phúc lợi xã hội. Nhận diện khái lược cấu trúc nền kinh tế và thu thập của Vĩnh Phúc. Hạch toán thu thập nền kinh tế địa phương. Phân tích năng suất và thu nhập của lao động ở Vĩnh Phúc. Phân tầng thu thập xã hội tỉnh Vĩnh Phúc. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập/tiêu dùng của

người dân Nhận diện phúc lợi của người dân Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 13

78436. 05-2021. **Thực trạng và giải pháp phát huy vai trò của nhân dân trong hoạt động giám sát của Ban thanh tra nhân dân cấp cơ sở tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn hiện nay.**/ Nguyễn Tuấn Khanh, Nguyễn Tuấn Khanh; Nguyễn Công Chúc; Nguyễn Xuân Viễn; Lê Minh Tiến; Đỗ Hoài Thu; Nguyễn Mạnh Hà; Vũ Hoàng Hiệp. - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Vĩnh Phúc - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Vĩnh Phúc, 2019 - 03/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận về hoạt động giám sát của Ban Thanh tra nhân dân cấp cơ sở và sự cần thiết phải phát huy vai trò của nhân dân trong hoạt động giám sát của Ban Thanh tra nhân dân cấp cơ sở tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay. Đánh giá thực trạng hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và vai trò của nhân dân trong hoạt động giám sát của Ban Thanh tra nhân dân cấp cơ sở tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015 - 2019. Đề xuất các giải pháp phát huy vai trò của nhân dân trong hoạt động giám sát của Ban Thanh tra nhân dân cấp cơ sở tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020 - 2025.

Số hồ sơ lưu: 14

78438. 05-2021. **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao thu nhập và đời sống nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030.**/ Nguyễn Hồng Cương, Dương Thị Kiều Loan Ths. Nguyễn Hồng

Cương; Ths. Dương Thị Kiều Loan; Phùng Đức Hiệp; Nguyễn Thị Hương; Nghiêm Thị Hà; Nguyễn Thị Thu Hiền; Nguyễn Thị Ninh; Phạm Thị Hải Liên; Lương Thị Lan; Nguyễn Văn Ánh; Dương Thị Kiều Trang; Đỗ Thị Hồng Nhung; Nguyễn Thị Phương Ly; Trần Thu Thảo; Nguyễn Văn Lục; Trần Sỹ Mỹ; Nguyễn Thị Loan; Hà Thị Hồng Thủy - Kho bạc Nhà nước Vĩnh Phúc - Kho bạc nhà nước Vĩnh Phúc, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý và kiểm soát chi phí quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Đánh giá thực trạng quản lý và kiểm soát chi phí quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc qua KBNN giai đoạn 2016-2018. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và kiểm soát chi phí quản lý dự án sử dụng vốn NSNN trên địa bàn tỉnh.

Số hồ sơ lưu: 16

78439. 05-2021. **Tăng cường công tác quản lý thu Ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Vĩnh Phúc.**/ Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Hải Yên - Tiến Sỹ Nguyễn Quốc Huy - Thạc Sỹ Nguyễn Hải Yên - CN Trần Thị Thu Hương - CN Nguyễn Quỳnh Nga - Thạc sỹ Vũ Thị Kim Thúy - CN Tạ Thị Dung - Thạc sỹ Hà Thị Ngân - CN Nguyễn Thị Ninh - CN Nguyễn Thị Thu Hiền - Thạc sỹ Nguyễn Hoài Nam - CN Nguyễn Đình Trường - Thạc sỹ Nguyễn Văn Tuấn - Kho bạc Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc - Kho bạc Nhà



nước tỉnh Vĩnh Phúc, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Lý luận chung về thu ngân sách Nhà nước (NSNN) và quản lý thu ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước (KBNN) Đánh giá thực trạng công tác thu NSNN qua kho bạc Nhà nước Vĩnh Phúc giai đoạn 2016 - 2018. Phân tích kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế nguyên nhân. Giải pháp hoàn thiện quản lý thu NSNN qua KBNN Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 17

78441. 05-2021. **Thực trạng giải quyết, xét xử tranh chấp quyền sử dụng đất liên quan đến yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở tỉnh Vĩnh Phúc/** Nguyễn Văn Hoa, Đỗ Anh Cường CN. Nguyễn Văn Hoa; Ths. Đỗ Anh Cường; CN. Nguyễn Thanh Trà; Ths. Phạm Thị Thúy Mai; Ths. Nguyễn Trường Sơn; Ths. Trần Quốc Việt; Ths. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh; Ths. Hoàng Minh Tuấn; Ths. Nguyễn Thị Thu Hà; Ths. Đặng Phú Lâm; Ths. Nguyễn Xuân Trọng; Ths. Nguyễn Lê Hoàng - Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc - Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, 2019 - 03/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất liên quan đến yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Thực trạng giải quyết, xét xử tranh chấp QSDĐ liên quan đến yêu cầu hủy quyết định cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất của tòa án nhân dân 2 cấp tỉnh Vĩnh Phúc; Các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giải quyết, xét xử tranh chấp quyền sử dụng đất liên quan đến yêu cầu hủy quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Số hồ sơ lưu: 18

78443. 05-2021. **Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đoàn kết tập hợp thanh niên công nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn hiện nay./** NGUYỄN TRUNG KIÊN, LÊ ANH MINH Nguyễn Trung Kiên; Lê Anh Minh - Tỉnh đoàn Vĩnh Phúc - Tỉnh Đoàn Vĩnh Phúc, 2019 - 03/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn trong công tác đoàn kết tập hợp TNCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh phúc giai đoạn từ năm 2013 – 2019; từ đó rút ra các tồn tại, hạn chế, nguyên nhân làm tiền đề cho việc đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đoàn kết tập hợp TNCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh phúc giai đoạn 2020 - 2025.

Số hồ sơ lưu: 19

78444. 05-2021. **Nghiên cứu xây dựng và đề xuất giải pháp phát huy hiệu quả Toàn soạn điện tử hội tụ trong hoạt động thông tin, tuyên truyền báo chí giai đoạn hiện nay/** CN. Trịnh Đình Quang, CN. Nguyễn Văn Thủy CN. Trịnh Đình Quang; CN. Nguyễn Văn Thủy; Chu Mạnh Cảnh; Phạm Như Phong; Nguyễn Văn Cường; Phan

Thị Kim Dung; Triệu Ngọc Toàn; Đào Thị Trang Linh; Khổng Kim Quý; Dương Quang Nam; TS. Vũ Thị Hà; TS. Tạ Minh Hà - Báo Vĩnh Phúc - Báo Vĩnh Phúc, 2019 - 03/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận và thực tiễn về hoạt động thông tin, tuyên truyền báo chí, truyền thông đa phương tiện trên nền tảng Internet trong giai đoạn hiện nay. Đánh giá thực trạng hoạt động tổ chức xuất bản các ấn phẩm của Báo Vĩnh Phúc hiện nay, trong đó có trang thông tin điện tử. Nghiên cứu xây dựng mô hình Tòa soạn điện tử hội tụ trong hoạt động thông tin, tuyên truyền báo chí của tỉnh Vĩnh Phúc. Đề xuất giải pháp phát huy hiệu quả Tòa soạn điện tử hội tụ trong hoạt động thông tin, tuyên truyền báo chí của tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 20

78445. 05-2021. **Thực trạng giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính ở Vĩnh Phúc hiện nay.**/ Lê Tất Hiếu, Ngô Khương Tuyền ThS. Lê Tất Hiếu ThS. Ngô Khương Tuyền ThS. Trịnh Duy Tám ThS. Nguyễn Phương Nam CN. Trần Anh Tuấn CN. Nguyễn Thị Đào hoa CN. Kiều Thị Mai CN. Đàm Thị Minh Phương CN. Nguyễn Thị Kim Huyền - Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc,

2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị của VKSND trong TTDS, TTHC. Nghiên cứu, phân tích đánh giá thực trạng thực hiện quyền yêu cầu kiến nghị, kháng nghị của VKSND ở Vĩnh Phúc. Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị của VKSND trong công tác kiểm sát theo pháp luật.

Số hồ sơ lưu: 21

78446. 05-2021. **Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, lối sống học sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/** TS. Hoàng Văn Bình, TS. Hoàng Văn Bình; CN. Trần Thị Minh Nguyệt; Ths. Trần Hoài Nam; CN. Nguyễn Thị Duyên; Ths. Nguyễn Quang Hưng; Ths. Đặng Ngọc Tuấn; CN. Phạm Thị Thu Trang - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Ban Tuyên giáo, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận liên quan đến vấn đề đạo đức, lối sống và công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trung học phổ thông. Đánh giá thực trạng công tác giáo dục đạo đức, lối sống của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh. Chỉ rõ những thành tựu, hạn chế và các nguyên nhân của thành tựu, hạn chế. Đề xuất các nhóm giải pháp cụ thể mang tính khả thi nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học

sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 22

78448. 05-2021. **Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa tội phạm cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/** Phạm Hồng Hải, ThS. Phạm Hồng Hải; CN. Trương Văn Thu; CN. Lê Trung Thành; CN. Nguyễn T Thanh Huyền; CN. Nguyễn Thanh Phong; CN. Lê Huy Cường; Ths. Vũ Văn Hào - Công an tỉnh Vĩnh Phúc - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, 2019 - 03/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận về tội phạm cướp tài sản và sự cần thiết phải phòng ngừa tội phạm cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Đánh giá thực trạng công tác phòng ngừa tội phạm cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2017-2019. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa tội phạm cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025.

Số hồ sơ lưu: 23

78459. 05-2021. **Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc./** Nguyễn Ngọc Lợi, Phạm Quang Thắng Nguyễn Ngọc Lợi; Phạm Quang Thắng; Đại Thị Thu Hà; Phan Tiến Dũng; Lương Quốc Tuấn; Đỗ Thị Hương Lan; Nguyễn Đức Thắng; Nguyễn Bình Khương; Dương Văn Anh; Nguyễn Văn Đức; Nguyễn Mạnh Đoàn. - Sở

Kế hoạch và Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Phúc, 2019 - 04/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan, cơ sở lý luận về thu hút đầu tư trực tiếp trong nước, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đánh giá thực trạng đầu tư trực tiếp trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2010 - 2018. Đề xuất các giải pháp tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020 - 2025.

Số hồ sơ lưu: 27

78464. 05-2021. **Nghiên cứu xây dựng một số mô hình sinh thái khởi nghiệp mẫu của tỉnh Vĩnh Phúc./** Đường Trọng Khang, Đường Trọng Khang; Nguyễn Xuân Liên; Nguyễn Văn Thủy; Nguyễn T Phương Nhung; Lộc Hoàng Lê Na; Nhân Thị Hạnh; Nguyễn Văn Bình - Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc - Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc, 2018 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về hệ sinh thái khởi nghiệp. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước, trong nước và thực trạng của tỉnh Vĩnh Phúc về hệ sinh thái khởi nghiệp. Đề xuất xây dựng mô hình sinh thái khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc theo ngành xây dựng. Đề xuất xây dựng mô hình sinh thái khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh theo ngành công nghiệp sản

xuất Đánh giá kết quả thực hiện năm 2018 và đề xuất các giải pháp thực hiện nội dung năm 2019.

Số hồ sơ lưu: 30

78493. 05-2021. **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm khuyến khích phụ nữ tích cực tham gia phong trào khởi nghiệp và phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/** Nguyễn Thị Thu Châm, Nguyễn Thị Lệ Thủy 1. Bà Nguyễn Thị Thu Châm- Thạc sĩ Quản lý kinh tế 2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy- Đại học- Cử nhân kinh tế nông nghiệp 3. Bà Vũ Thị Thu Hà - Đại học- Cử nhân sư phạm 4. Bà Nguyễn Thị Nhung - Đại học- Cử nhân khoa học 5. Bà Trần Thị Ngọc Thùy- Thạc sĩ Quản lý kinh tế 6. Bà Trần Thúy Anh- Đại học- Cử nhân khoa học 7. Bà Đào Thu Trang- Đại học- Cử nhân hành chính 8. Bà Nguyễn Thị Tuyết Trâm- Đại học- Cử nhân kinh tế nông nghiệp 9. Bà Phùng Thị Hồng- Đại học- Cử nhân khoa học 10. Bà Ngô Thúy Hằng- Đại học- Cử nhân kinh tế 11. Bà Ngô Thị Chang- Đại học- Kỹ sư nông nghiệp - Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam - Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 2019 - 09/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm đã có về phụ nữ với phong trào khởi nghiệp và phát triển sản xuất kinh doanh và sự cần thiết phải đề xuất các giải pháp khuyến khích phụ nữ tích cực tham gia phong trào khởi nghiệp và phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Đánh giá thực

trạng tình hình phụ nữ với phong trào khởi nghiệp và phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn từ 2012-2017. Đề xuất các giải pháp nhằm khuyến khích phụ nữ tích cực tham gia phong trào khởi nghiệp và phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Nghiệm thu, đánh giá kết quả năm 2019.

Số hồ sơ lưu: 45

78498. 05-2021. **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng thiết chế Văn miếu tỉnh Vĩnh Phúc./** Nguyễn Thị Thúy Hằng, CN. Nguyễn Thị Thúy Hằng; Ths. Nguyễn Thị Thanh Hoa; Ths. Nguyễn Quốc Minh; Ths. Phan Thị Hằng Hải; Ths. Nguyễn Thị Thu Hiền; Ths. Nguyễn Thị Phương Thúy; Ths. Nguyễn Trọng Lượng; CN. Nguyễn Thị Thủy; CN. Nguyễn Huy Sơn; CN. Hoàng Thị Hoa; CN. Nguyễn Thị Thu Hằng; CN. Phùng Thị Thu; CN. Nguyễn Thị Minh Ngọc; Ths. Nguyễn Yên Ly - Ban Quản lý Di tích tỉnh Vĩnh Phúc - Ban Quản lý di tích tỉnh Vĩnh Phúc, 2019 - 10/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về lịch sử văn hóa và không gian văn hóa xã hội của thiết chế văn miếu nói chung và sự cần thiết phải đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết chế văn hóa của tỉnh Vĩnh Phúc. Đánh giá thực trạng về lịch sử, văn hóa và không gian văn hóa của Văn Miếu Vĩnh Phúc. Khai thác giá trị của Văn Miếu Vĩnh Phúc trong giai đoạn hiện nay.



Số hồ sơ lưu: 48

### **502. Kinh tế và kinh doanh**

77050. 05-2021. **Nghiên cứu đánh giá tác động của ngành ICT tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2010-2018 và dự báo tới 2025/** TS. Đặng Thị Việt Đức, TS. Trần Quý Nam; TS. Nguyễn Thị Vân Anh; TS. Đinh Chí Hiếu; ThS. Đặng Huyền Linh; ThS. Vũ Quang Kết; ThS. Trần Thị Hồng Vân; ThS. Dương Thị Thúy Hồng - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ tác động của ngành ICT tới tăng trưởng kinh tế, năng suất lao động ở cấp vĩ mô- quốc gia và mức ngành bằng các phương pháp định lượng và dữ liệu tin cậy. Triển khai đánh giá tác động của ngành ICT tới năng suất tổng hợp các yếu tố (TFP) của Việt Nam- đây là chỉ số thể hiện chất lượng tăng trưởng của một nền kinh tế. Việc đánh giá tác động của ICT tới nền kinh tế Việt Nam bằng các cách tiếp cận định lượng khác nhau sẽ giúp so sánh và tăng cường tính tin cậy của kết quả cũng như nhìn nhận đóng góp của ICT một cách cụ thể hơn so với các phương pháp định tính.

Số hồ sơ lưu: 16871

### **50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh**

77996. 05-2021. **Nghiên cứu phát triển cụm tương hỗ vải thiều Lục Ngạn, Bắc Giang/** PGS. TS. Hoàng Sỹ Động, PGS.TS.Phạm Văn Hùng; PGS.TS.Từ Quang Phương;

PGS. TS. Trần Kim Chung; GS. TS. Vương Văn Quỳnh; TS. Cao Ngọc Lâm; ThS. Nguyễn Huy Hoàng; ThS. Trần Quang Quyết; PGS. TS. Hoàng Thị Lệ Hằng; ThS. Đào Xuân Cường - Hà Nội - Trung tâm đào tạo và hỗ trợ hợp tác kinh tế quốc tế, 2020 - 03/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định cơ sở lý luận về cụm tương hỗ, tập trung dịch thuật, đưa ra khái niệm và nội hàm chuyên môn chủ yếu cluster, đồng thời làm rõ chuỗi giá trị toàn cầu, mạng sản xuất, giá trị gia tăng và phát triển bền vững; làm rõ vị trí, vai trò và điều kiện hình thành, phát triển cụm tương hỗ. Đánh giá được thực trạng tổ chức SX&TT vải thiều ở Bắc Giang theo hình thức cụm tương hỗ trên cơ sở khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế, chứng minh tại Lục Ngạn, Bắc Giang hình thành cluster vải thiều trong bối cảnh tác động cách mạng CN 4.0, Hiệp định thương mại thế hệ mới, biến đổi khí hậu. Đưa ra định hướng và giải pháp phát triển cụm tương hỗ vải thiều Lục Ngạn, Bắc Giang tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, mạng sản xuất, khắc phục các hạn chế hiện tại, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị gia tăng và phát triển bền vững cluster này trong bối cảnh trong nước, quốc tế nhiều thay đổi.

Số hồ sơ lưu: 17830

77999. 05-2021. **Nâng cao chất lượng mẫu mã sản phẩm của các làng nghề thủ công ở Việt Nam (trường hợp nghề gốm và mây tre đan)/** PGS. TS. Đoàn Thị Mỹ Hương, PGS. TS. Nguyễn Quốc

Hùng; TS. Vũ Tú Quyên; TS. Nguyễn Thị Lan Hương; PGS. TS. Bùi Thị Thanh Mai; ThS. Trần Văn Bình; ThS. Hồ Trọng Minh - Hà Nội - Viện văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, 2017 - 01/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cách thức sáng tạo mẫu mã sản phẩm gốm và mây tre đan đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, phát huy bản sắc dân tộc, có tính ứng dụng hiện đại, thu hút sức mua của người tiêu dùng; Đề xuất giải pháp chia sẻ lợi ích giữa họa sỹ thiết kế và nghệ nhân trong việc tạo ra các mẫu mã mới vừa truyền thống, vừa đương đại; Nhận diện những giá trị sáng tạo bằng cách luôn đổi mới mẫu mã sản phẩm gốm và mây tre đan có chất lượng, có tính ứng dụng và gần gũi hơn với đời sống xã hội hiện thời; Xây dựng các giải pháp ứng dụng cho việc thực hiện những yêu cầu nói trên, tạo liên kết cộng đồng cũng như sự hợp tác tương trợ từ các nhà họa sỹ thiết kế mỹ thuật để duy trì chất lượng, mẫu mã sản phẩm, phục vụ mục đích phát triển đời sống kinh tế, văn hóa xã hội một cách bền vững.

Số hồ sơ lưu: 17835

### **50202. Kinh doanh và quản lý**

75266. 05-2021. **Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa tại các doanh nghiệp sản xuất vừa và nhỏ của tỉnh Nam Định/** KS. Phạm Văn Khôi, - Nam Định - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định, 2017 - 08/2014 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dự án được thực hiện với các hoạt động hỗ trợ của Nhà nước có vai trò xúc tác giúp các doanh nghiệp thay đổi nhận thức, thay đổi tư duy về quản lý và nâng cao năng suất chất lượng, đã hình thành phong trào nâng suất chất lượng cho các doanh nghiệp có như cầu thiết thực trên địa bàn tỉnh; Dự án thiết lập và cung cấp các tài liệu, cơ sở dữ liệu giúp cho cộng đồng doanh nghiệp tiếp cận, học hỏi lẫn nhau về mô hình quản lý chất lượng, các công cụ cải tiến, cắt giảm các lãng phí trong hoạt động sản xuất và đảm bảo chất lượng sản phẩm hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: NDH-001-2019

75330. 05-2021. **Nghiên cứu sản phẩm du lịch nông nghiệp công nghệ cao/** Trần Thị Kim Hằng, - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Khai thác Hạ tầng, 2018 - 08/2017 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tìm hiểu đặc điểm, yêu cầu của sản phẩm du lịch nông nghiệp công nghệ cao. Khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động du lịch nông nghiệp tại Khu Nông nghiệp công nghệ cao Củ Chi và một số mô hình tại huyện Củ Chi. Nghiên cứu, đề xuất kế hoạch xây dựng, hoàn thiện và phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp công nghệ cao, đưa vào phục vụ hoạt động du lịch nông nghiệp. Lý thuyết tổng quan về đặc điểm, yêu cầu của sản phẩm du lịch nông nghiệp công nghệ cao. Báo cáo thực trạng hoạt động du lịch nông nghiệp tại Khu Nông nghiệp công nghệ cao Củ Chi và một số mô hình tại huyện Củ Chi.

Kế hoạch triển khai xây dựng, hoàn thiện và phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp công nghệ cao, đưa vào phục vụ hoạt động du lịch nông nghiệp.

Số hồ sơ lưu: HCM-0351-2018

78414. 05-2021. **Phát triển hệ thống tài chính xanh nhằm thúc đẩy kinh tế xanh ở Việt Nam/** PGS.TS. Trần Thị Thanh Tú, TS. Trịnh Thị Phan Lan; PGS.TS. Nguyễn Hồng Sơn; TS. Bùi Trinh; ThS. Vũ Chí Dũng; TS. Cấn Văn Lực; PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Huệ; TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy; PGS.TS. Phan Thị Bích Nguyệt; TS. Đặng Tùng Lâm; TS. Đỗ Hồng Nhung; ThS. Trần Bình Minh; TS. Nguyễn Thị Nhung; TS. Trần Thị Vân Anh; TS. Trịnh Mai Vân; ThS. Đào Phương Đông; ThS. Vũ Mạnh Hùng; ThS. Tô Lan Phương; ThS. Ngô Anh Phương; TS. Lê Trung Thành; TS. Đinh Thị Thanh Vân; TS. Vũ Thị Loan; TS. Trần Thế Nữ; TS. Tạ Thanh Bình; TS. Phạm Khắc Dũng; TS. Trịnh Chi Mai; TS. Phạm Minh Tú; TS. Lê Kim Ngọc; TS. Nguyễn Thị Hương Liên; TS. Nguyễn Thị Hải Hà; TS. Đặng Thị Thúy Hằng; TS. Phạm Thành Long; ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Nương; TS. Trần Lê Anh; ThS. Nguyễn Minh Thu; ThS. Nguyễn Thị Hồng Minh; ThS. Nguyễn Khánh Tín; ThS. Hoàng Bảo Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Minh Phương; ThS. Phạm Duy Khánh; TS. Nguyễn Phú Hà; ThS. Đoàn Đức Minh - Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế, 2020 - 06/2018 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở lý luận về hệ thống tài chính xanh trong nền kinh tế xanh. Kinh nghiệm quốc tế về hình thành và phát triển hệ thống tài chính xanh và bài học cho Việt Nam. Xây dựng mô hình phân tích điều kiện hình thành, phát triển hệ thống tài chính xanh và tác động của hệ thống tài chính xanh tới tăng trưởng kinh tế. Đánh giá thực trạng phát triển hệ thống tài chính xanh tại Việt Nam. Xây dựng bộ chỉ số đánh giá mức độ phát triển của hệ thống tài chính xanh ở Việt Nam. Giải pháp và điều kiện thực hiện giải pháp phát triển tài chính xanh tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17922

78428. 05-2021. **Nghiên cứu các giải pháp nhằm giảm chi phí logistics của Việt Nam/** PGS.TS. Hồ Thị Thu Hòa, TS. Trần Thị Anh Tâm; ThS. Bùi Thị Bích Liên; ThS. Bùi Văn Hùng; ThS. Chu Thị Huệ; Nguyễn Duy Minh; ThS. Hà Ngọc Sơn - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan cơ sở lý luận về chi phí logistics và tình hình chi phí logistics Việt Nam. Nghiên cứu các yếu tố tác động đến chi phí logistics của Việt Nam. Đề xuất các giải pháp nhằm giảm chi phí logistics của Việt Nam và xây dựng quy trình thực hiện và đánh giá hiệu quả của các giải pháp. Đánh giá tác động của các nhóm giải pháp đến mục tiêu chung, thứ tự ưu tiên thực hiện và hiệu quả dự kiến khi thực hiện các giải pháp.

Số hồ sơ lưu: 17961

**503. Khoa học giáo dục****50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..**

78002. 05-2021. **Giải pháp phòng chống bạo lực trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non/** TS. Lục Mạnh Hiền, TS. Nguyễn Thị Tuyết Vân; TS. Võ Vĩnh Nam; TS. Nguyễn Thị Thúy Hạnh; ThS. Vương Hương Giang; TS. Nguyễn Thị Giáng Hương; TS. Tiêu Thị Minh Hương; ThS. Đào Thị Kim Lân; ThS. Hoàng Hải Hậu; ThS. Đặng Quỳnh Anh - Hà Nội - Trường đại học Lao động - xã hội, 2020 - 01/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về bạo lực trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non. Đánh giá thực trạng hành vi bạo lực trẻ mầm non cũng như ảnh hưởng của chúng đối với trẻ và nguyên nhân dẫn đến các hành vi bạo lực đối với trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non hiện nay. Tổng quan hệ thống pháp luật phòng chống bạo lực trẻ em, kết quả thực hiện và những khoảng trống chính sách. Đề xuất giải pháp, chế tài nhằm phòng, chống, giảm thiểu bạo lực trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non.

Số hồ sơ lưu: 17836

78014. 05-2021. **Xây dựng bộ hồ sơ tình huống mẫu đào tạo cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn/** TS. Hoàng Ngọc Thịnh, TS. Nguyễn Đỗ Kiên ThS. Nguyễn Thị Tiệp; TS. Đoàn Thị Tố Uyên; TS. Trần Văn Đạt; ThS. Trần Lệ Hoa; ThS. Phan Hồng Nguyên; ThS. Nhâm Ngọc

Hiển; ThS. Nguyễn Thắng Lợi; ThS. Trương Khánh Hoàn; ThS. Dương Thị Hà Quyên; ThS. Trần Thị Hà; CN. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Phan Hoàng Ngọc - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2015 - 04/2013 - 04/2014. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định nguyên tắc xây dựng mô hình bộ sơ tình huống mẫu, trên cơ sở đó xây dựng mô hình lý luận về các tình huống mẫu trong đào tạo cán bộ Tư pháp xã, phường, thị trấn. Trên cơ sở thực tiễn tác nghiệp của cán bộ Tư pháp xã, phường, thị trấn, xây dựng nên các tình huống mẫu tương ứng với từng nhiệm vụ của cán bộ Tư pháp xã, phường, thị trấn. Mô hình bộ hồ sơ tình huống mẫu sẽ được ứng dụng cả trong chương trình đào tạo Trung cấp Luật chính quy tại các trường Trung cấp Luật chuyên nghiệp và cả trong các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ Tư pháp xã, phường, thị trấn đương nhiệm.

Số hồ sơ lưu: 17844

78395. 05-2021. **Nghiên cứu mô hình đại học tự chủ và các giải pháp tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030/** GS.TS. Đào Trọng Thi, PGS.TS. Phạm Thị Thanh Hải; TS. Nguyễn Đức Huy; TS. Nghiêm Xuân Huy; TS. Tăng Thị Thùy; ThS. Vũ Thị Mai Anh; ThS. Nguyễn Thị Minh Phương; TS. Nguyễn Thị Thu Hương; GS.TS. Lê Ngọc Hùng; PGS.TS. Phạm Văn Quyết; TS. Trần Thị Hoài; TS. Mai Thị Quỳnh Lan; ThS. Lê Thị Thương; TS. Lê Thái Hưng; ThS.



Nguyễn Thị Huệ; TS. Nguyễn Đức Khuông; CN. Phạm Thị Thanh Hoa; ThS. Hoàng Ngọc Quang; ThS. Nguyễn Thị Kim Nhân; TS. Lê Đông Phương - Hà Nội - Trường Đại học Giáo dục, 2020 - 10/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thực tiễn một số mô hình tự chủ và trách nhiệm giải trình của một số đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, ưu tiên mô hình phù hợp với điều kiện kinh tế và xã hội Việt Nam và có triết lý giáo dục tương đồng. Xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu về mô hình tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học trên các lĩnh vực về tổ chức, nhân sự, học thuật và tài chính. Thực trạng quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học ở nước ta hiện nay và đánh giá nhận thức, điều kiện thực hiện các nội dung trong Nghị định dự kiến ban hành về Quy định cơ chế tự chủ của cơ sở giáo dục đại học công lập. Nghiên cứu nội dung và đánh giá hiệu quả các chính sách về tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam. Đề xuất mô hình tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm phát huy khả năng chủ động, sáng tạo; nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng giáo dục đại học và tăng cường sức cạnh tranh cho các cơ sở giáo dục đại học. Đề xuất giải pháp và đưa ra khuyến nghị nhằm tăng quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng chính sách giai đoạn 2026 - 2030.

Số hồ sơ lưu: 17923

## 504. Xã hội học

### 50402. Nhân khẩu học

78000. 05-2021. Tác động của di cư tự do ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay/ TS. Trương Bảo Thanh, CN. Vũ Thị Âu; ThS. Trần Thanh Tùng; TS. Hoàng Ngọc Hải; ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung; ThS. Nguyễn Thị Thêu; TS. Vũ Hải Vân; ThS. Nguyễn Việt Phương; ThS. Vương Hồng Hà; TS. Đậu Tuấn Nam; ThS. Hà Thị Bích Hạnh; ThS. Tống Minh Hương; ThS. Nguyễn Thị Hải Yến; ThS. Nguyễn Văn Tuấn; CN. Vũ Thị Thái Bình - Hà Nội - Học viện chính trị khu vực I, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa làm rõ cơ sở lý luận về di cư và di cư tự do của các tộc người thiểu số. Tổng kết được kinh nghiệm quốc tế về di cư tự do và khủng hoảng di cư vào châu Âu và châu Mỹ rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Hệ thống hóa các quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước về vấn đề di cư tự do và giải quyết vấn đề di cư tự do của các tộc người thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay. Làm rõ thực trạng di cư tự do của các tộc người thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta từ đổi mới (1986) đến nay. Đánh giá tác động tích cực và tiêu cực của di cư tự do của các tộc người thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc đối với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường sinh thái và quốc phòng, an ninh.

Số hồ sơ lưu: 17832

#### **50404. Dân tộc học**

78361. 05-2021. **Một số vấn đề cơ bản trong phát triển bền vững dân tộc Mông ở Việt Nam/** TS. Hoàng Hữu Bình, TS. Võ Thị Mai Phương; TS. Đặng Thị Hoa; PGS.TS. Nguyễn Văn Minh; TS. Vi Văn An; TS. Nguyễn Văn Dũng; PGS.TS. Nguyễn Thị Song Hà; TS. Nguyễn Hồng Vĩ; TS. Lương Thị Thu Hằng; ThS. Hoàng Lê Nhật; TS. Trần Văn Thuật; CN. Phan Nguyên Hùng; TS. Nguyễn Thị Thuận; TS. Vũ Thị Thanh Minh; TS. Hoàng Thanh Sơn; ThS. Sầm Thị Dương; ThS. Nguyễn Thị Thu; ThS. Phương Đoàn; ThS. Mai Đức Hùng; ThS. Lê Thị Thiềm; ThS. Vũ Quốc Vượng; ThS. Trần Thùy Dương; ThS. Nguyễn Thị Nhiên; ThS. Phạm Thị Kim Cương; ThS. Lê Thanh Bình; ThS. Quán Minh Phương; ThS. Nguyễn Hồng Hải; ThS. Nguyễn Thị Thùy Trang; ThS. Nguyễn Dũng Cường; CN. Lê Tuấn Quỳnh; KS. Giàng Seo Pù; CN. Bùi Thùy Trang; CN. Hà Thị Hòa; CN. Phùng Minh Sơn - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách dân tộc, 2020 - 06/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển bền vững dân tộc Mông, về chính sách phát triển kinh tế-xã hội từ năm 1986 đến nay đối với dân tộc Mông ở Việt Nam. Đánh giá hiệu quả và phân tích tác động của những chính sách phát triển kinh tế, xã hội đến phát triển bền vững dân tộc Mông ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay. Một số mô hình, kinh

nghiệm phát triển bền vững dân tộc Mông trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Dự báo xu hướng phát triển bền vững dân tộc Mông ở Việt Nam đến năm 2030 và đề xuất quan điểm, giải pháp, hoàn thiện chính sách dân tộc nhằm phát triển bền vững dân tộc Mông ở Việt Nam đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 17949

#### **50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội**

78008. 05-2021. **Các giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp cận dịch vụ xã hội ở cộng đồng cho người cao tuổi/** PGS. TS. Lê Thanh Hà, ThS. Nguyễn Thị Liên; ThS. Nguyễn Trung Hải (76); ThS. Nguyễn Thành Trung; TS. Phạm Hồng Trang; TS. Chu Thị Huyền Yên; ThS. Nguyễn Kim Loan; ThS. Lê Minh Giang; ThS. Nguyễn Hồng Linh; TS. Nguyễn Minh Tuấn - Hà Nội - Trường đại học Lao động - xã hội, 2020 - 01/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và đánh giá các dịch vụ xã hội và việc tiếp cận dịch vụ xã hội ở cộng đồng của người cao tuổi; phân tích các yếu tố tác động tới hiệu quả tiếp cận dịch vụ xã hội tại cộng đồng của người cao tuổi, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận dịch vụ xã hội tại cộng đồng của người cao tuổi. Hệ thống hóa cơ sở lý luận về hiệu quả tiếp cận dịch vụ xã hội ở cộng đồng cho người cao tuổi; Phân tích các kinh nghiệm quốc

tế về việc nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội ở cộng đồng cho người cao tuổi; Mô tả thực trạng các dịch vụ xã hội tại cộng đồng cho người cao tuổi và đánh giá thực trạng tiếp cận dịch vụ xã hội ở cộng đồng của người cao tuổi. Phân tích các yếu tố tác động tới hiệu quả tiếp cận dịch vụ xã hội ở cộng đồng của người cao tuổi; Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp cận dịch vụ xã hội ở cộng đồng cho người cao tuổi.

Số hồ sơ lưu: 17842

78362. 05-2021. **Tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư tới lao động - việc làm trong ngành công nghệ thông tin/** TS. Bùi Thái Quyên, ThS. Trần Hoàng Hà; ThS. Nguyễn Thành Tuân; ThS. Nguyễn Thế Hà; ThS. Phạm Xuân Thu; TS. Nguyễn Xuân Hương; ThS. Nguyễn Đức Mạnh; ThS. Đặng Tài Ba - Hà Nội - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đến lao động-việc làm. Xác định vai trò, vị trí của ngành công nghệ thông tin đối với các hoạt động sản xuất – kinh doanh của các ngành kinh tế khác trong toàn bộ nền kinh tế và đánh giá tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đến bốn nhóm vấn đề, bao gồm việc làm, kỹ năng lao động, tiền lương/thu nhập và quan hệ lao động. Phân tích thực trạng lao động – việc làm trong ngành công nghệ thông tin. Khuyến nghị, định hướng chính sách lao động – việc làm cho ngành

công nghệ thông tin trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Số hồ sơ lưu: 17959

78376. 05-2021. **Tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư tới lao động - việc làm trong một số ngành dịch vụ/** TS. Chử Thị Lan, CN. Phạm Thuỳ Dung; ThS. Trần Quang Chính; TS. Nguyễn Quyết Thắng; TS. Trần Thị Minh Phương; ThS. Trần Thị Hoài Thu; CN. Phùng Thị Anh Dương - Hà Nội - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa và góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tới lao động, việc làm trong một số ngành dịch vụ. Đánh giá thực trạng và xác định xu hướng tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tới lao động, việc làm trong một số ngành dịch vụ. Khuyến nghị các giải pháp chính sách lao động, việc làm, thị trường lao động phù hợp với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với ngành dịch vụ.

Số hồ sơ lưu: 17942

## 505. Pháp luật

### 50501. Luật học

75279. 05-2021. **Mua bán quyền, sản xuất thử và xây dựng thương hiệu giống lúa thuần chất lượng cao CS6-NĐ (giai đoạn 1)/** ThS. Nguyễn Thị Vi, Lâm Văn Chiêu; Ngô Văn Toàn; Bùi Cảnh Toàn; Nguyễn Tiến Dũng; Lâm Thị

Hà; Nguyễn Thị Thủy - Nam Định - Công ty TNHH Cường Tân, 2018 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Tiếp nhận bản quyền giống lúa CS6-NĐ và hoàn thiện các thủ tục công nhận quyền sở hữu giống lúa CS6-NĐ. Hoàn thiện các thủ tục công nhận giống lúa CS6-NĐ được sản xuất thử. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất hạt giống lúa thuần CS6-NĐ. Xây dựng mô hình trình diễn sản xuất thử giống lúa thuần CS6-NĐ, quy mô 500ha/2 vụ, đảm bảo đạt năng suất vụ xuân 60- 65 tạ/ha, vụ mùa đạt 55- 60 tạ/ha. Giống lúa thuần CS6-NĐ đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận chính thức và đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chính thức bổ sung vào cơ cấu giống lúa của tỉnh từ vụ Xuân 2019.

Số hồ sơ lưu: NDH-008-2019

77072. 05-2021. **Nghiên cứu các cơ chế, chính sách và giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển giao kết quả nghiên cứu/ công nghệ từ các viện nghiên cứu, trường đại học cho doanh nghiệp/** ThS. Nguyễn Thị Minh Nga, ThS. Nguyễn Thị Minh Nga; ThS. Trần Thị Hồng Lan; ThS. Đỗ Thị Bích Ngọc; TS. Đinh Việt Bách; PGS.TS. Vũ Thị Tuyết Mai; ThS. Nguyễn Thị Hương Giang; KS. Nguyễn Minh Dương; ThS. Trần Minh Huyền; ThS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; ThS. Hoàng Văn Thụ; KS. Nghiêm Xuân Cương; KS. Phạm Tiến Đạt; ThS. Đặng Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Quỳnh Anh; CN. Nguyễn Thị Thu Hà; CN. Mai Lan Thanh; CN. Vũ

Thị Nhung; ThS. Nguyễn Thị Thu Minh; CN. Đào Hải Yến; KS. Nguyễn Thu Hà - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2019 - 04/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu phân tích thực trạng cấu công nghệ (tìm ra đặc điểm cấu công nghệ) của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hiện nay và thực trạng cung công nghệ (tìm ra đặc điểm cung công nghệ) từ các viện nghiên cứu (NC), trường đại học (ĐH) cho doanh nghiệp (DN) Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu hiện trạng các hình thức tổ chức hỗ trợ chuyển giao (CG), các phương thức CG kết quả nghiên cứu/công nghệ (NC/CN) từ viện/trường cho DN. Phân tích các khía cạnh tích cực và hạn chế còn tồn tại của chính sách liên quan đến CG kết quả NC/CN từ viện/trường cho DN. Đề xuất cơ chế, chính sách và giải pháp nhằm hoàn thiện các khía cạnh còn tồn tại của các chính sách liên quan đến CG kết quả NC/CN từ viện/trường cho DN cần phải giải quyết.

Số hồ sơ lưu: 16837

77091. 05-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng văn bản quy định chi tiết về doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Nghị định thay thế Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 của Chính phủ/** TS. Đào Quang Thủy, CN. Nguyễn Thị Thơ; ThS. Lương Tuấn Minh; ThS. Trần Xuân Đích; CN. Trương Thị Hoài; ThS. Dương Thị Thu Nga; TS. Phạm Thị Hồng Hạnh; ThS. Lê Ngọc Bích;



KS. Nguyễn Văn Hùng; ThS. Lê Thanh Hiếu - Hà Nội - Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng việc triển khai các chính sách, pháp luật về doanh nghiệp khoa học và công nghệ (KH&CN). Đề xuất, xây dựng văn bản quy định chi tiết về doanh nghiệp KH&CN theo Nghị định thay thế Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 của Chính phủ. Cung cấp luận cứ khoa học để xây dựng văn bản quy định chi tiết hướng dẫn triển khai chính sách, pháp luật về doanh nghiệp KH&CN. Làm rõ thực trạng và đánh giá chính sách, pháp luật về doanh nghiệp KH&CN. Xác định, đánh giá và lựa chọn các nội dung cần xây dựng văn quy định chi tiết về doanh nghiệp KH&CN theo Nghị định thay thế.

Số hồ sơ lưu: 16831

77967. 05-2021. **Xác định những định hướng, chính sách lớn phục vụ cho việc sửa đổi, bổ sung Luật Lý lịch tư pháp/** ThS. Hoàng Quốc Hùng, CN. Nguyễn Đặng Mai Linh; TS. Nguyễn Văn Cương; ThS. Phạm Quang Đại; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; CN. Hoàng Mỹ Linh; TS. Đỗ Thị Ngọc Tuyết; TS. Nguyễn Thanh Phú; ThS. Đỗ Thị Thu Hằng; ThS. Quách Đình Lực; ThS. Nguyễn Thanh Mai - Hà Nội - Học viện tư pháp, 2017 - 03/2016 - 09/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ một số vấn đề lý luận xác định những định hướng, chính sách lớn phục vụ cho việc sửa đổi, bổ sung Luật lý lịch tư pháp; Đánh giá thực trạng quy định và thực tiễn thi hành Luật lý lịch tư pháp; Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện và sửa đổi về Luật lý lịch tư pháp trong thời gian tới. Nghiên cứu và xây dựng những định hướng, chính sách lớn phục vụ cho việc sửa đổi, bổ sung Luật lý lịch tư pháp; Nghiên cứu quy định pháp luật hiện hành của Luật lý lịch tư pháp; các yếu tố ảnh hưởng không tích cực tới thực hiện Luật lý lịch tư pháp; Đánh giá thực tiễn thi hành Luật lý lịch tư pháp khi ban hành luật cho đến nay.

Số hồ sơ lưu: 17823

77974. 05-2021. **Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với Nhà nước Việt Nam và đề xuất biện pháp phòng ngừa/** ThS. Trần Anh Tuấn, ThS. Nguyễn Thu Hằng; TS. Lê Mai Anh; TS. Trần Văn Duy; TS. Nguyễn Minh Hằng; ThS. Đỗ Thị Thu Hằng; ThS. Lê Thị Thu Hiền; ThS. Vũ Thị Hương; ThS. Vũ Thị Châu Quỳnh; TS. Đồng Thị Kim Thoa; ThS. Vũ Thị Anh Thư - Hà Nội - Học viện tư pháp, 2017 - 03/2016 - 09/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ chế giải quyết ISDS là một vấn đề pháp lý phức tạp, liên quan đến pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế. Tuy nhiên, nhận thức về vấn đề này ở Việt Nam còn chưa thực sự đầy đủ trong cả giới khoa học pháp lý và những người làm thực tiễn về pháp luật. Làm sáng

tỏ hơn luận cứ khoa học đối với cơ chế ISDS, từ đó góp phần hoàn thiện cơ chế pháp luật và cơ chế thực thi liên quan đến phòng ngừa, tham gia cơ chế ISDS. Phân tích, đánh giá pháp luật, cam kết quốc tế, thực tiễn Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế về cơ chế ISDS; Đề xuất giải pháp về phòng ngừa tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với nhà nước Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17826

78004. 05-2021. **Đăng ký hộ tịch tại các tỉnh miền núi phía Bắc - Thực trạng và giải pháp/** TS. Nguyễn Đỗ Kiên, ThS. Hoàng Anh; TS. Vũ Thị Hải Yến; TS. Bùi Thị Đào; TS. Nguyễn Ngọc Bích; ThS. Nhâm Ngọc Hiền; CN. Lại Thị Hương; CN. Nguyễn Thị Hoàng Giang; CN. Lê Đình Vĩ; CN. Nguyễn Hùng Tráng; CN. Trần Kim Thủy; ThS. Hoàng Thị Lan Phương; ThS. Nguyễn Thị Tiệp - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2016 - 03/2014 - 09/2015. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được nét đặc thù trong công tác đăng ký hộ tịch tại các tỉnh miền núi phía Bắc, thực trạng đăng ký hộ tịch, các điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện đăng ký hộ tịch tại các tỉnh miền núi phía Bắc; xây dựng thể chế, chính sách, văn bản hướng dẫn thi hành về công tác hộ tịch cho các tỉnh miền núi phía Bắc; xây dựng tài liệu phục vụ giảng dạy, đào tạo tại nhà trường.

Số hồ sơ lưu: 17838

78005. 05-2021. **Kinh nghiệm thi hành án hành chính của một số**

**nước trên thế giới và khả năng áp dụng tại Việt Nam/** ThS. Vũ Thị Hằng, ThS. Nguyễn Thị Ngân; Cử nhân. Nguyễn Thị Chính; ThS. Cao Xuân Phong; ThS. Hà Tú Cầu; ThS. Vũ Tiến Đức; ThS. Lại Anh Thắng; TS. Lê Lan Chi; ThS. Đỗ Thị Thu Hằng; CN. Trương Hồng Quang; ThS. Bùi Tuấn Thành; CN. Nguyễn Ngọc Sơn - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2016 - 03/2014 - 09/2015. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ những nội dung lý luận về khái niệm, bản chất, đặc điểm và những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thi hành án hành chính tại một số nước trên thế giới; Tổng hợp toàn diện và có tính chất so sánh, đối chiếu giữa các nước về thi hành án hành chính; Làm rõ những ưu điểm, hạn chế của các kinh nghiệm thi hành án các nước; Chỉ ra những điểm giống và khác so với Việt Nam; Đánh giá về những ưu điểm, hạn chế hiện hành của thi hành án hành chính tại Việt Nam; Chỉ ra khả năng áp dụng kinh nghiệm quốc tế dựa trên các điều kiện cụ thể của Việt Nam nhằm khắc phục các hạn chế, hoàn thiện thể chế và tăng cường hiệu lực, hiệu quả áp dụng pháp luật.

Số hồ sơ lưu: 17837

78012. 05-2021. **Nghiên cứu mô hình thiết chế quốc gia bảo vệ quyền con người của một số nước trên thế giới và đề xuất mô hình ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Văn Hiền, ThS. Cao Xuân Phong; ThS. Nguyễn Thị Hằng Như; ThS. Hà Tú Cầu; CN. Nguyễn Mai Trang; CN. Trần Thị Lan Phương; CN. Trương Hồng

Quang; ThS. Hoàng Công Dũng - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2016 - 04/2015 - 04/2016. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu làm rõ quá trình hình thành, vị trí, vai trò, bản chất, chức năng, cơ chế hoạt động của thiết chế quốc gia bảo vệ quyền con người theo kinh nghiệm của một số nước trên thế giới và thực tiễn của Việt Nam về bảo vệ quyền con người để đề xuất mô hình thiết chế quốc gia bảo vệ quyền con người phù hợp với xu hướng phổ biến trên thế giới và với điều kiện thực tiễn của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 17846

78019. 05-2021. **Đào tạo nguồn nhân lực tham gia giải quyết tranh chấp đầu tư và thương mại quốc tế/** TS. Nguyễn Thanh Tâm, ThS. Phạm Thanh Hằng; TS. Nguyễn Bá Bình; TS. Ngô Hoàng Oanh; TS. Trịnh Hải Yên; TS. Nguyễn Ngọc Hà; TS. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS. Tào Thị Huệ; ThS. Nguyễn Quỳnh Trang; ThS. Nguyễn Anh Thơ; TS. Lê Thị Ánh Nguyệt; ThS. Lê Thị Thu Hiền; ThS. Đinh Ánh Tuyết - Hà Nội - Trường Đại học Luật Hà Nội, 2016 - 03/2015 - 09/2016. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp cơ sở lý luận của việc xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực pháp luật tham gia giải quyết tranh chấp đầu tư và thương mại quốc tế. Cập nhật giải thích thực tiễn đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực này ở một số nước trên thế giới, một số tổ chức quốc tế và Việt Nam. Nghiên cứu xu

hướng phát triển nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực này. Hình thành luận cứ cho việc đề xuất các giải pháp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực này một cách khả thi, hiệu quả, phục vụ nhiệm vụ khoa học. Đào tạo nguồn nhân lực tham gia giải quyết tranh chấp đầu tư và thương mại quốc tế

Số hồ sơ lưu: 17849

78020. 05-2021. **Cơ chế pháp lý bảo đảm thực hiện nguyên tắc đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý/** TS. Võ Đình Toàn, ThS. Lê Thị Thuý Nga; TS. Trần Thị Quang Hồng; ThS. Lê Thị Hoàng Thanh; ThS. Nguyễn Đức Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Nhung; ThS. Đỗ Thị Thuý Hằng; CN. Nguyễn Mạnh Đức; CN. Phạm Văn Trung; CN. Nguyễn Mai Trang; CN. Đinh Văn Linh; CN. Lưu Thị Phấn; TS. Vũ Văn Cương - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2017 - 03/2015 - 03/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được các yêu cầu có tính nguyên tắc của cơ chế đảm bảo thực hiện nguyên tắc đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, trên ba phương diện chủ yếu: các quy định của pháp luật, bộ máy bảo đảm thực thi, các điều kiện bảo đảm thực hiện. Đánh giá được thực trạng quy định pháp luật về sở hữu, sử dụng, quản lý đất đai và thực tiễn thi hành quy định pháp luật, thực tiễn vận hành của thiết chế quản lý nhà nước về đất đai ở nước ta - những ưu điểm, nhược điểm và tìm ra nguyên nhân. Đề xuất các kiến nghị, giải

pháp nâng cao hiệu quả của cơ chế pháp lý bảo đảm thực hiện nguyên tắc đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, gồm: hoàn thiện pháp luật các giải pháp nâng cao hiệu quả của bộ máy và điều kiện bảo đảm thực hiện nguyên tắc đất đai thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

Số hồ sơ lưu: 17850

78415. 05-2021. **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn, đề xuất nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ/** KS. Phạm Ngọc Thọ, ThS. Đinh Thị Tuyết; ThS. Ngô Văn Thọ; ThS. Vũ Việt Anh; ThS. Trần Tuấn Đạt; ThS. Trần Tân Việt; ThS. Mai Văn Hiện; KS. Nguyễn Đình Tuấn; KS. Lục Ngọc Cương; CN. Nguyễn Đức Bền - Hà Nội - Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, 2020 - 06/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thực trạng hệ thống pháp luật liên quan tới việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc bản đồ. Thực trạng về hoạt động đo đạc bản đồ ở Việt Nam và thực trạng vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc bản đồ. Kinh nghiệm về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ của một số các nước trên thế giới. Cơ sở khoa học và thực tiễn hình thành các hành vi vi phạm hành chính, xác định mức, hình thức, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về đo đạc và bản đồ ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17919

## 506. Khoa học chính trị

### 50601. Khoa học chính trị

78003. 05-2021. **Một số mô hình chế độ chính trị trên thế giới và sự tham chiếu đối với việc bảo đảm và phát triển bền vững của chế độ chính trị ở Việt Nam/** PGS. TS. Trương Thị Thông, PGS. TS. Đinh Ngọc Giang; PGS. TS. Lê Kim Việt; PGS. TS. Nguyễn Văn Giang; PGS. TS. Nguyễn Minh Tuấn; PGS. TS. Đỗ Ngọc Ninh; TS. Tống Đức Thảo; ThS. Hà Văn Luyện; ThS. Mai Việt Dũng; CN. Mai Thị Thanh Hà - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2017 - 01/2016 - 10/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chế độ chính trị của một số nước trên thế giới để rút ra những giá trị lý luận có ý nghĩa tham chiếu với vấn đề bảo đảm và phát triển bền vững chế độ chính trị ở Việt Nam. Khảo sát, đánh giá ưu điểm, nhược điểm về chế độ chính trị của một số nước trên thế giới. Rút ra những giá trị lý luận tham chiếu đối với việc bảo đảm và phát triển bền vững của chế độ chính trị ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17833

### 50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị

78011. 05-2021. **Giải pháp đột phá xây dựng con người Việt Nam về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế/** GS. TS. Mạch Quang Thắng, PGS.



TS. Lê Văn Lợi; PGS. TS. Đinh Ngọc Giang; ThS. Hà Văn Luyện; PGS. TS. Nguyễn Thị Nga; PGS. TS. Hoàng Anh; TS. Chăm Thị Lai; TS. Nguyễn Thị Ngọc Loan; ThS. Đào Anh Tuấn; CN. Đặng Thị Chính - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2017 - 01/2017 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất những giải pháp đột phá nhằm thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế - một trong 6 nhiệm vụ trọng tâm mà đại hội XXI đề ra.

Số hồ sơ lưu: 17839

78013. 05-2021. **Phương thức, hình thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực lý luận/** PGS. TS. Lê Quốc Lý, PGS. TS. Nguyễn Thị Quế; PGS. TS. Phạm Tất Thắng; PGS. TS. Hoàng Phúc Lâm; PGS. TS. Đỗ Thị Thạch; TS. Nguyễn Thị Thanh Dung; ThS. Hà Văn Luyện; TS. Trần Văn Thắng; ThS. Lê Quốc; ThS. Trịnh Đăng Cường - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2020 - 02/2019 - 08/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ những vấn đề lý luận về phương thức, hình thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực lý

luận. Phân tích, đánh giá thực trạng phương thức, hình thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực lý luận. Đề xuất phương hướng và giải pháp hoàn thiện, đổi mới phương thức, hình thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực lý luận đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 17834

## 507. Địa lý kinh tế và xã hội

### 50702. Địa lý kinh tế và văn hoá

78393. 05-2021. **Xây dựng và triển khai mô hình liên kết sản xuất chuỗi giá trị cho ngành hàng cây có múi (bưởi và cam sành) ở vùng Tây Nam Bộ/** TS. Võ Hữu Thoại, TS. Đoàn Hữu Tiến; TS. Lê Quốc Điền; TS. Trần Thị Mỹ Hạnh; TS. Nguyễn Văn Phong; KS. Nguyễn Vũ Sơn; PGS.TS. Nguyễn Phú Sơn; ThS. Lê Văn Gia Nhỏ; KS. Ngô Kỳ - Tiền Giang - Viện cây ăn quả Miền Nam, 2020 - 09/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát thực trạng hoạt động sản xuất, tiêu thụ và phân tích chuỗi giá trị các ngành hàng bưởi Năm roi, Da xanh và cam Sành vùng Tây Nam Bộ. Xây dựng hợp tác xã trồng bưởi Da xanh chất lượng cao với qui mô lớn theo tiêu chuẩn VietGAP tại tỉnh Bến Tre, hợp tác xã trồng bưởi Năm roi chất lượng cao với qui mô lớn theo tiêu chuẩn GlobalGAP tại tỉnh Vĩnh Long và hợp tác xã trồng cam Sành chất lượng cao với qui mô lớn theo tiêu chuẩn VietGAP tại tỉnh

Hậu Giang. Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng trái bưởi Da xanh, Năm roi và cam Sành vùng Tây Nam Bộ cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Xây dựng mối liên kết giữa các doanh nghiệp đầu vào và đầu ra với các hợp tác xã trồng bưởi Năm roi, Da xanh và cam Sành và đăng ký nhãn hiệu cho các sản phẩm bưởi Da xanh, Năm roi và cam Sành của vùng Tây Nam Bộ. Đánh giá tác động kinh tế - xã hội của 3 mô hình hợp tác xã trồng bưởi, cam Sành và đề xuất giải pháp nâng cao giá trị gia tăng, góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ và phát triển bền vững ngành hàng bưởi và cam Sành Tây Nam Bộ.

Số hồ sơ lưu: 17915

### **508. Thông tin đại chúng và truyền thông**

#### **50802. Thông tin học**

78360. 05-2021. **Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về năng suất, chất lượng trên báo chí và mạng xã hội năm 2019/** CN. Nguyễn Văn Nam, CN. Nguyễn Việt Hà; CN. Nguyễn Doãn Trung; CN. Hà Thị Thanh Thủy; CN. Đặng Anh Đức; CN. Lê Thị Lan; CN. Lê Thị Hòa; CN. Lê Xuân Hiệp; CN. Hà Thị Thu Giang; CN. Vũ Thị Minh Khai - Hà Nội - Trung tâm Thông tin - Truyền thông Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2020 - 02/2019 - 01/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng chuyên mục Năng suất chất lượng và Giải thưởng chất lượng quốc gia trên Tạp chí Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và trên 04 báo in lớn gồm Tiền phong, Diễn

đàn Doanh nghiệp, Công an Nhân dân và Thời báo Doanh nhân. Xây dựng chuyên mục Năng suất chất lượng trên VietQ.vn và các báo điện tử lớn như báo Dân trí, VnExpress. Tổ chức các chương trình tương tác trực tuyến về năng suất chất lượng, giải thưởng chất lượng quốc gia. Hệ thống fanpage và kênh Youtube tuyên truyền về năng suất chất lượng và giải thưởng chất lượng quốc gia, chất lượng sản phẩm hàng hoá.

Số hồ sơ lưu: 17930

#### **50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội**

75280. 05-2021. **Xây dựng và phát sóng chương trình "sở hữu trí tuệ và cuộc sống" trên đài truyền hình tỉnh Nam Định/** ThS. Trịnh Xuân Lộc, Vũ Thị Minh; Vũ Thị Anh Đào; Nguyễn Phương Nam; Đỗ Thị Anh Thi; Nguyễn Toàn Thắng; Nguyễn Thị An; Phạm Thị Châm - Nam Định - Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Nam Định, 2018 - 06/2017 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nâng cao nhận thức về Sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp phục vụ hội nhập kinh tế - quốc tế trên địa bàn tỉnh Nam Định. Khai thác kết quả, phát triển Chương trình "Chấp cánh Thương hiệu". Thời lượng phát sóng chương trình có thay đổi so với thời lượng phát sóng của các dự án thuộc các giai đoạn trước, tuy nhiên sự thay đổi này là phù hợp với khung thời lượng phát sóng tạp chí đã được quy định của đài và phù hợp với xu thế của truyền hình hiện đại từ đó nâng

cao chất lượng chương trình phát sóng.

Số hồ sơ lưu: NDH-009-2019

## 6. Khoa học nhân văn

### 601. Lịch sử và khảo cổ học

#### 60101. Lịch sử Việt Nam

75278. 05-2021. **Chỉnh lý, bổ sung, tái bản sách lịch sử công an nhân dân tỉnh Nam Định giai đoạn 1954 - 1975**/ Nguyễn Phương Duy, - Nam Định - Công an tỉnh Nam Định, 2018 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chỉnh lý, bổ sung, tái bản lịch sử Công an nhân dân Nam Định trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 – 1975. Tái hiện một cách khách quan, trung thực về quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của lực lượng Công an Nam Định trong mối liên hệ chặt chẽ với phong trào cách mạng của địa phương và cả nước thời kỳ chống Mỹ, cứu nước. Qua đó, tôn vinh những chiến công và sự hy sinh của các thế hệ cán bộ, chiến sỹ Công an tỉnh Nam Định. Khẳng định vị trí, vai trò lãnh đạo hết sức quan trọng của cấp ủy, chính quyền địa phương đối với lực lượng Công an Nam Định trên lĩnh vực công tác đảm bảo an ninh, trật tự và xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sự nghiệp đấu tranh chống Mỹ, cứu nước. Từ thực tiễn hào hùng của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự rút ra được những bài học kinh nghiệm có giá trị lịch sử và lý luận, phục vụ việc nghiên cứu vận dụng vào công tác đảm bảo an ninh, trật tự

và xây dựng lực lượng Công an nhân dân tỉnh Nam Định trong tình hình mới.

Số hồ sơ lưu: NDH-007-2019

### 603. Triết học, đạo đức học và tôn giáo

#### 60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ

78412. 05-2021. **Nghiên cứu chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam và Cuba phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trong bối cảnh quá trình nâng cấp mô hình kinh tế của Cuba và tiến trình đổi mới, hội nhập quốc tế của Việt Nam**/ PGS.TS. Trần Ngọc Ca, PGS.TS. Hoàng Minh; TS. Hoàng Xuân Long; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; TS. Nguyễn Mai Dương; ThS. Chu Thị Thu Hà; ThS. Tào Hương Lan; ThS. Nguyễn Thị Phương Mai; ThS. Nguyễn Hồng Anh; ThS. Trần Xuân Bách - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2020 - 04/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Một số vấn đề lý luận và kinh nghiệm quốc tế về hệ thống đổi mới sáng tạo và khuôn khổ chính sách hỗ trợ. Tổng quan hệ thống khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam và CuBa. Quá trình đổi mới chính sách phát triển hệ thống khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam và CuBa. Bài học kinh nghiệm về xây dựng chính sách phát triển hệ thống khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho Việt Nam và CuBa. Kiến nghị tiếp tục đổi mới và hoàn thiện chính sách phát

triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho Việt Nam và CuBa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Số hồ sơ lưu: 17947

### **60303. Đạo đức học**

78358. 05-2021. **Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam/** TS. Trần Cẩm Tú, TS. Đặng Thị Kim Ngân; PGS.TS. Trịnh Thị Xuyên; Cử nhân. Cao Văn Thống; PGS.TS. Vũ Thư; TS. Tô Quang Thu; PGS.TS. Vũ Thu Hạnh; TS. Trần Văn Long; ThS. Ngô Thị Thành An; ThS. Phạm Đức Tiến; TS. Đinh Văn Minh - Hà Nội - Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, 2020 - 06/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở lý luận về đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam. Kinh nghiệm của một số Đảng cầm quyền trên thế giới trong việc lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Thực trạng nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay. Mục tiêu, quan điểm, giải pháp đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17946



**Phu lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN**

**1. Tên thủ tục hành chính:** Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

**2. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn

bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

### **3. Cách thức thực hiện:**

- Đăng ký trực tuyến tại trang thông tin điện tử: <http://dangkykqnv.vista.gov.vn/>;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;
- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

### **4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ**

- 01 Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (Phiếu đăng ký để rời, đóng dấu giáp lai nếu 2 tờ, không đóng vào báo cáo tổng hợp).
- 01 bản giấy Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (đã hoàn thiện sau khi nghiệm thu chính thức), báo cáo đóng bìa cứng, gáy vuông (in tên chủ nhiệm vụ, và mã số nhiệm vụ), trên trang bìa lót bên trong có xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.
- 01 bản điện tử Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (file hoàn chỉnh, không tách riêng các file chương, mục,...); 01 bản điện tử Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.
- 01 bản sao Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (biên bản không đóng kèm vào báo cáo tổng hợp); văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 Bản sao đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.

- 01 Phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

**5. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**9. Lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- Phiếu mô tả công nghệ.

- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.

- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:**

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: dangky@vista.gov.vn

*\* Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119*